CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61/2023/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ PHIÊN ĐẤU GIÁ THỨ HAI – NGÀY 03/01/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô Phiên đấu giá thứ hai - Ngày 03/01/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: Trước 16h30' ngày 31/12/2023 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 31/12/2023).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: 30 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.0555.15

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.H.D. CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 03/01/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 31/12/2023

(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	47A-677.77	Đắk Lắk	701	51L-168.68	Hồ Chí Minh	1401	28A-222.22	Hòa Bình	2101	34A-766.66	Hải Dương	2801	51L-299.99	Hồ Chí Minh
2	28A-226.88	Hòa Bình	702	36K-029.99	Thanh Hóa	1402	30K-806.79	Hà Nội	2102	51L-088.88	Hồ Chí Minh	2802	20C-286.88	Thái Nguyên
3	15K-241.11	Hải Phòng	703	14A-883.99	Quảng Ninh	1403	14A-856.86	Quảng Ninh	2103	20A-739.99	Thái Nguyên	2803	12A-233.99	Lạng Sơn
4	17A-414.44	Thái Bình	704	17A-417.89	Thái Bình	1404	14A-863.99	Quảng Ninh	2104	26A-199.92	Sơn La	2804	14A-885.99	Quảng Ninh
5	26A-200.02	Sơn La	705	18A-396.88	Nam Định	1405	14A-866.89	Quảng Ninh	2105	26A-199.96	Sơn La	2805	17A-395.95	Thái Bình
6	30K-657.77	Hà Nội	706	28A-227.89	Hòa Bình	1406	26A-199.86	Sơn La	2106	28A-226.68	Hòa Bình	2806	19A-598.68	Phú Thọ
7	30K-804.74	Hà Nội	707	30K-804.56	Hà Nội	1407	30K-799.87	Hà Nội	2107	30K-799.96	Hà Nội	2807	20A-738.68	Thái Nguyên
8	30K-806.99	Hà Nội	708	30K-806.68	Hà Nội	1408	30K-806.78	Hà Nội	2108	30K-818.99	Hà Nội	2808	22A-229.92	Tuyên Quang
9	30K-895.95	Hà Nội	709	30K-855.99	Hà Nội	1409	30K-866.98	Hà Nội	2109	30K-833.36	Hà Nội	2809	26A-199.91	Sơn La
10	30K-962.62	Hà Nội	710	30K-939.69	Hà Nội	1410	30K-933.93	Hà Nội	2110	30K-860.86	Hà Nội	2810	30K-777.39	Hà Nội
11	30L-003.79	Hà Nội	711	30L-149.53	Hà Nội	1411	30L-169.89	Hà Nội	2111	30K-879.86	Hà Nội	2811	30K-806.86	Hà Nội
12	30L-090.91	Hà Nội	712	34A-777.07	Hải Dương	1412	36K-030.00	Thanh Hóa	2112	30K-966.88	Hà Nội	2812	30K-966.55	Hà Nội
13	35A-393.68	Ninh Bình	713	37K-316.66	Nghệ An	1413	37K-296.96	Nghệ An	2113	30L-119.76	Hà Nội	2813	30K-979.97	Hà Nội
14	37K-287.89	Nghệ An	714	51L-086.88	Hồ Chí Minh	1414	43A-845.67	Đà Nẵng	2114	30L-139.99	Hà Nội	2814	30L-019.79	Hà Nội
15	51L-086.78	Hồ Chí Minh	715	51L-100.11	Hồ Chí Minh	1415	47C-345.68	Đắk Lắk	2115	47A-661.11	Đắk Lắk	2815	30L-019.98	Hà Nội
16	51L-087.97	Hồ Chí Minh	716	51L-188.89	Hồ Chí Minh	1416	49A-667.77	Lâm Đồng	2116	49A-666.67	Lâm Đồng	2816	30L-165.89	Hà Nội
17	51L-088.66	Hồ Chí Minh	717	61K-361.11	Bình Dương	1417	51L-088.98	Hồ Chí Minh	2117	51L-086.66	Hồ Chí Minh	2817	51L-086.83	Hồ Chí Minh
18	51L-088.89	Hồ Chí Minh	718	68A-322.28	Kiên Giang	1418	51L-090.99	Hồ Chí Minh	2118	51L-088.60	Hồ Chí Minh	2818	51L-088.81	Hồ Chí Minh
19	51L-236.79	Hồ Chí Minh	719	70A-518.68	Tây Ninh	1419	51L-091.11	Hồ Chí Minh	2119	51L-089.98	Hồ Chí Minh	2819	51L-268.03	Hồ Chí Minh
20	62A-392.22	Long An	720	72A-748.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1420	51L-119.75	Hồ Chí Minh	2120	51L-287.83	Hồ Chí Minh	2820	68A-320.00	Kiên Giang
21	72A-750.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	721	81A-388.38	Gia Lai	1421	51L-266.66	Hồ Chí Minh	2121	51L-333.88	Hồ Chí Minh	2821	68A-321.11	Kiên Giang
22	75A-349.99	Thừa Thiên Huế	722	81A-388.86	Gia Lai	1422	51L-289.98	Hồ Chí Minh	2122	68A-319.98	Kiên Giang	2822	70A-520.00	Tây Ninh
23	81A-388.66	Gia Lai	723	82C-088.88	Kon Tum	1423	61K-393.79	Bình Dương	2123	72A-748.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2823	72A-759.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
24	81A-388.98	Gia Lai	724	89A-446.99	Hưng Yên	1424	70A-519.99	Tây Ninh	2124	72A-749.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2824	72A-779.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
25	82A-135.79	Kon Tum	725	90A-252.22	Hà Nam	1425	82A-136.66	Kon Tum	2125	75A-355.59	Thừa Thiên Huế	2825	75A-357.89	Thừa Thiên Huế
26	88A-664.99	Vĩnh Phúc	726	90A-256.68	Hà Nam	1426	88A-682.22	Vĩnh Phúc	2126	81A-388.68	Gia Lai	2826	86A-282.86	Bình Thuận
27	98A-682.68	Bắc Giang	727	99A-737.39	Bắc Ninh	1427	98A-722.88	Bắc Giang	2127	99A-766.67	Bắc Ninh	2827	89A-446.66	Hưng Yên
28	30K-801.07	Hà Nội	728	30K-693.86	Hà Nội	1428	30K-801.02	Hà Nội	2128	30K-801.05	Hà Nội	2828	30K-801.24	Hà Nội
29	30K-801.15	Hà Nội	729	30K-801.22	Hà Nội	1429	30K-801.10	Hà Nội	2129	30K-801.18	Hà Nội	2829	30K-801.25	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
30	30K-801.17	Hà Nội	730	30K-801.60	Hà Nội	1430	30K-801.26	Hà Nội	2130	30K-801.63	Hà Nội	2830	30K-801.30	Hà Nội
31	30K-801.20	Hà Nội	731	30K-801.74	Hà Nội	1431	30K-801.36	Hà Nội	2131	30K-801.77	Hà Nội	2831	30K-801.31	Hà Nội
32	30K-801.32	Hà Nội	732	30K-801.78	Hà Nội	1432	30K-801.44	Hà Nội	2132	30K-801.80	Hà Nội	2832	30K-801.33	Hà Nội
33	30K-801.38	Hà Nội	733	30K-801.98	Hà Nội	1433	30K-801.45	Hà Nội	2133	30K-801.91	Hà Nội	2833	30K-801.39	Hà Nội
34	30K-801.71	Hà Nội	734	30K-802.04	Hà Nội	1434	30K-801.47	Hà Nội	2134	30K-802.05	Hà Nội	2834	30K-801.48	Hà Nội
35	30K-801.81	Hà Nội	735	30K-802.06	Hà Nội	1435	30K-801.53	Hà Nội	2135	30K-802.11	Hà Nội	2835	30K-801.56	Hà Nội
36	30K-801.96	Hà Nội	736	30K-802.09	Hà Nội	1436	30K-801.76	Hà Nội	2136	30K-802.14	Hà Nội	2836	30K-801.62	Hà Nội
37	30K-801.99	Hà Nội	737	30K-802.13	Hà Nội	1437	30K-802.45	Hà Nội	2137	30K-802.20	Hà Nội	2837	30K-801.75	Hà Nội
38	30K-802.03	Hà Nội	738	30K-802.16	Hà Nội	1438	30K-802.47	Hà Nội	2138	30K-802.26	Hà Nội	2838	30K-801.82	Hà Nội
39	30K-802.08	Hà Nội	739	30K-802.21	Hà Nội	1439	30K-802.48	Hà Nội	2139	30K-802.30	Hà Nội	2839	30K-801.90	Hà Nội
40	30K-802.17	Hà Nội	740	30K-802.35	Hà Nội	1440	30K-802.63	Hà Nội	2140	30K-802.34	Hà Nội	2840	30K-802.15	Hà Nội
41	30K-802.36	Hà Nội	741	30K-802.55	Hà Nội	1441	30K-802.68	Hà Nội	2141	30K-802.40	Hà Nội	2841	30K-802.19	Hà Nội
42	30K-802.39	Hà Nội	742	30K-802.66	Hà Nội	1442	30K-802.73	Hà Nội	2142	30K-802.43	Hà Nội	2842	30K-802.33	Hà Nội
43	30K-802.70	Hà Nội	743	30K-802.77	Hà Nội	1443	30K-802.75	Hà Nội	2143	30K-802.49	Hà Nội	2843	30K-802.37	Hà Nội
44	30K-802.83	Hà Nội	744	30K-802.80	Hà Nội	1444	30K-802.76	Hà Nội	2144	30K-802.69	Hà Nội	2844	30K-802.58	Hà Nội
45	30K-802.85	Hà Nội	745	30K-803.15	Hà Nội	1445	30K-802.89	Hà Nội	2145	30K-802.79	Hà Nội	2845	30K-802.61	Hà Nội
46	30K-802.98	Hà Nội	746	30K-803.41	Hà Nội	1446	30K-802.92	Hà Nội	2146	30K-803.07	Hà Nội	2846	30K-802.64	Hà Nội
47	30K-803.08	Hà Nội	747	30K-803.49	Hà Nội	1447	30K-803.01	Hà Nội	2147	30K-803.09	Hà Nội	2847	30K-802.81	Hà Nội
48	30K-803.17	Hà Nội	748	30K-803.52	Hà Nội	1448	30K-803.03	Hà Nội	2148	30K-803.12	Hà Nội	2848	30K-802.90	Hà Nội
49	30K-803.51	Hà Nội	749	30K-803.63	Hà Nội	1449	30K-803.06	Hà Nội	2149	30K-803.33	Hà Nội	2849	30K-802.93	Hà Nội
50	30K-803.60	Hà Nội	750	30K-803.68	Hà Nội	1450	30K-803.22	Hà Nội	2150	30K-803.37	Hà Nội	2850	30K-803.05	Hà Nội
51	30K-803.70	Hà Nội	751	30K-803.83	Hà Nội	1451	30K-803.32	Hà Nội	2151	30K-803.43	Hà Nội	2851	30K-803.10	Hà Nội
52	30K-803.74	Hà Nội	752	30K-803.95	Hà Nội	1452	30K-803.35	Hà Nội	2152	30K-803.47	Hà Nội	2852	30K-803.16	Hà Nội
53	30K-803.77	Hà Nội	753	30K-803.96	Hà Nội	1453	30K-803.46	Hà Nội	2153	30K-803.53	Hà Nội	2853	30K-803.19	Hà Nội
54	30K-803.79	Hà Nội	754	30K-804.11	Hà Nội	1454	30K-803.54	Hà Nội	2154	30K-804.14	Hà Nội	2854	30K-803.25	Hà Nội
55	30K-803.94	Hà Nội	755	30K-804.17	Hà Nội	1455	30K-803.58	Hà Nội	2155	30K-804.29	Hà Nội	2855	30K-803.31	Hà Nội
56	30K-803.98	Hà Nội	756	30K-804.26	Hà Nội	1456	30K-803.62	Hà Nội	2156	30K-804.46	Hà Nội	2856	30K-803.34	Hà Nội
57	30K-804.06	Hà Nội	757	30K-804.28	Hà Nội	1457	30K-803.66	Hà Nội	2157	30K-804.63	Hà Nội	2857	30K-803.36	Hà Nội
58	30K-804.18	Hà Nội	758	30K-804.66	Hà Nội	1458	30K-803.72	Hà Nội	2158	30K-804.65	Hà Nội	2858	30K-803.40	Hà Nội
59	30K-804.22	Hà Nội	759	30K-804.69	Hà Nội	1459	30K-803.73	Hà Nội	2159	30K-804.77	Hà Nội	2859	30K-803.64	Hà Nội
60	30K-804.33	Hà Nội	760	30K-804.93	Hà Nội	1460	30K-803.81	Hà Nội	2160	30K-804.82	Hà Nội	2860	30K-803.71	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
61	30K-804.49	Hà Nội	761	30K-805.02	Hà Nội	1461	30K-803.87	Hà Nội	2161	30K-804.86	Hà Nội	2861	30K-803.75	Hà Nội
62	30K-804.53	Hà Nội	762	30K-805.08	Hà Nội	1462	30K-804.00	Hà Nội	2162	30K-804.87	Hà Nội	2862	30K-803.80	Hà Nội
63	30K-804.54	Hà Nội	763	30K-805.10	Hà Nội	1463	30K-804.02	Hà Nội	2163	30K-804.92	Hà Nội	2863	30K-803.89	Hà Nội
64	30K-804.94	Hà Nội	764	30K-805.14	Hà Nội	1464	30K-804.03	Hà Nội	2164	30K-805.03	Hà Nội	2864	30K-803.90	Hà Nội
65	30K-804.95	Hà Nội	765	30K-805.15	Hà Nội	1465	30K-804.07	Hà Nội	2165	30K-805.23	Hà Nội	2865	30K-803.91	Hà Nội
66	30K-805.09	Hà Nội	766	30K-805.20	Hà Nội	1466	30K-804.16	Hà Nội	2166	30K-805.31	Hà Nội	2866	30K-804.24	Hà Nội
67	30K-805.11	Hà Nội	767	30K-805.32	Hà Nội	1467	30K-804.25	Hà Nội	2167	30K-805.43	Hà Nội	2867	30K-804.30	Hà Nội
68	30K-805.12	Hà Nội	768	30K-805.52	Hà Nội	1468	30K-804.43	Hà Nội	2168	30K-805.49	Hà Nội	2868	30K-804.36	Hà Nội
69	30K-805.19	Hà Nội	769	30K-805.71	Hà Nội	1469	30K-804.78	Hà Nội	2169	30K-805.51	Hà Nội	2869	30K-804.42	Hà Nội
70	30K-805.30	Hà Nội	770	30K-805.90	Hà Nội	1470	30K-804.90	Hà Nội	2170	30K-805.60	Hà Nội	2870	30K-804.55	Hà Nội
71	30K-805.33	Hà Nội	771	30K-805.93	Hà Nội	1471	30K-804.99	Hà Nội	2171	30K-805.78	Hà Nội	2871	30K-804.60	Hà Nội
72	30K-805.40	Hà Nội	772	30K-806.11	Hà Nội	1472	30K-805.27	Hà Nội	2172	30K-805.86	Hà Nội	2872	30K-804.70	Hà Nội
73	30K-805.69	Hà Nội	773	30K-806.21	Hà Nội	1473	30K-805.28	Hà Nội	2173	30K-805.91	Hà Nội	2873	30K-804.88	Hà Nội
74	30K-805.88	Hà Nội	774	30K-806.22	Hà Nội	1474	30K-805.47	Hà Nội	2174	30K-805.96	Hà Nội	2874	30K-805.07	Hà Nội
75	30K-805.97	Hà Nội	775	30K-806.25	Hà Nội	1475	30K-805.53	Hà Nội	2175	30K-806.03	Hà Nội	2875	30K-805.26	Hà Nội
76	30K-806.02	Hà Nội	776	30K-806.38	Hà Nội	1476	30K-805.54	Hà Nội	2176	30K-806.06	Hà Nội	2876	30K-805.44	Hà Nội
77	30K-806.05	Hà Nội	777	30K-806.41	Hà Nội	1477	30K-805.68	Hà Nội	2177	30K-806.13	Hà Nội	2877	30K-805.57	Hà Nội
78	30K-806.10	Hà Nội	778	30K-806.59	Hà Nội	1478	30K-805.70	Hà Nội	2178	30K-806.37	Hà Nội	2878	30K-805.58	Hà Nội
79	30K-806.12	Hà Nội	779	30K-806.76	Hà Nội	1479	30K-805.72	Hà Nội	2179	30K-806.49	Hà Nội	2879	30K-805.67	Hà Nội
80	30K-806.29	Hà Nội	780	30K-806.83	Hà Nội	1480	30K-805.79	Hà Nội	2180	30K-806.52	Hà Nội	2880	30K-805.75	Hà Nội
81	30K-806.30	Hà Nội	781	51L-086.31	Hồ Chí Minh	1481	30K-805.82	Hà Nội	2181	30K-806.58	Hà Nội	2881	30K-805.98	Hà Nội
82	30K-806.33	Hà Nội	782	51L-086.36	Hồ Chí Minh	1482	30K-805.85	Hà Nội	2182	30K-806.61	Hà Nội	2882	30K-806.04	Hà Nội
83	30K-806.40	Hà Nội	783	51L-086.39	Hồ Chí Minh	1483	30K-806.15	Hà Nội	2183	30K-806.65	Hà Nội	2883	30K-806.09	Hà Nội
84	30K-806.45	Hà Nội	784	51L-086.44	Hồ Chí Minh	1484	30K-806.26	Hà Nội	2184	30K-806.72	Hà Nội	2884	30K-806.27	Hà Nội
85	30K-806.64	Hà Nội	785	51L-086.48	Hồ Chí Minh	1485	30K-806.56	Hà Nội	2185	30K-806.90	Hà Nội	2885	30K-806.57	Hà Nội
86	30K-806.80	Hà Nội	786	51L-086.54	Hồ Chí Minh	1486	30K-806.67	Hà Nội	2186	30K-806.93	Hà Nội	2886	30K-806.63	Hà Nội
87	51L-086.26	Hồ Chí Minh	787	51L-086.67	Hồ Chí Minh	1487	30K-806.91	Hà Nội	2187	51L-086.46	Hồ Chí Minh	2887	30K-806.73	Hà Nội
88	51L-086.33	Hồ Chí Minh	788	51L-086.69	Hồ Chí Minh	1488	30K-806.94	Hà Nội	2188	51L-086.95	Hồ Chí Minh	2888	30K-806.74	Hà Nội
89	51L-086.60	Hồ Chí Minh	789	51L-086.76	Hồ Chí Minh	1489	51L-086.27	Hồ Chí Minh	2189	51L-087.06	Hồ Chí Minh	2889	30K-806.81	Hà Nội
90	51L-086.70	Hồ Chí Minh	790	51L-086.81	Hồ Chí Minh	1490	51L-086.43	Hồ Chí Minh	2190	51L-087.44	Hồ Chí Minh	2890	30K-806.88	Hà Nội
91	51L-086.77	Hồ Chí Minh	791	51L-086.84	Hồ Chí Minh	1491	51L-086.51	Hồ Chí Minh	2191	51L-087.62	Hồ Chí Minh	2891	30K-806.92	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
92	51L-086.82	Hồ Chí Minh	792	51L-086.85	Hồ Chí Minh	1492	51L-086.52	Hồ Chí Minh	2192	51L-088.17	Hồ Chí Minh	2892	30K-806.95	Hà Nội
93	51L-086.90	Hồ Chí Minh	793	51L-086.91	Hồ Chí Minh	1493	51L-086.97	Hồ Chí Minh	2193	51L-088.29	Hồ Chí Minh	2893	30K-806.97	Hà Nội
94	51L-087.08	Hồ Chí Minh	794	51L-086.94	Hồ Chí Minh	1494	51L-087.09	Hồ Chí Minh	2194	51L-088.32	Hồ Chí Minh	2894	51L-086.28	Hồ Chí Minh
95	51L-087.25	Hồ Chí Minh	795	51L-086.99	Hồ Chí Minh	1495	51L-087.33	Hồ Chí Minh	2195	51L-088.34	Hồ Chí Minh	2895	51L-086.34	Hồ Chí Minh
96	51L-087.39	Hồ Chí Minh	796	51L-087.01	Hồ Chí Minh	1496	51L-087.46	Hồ Chí Minh	2196	51L-088.57	Hồ Chí Minh	2896	51L-086.49	Hồ Chí Minh
97	51L-087.45	Hồ Chí Minh	797	51L-087.10	Hồ Chí Minh	1497	51L-087.47	Hồ Chí Minh	2197	51L-088.59	Hồ Chí Minh	2897	51L-086.50	Hồ Chí Minh
98	51L-087.60	Hồ Chí Minh	798	51L-087.12	Hồ Chí Minh	1498	51L-087.48	Hồ Chí Minh	2198	51L-089.19	Hồ Chí Minh	2898	51L-086.61	Hồ Chí Minh
99	51L-087.81	Hồ Chí Minh	799	51L-087.16	Hồ Chí Minh	1499	51L-087.49	Hồ Chí Minh	2199	51L-089.34	Hồ Chí Minh	2899	51L-087.11	Hồ Chí Minh
100	51L-087.83	Hồ Chí Minh	800	51L-087.56	Hồ Chí Minh	1500	51L-087.61	Hồ Chí Minh	2200	51L-089.41	Hồ Chí Minh	2900	51L-087.21	Hồ Chí Minh
101	51L-087.90	Hồ Chí Minh	801	51L-087.65	Hồ Chí Minh	1501	51L-087.73	Hồ Chí Minh	2201	51L-089.52	Hồ Chí Minh	2901	51L-087.26	Hồ Chí Minh
102	51L-087.93	Hồ Chí Minh	802	51L-087.79	Hồ Chí Minh	1502	51L-087.76	Hồ Chí Minh	2202	51L-089.54	Hồ Chí Minh	2902	51L-087.29	Hồ Chí Minh
103	51L-088.07	Hồ Chí Minh	803	51L-087.87	Hồ Chí Minh	1503	51L-087.78	Hồ Chí Minh	2203	51L-089.56	Hồ Chí Minh	2903	51L-087.34	Hồ Chí Minh
104	51L-088.49	Hồ Chí Minh	804	51L-087.95	Hồ Chí Minh	1504	51L-087.85	Hồ Chí Minh	2204	51L-089.62	Hồ Chí Minh	2904	51L-087.50	Hồ Chí Minh
105	51L-088.61	Hồ Chí Minh	805	51L-088.01	Hồ Chí Minh	1505	51L-087.94	Hồ Chí Minh	2205	51L-089.63	Hồ Chí Minh	2905	51L-087.52	Hồ Chí Minh
106	51L-088.64	Hồ Chí Minh	806	51L-088.46	Hồ Chí Minh	1506	51L-087.96	Hồ Chí Minh	2206	51L-089.71	Hồ Chí Minh	2906	51L-087.64	Hồ Chí Minh
107	51L-088.67	Hồ Chí Minh	807	51L-088.93	Hồ Chí Minh	1507	51L-088.04	Hồ Chí Minh	2207	51L-089.83	Hồ Chí Minh	2907	51L-087.88	Hồ Chí Minh
108	51L-088.76	Hồ Chí Minh	808	51L-088.94	Hồ Chí Minh	1508	51L-088.24	Hồ Chí Minh	2208	51L-089.88	Hồ Chí Minh	2908	51L-088.23	Hồ Chí Minh
109	51L-088.82	Hồ Chí Minh	809	51L-088.97	Hồ Chí Minh	1509	51L-088.25	Hồ Chí Minh	2209	51L-090.11	Hồ Chí Minh	2909	51L-088.31	Hồ Chí Minh
110	51L-088.84	Hồ Chí Minh	810	51L-089.00	Hồ Chí Minh	1510	51L-088.26	Hồ Chí Minh	2210	51L-090.45	Hồ Chí Minh	2910	51L-088.45	Hồ Chí Minh
111	51L-089.01	Hồ Chí Minh	811	51L-089.10	Hồ Chí Minh	1511	51L-088.28	Hồ Chí Minh	2211	51L-090.64	Hồ Chí Minh	2911	51L-088.48	Hồ Chí Minh
112	51L-089.06	Hồ Chí Minh	812	51L-089.16	Hồ Chí Minh	1512	51L-088.52	Hồ Chí Minh	2212	51L-090.81	Hồ Chí Minh	2912	51L-088.54	Hồ Chí Minh
113	51L-089.08	Hồ Chí Minh	813	51L-089.36	Hồ Chí Minh	1513	51L-088.72	Hồ Chí Minh	2213	51L-091.00	Hồ Chí Minh	2913	51L-088.63	Hồ Chí Minh
114	51L-089.27	Hồ Chí Minh	814	51L-089.39	Hồ Chí Minh	1514	51L-088.87	Hồ Chí Minh	2214	51L-091.05	Hồ Chí Minh	2914	51L-088.65	Hồ Chí Minh
115	51L-089.45	Hồ Chí Minh	815	51L-089.48	Hồ Chí Minh	1515	51L-088.91	Hồ Chí Minh	2215	51L-091.09	Hồ Chí Minh	2915	51L-088.70	Hồ Chí Minh
116	51L-089.64	Hồ Chí Minh	816	51L-089.51	Hồ Chí Minh	1516	51L-088.95	Hồ Chí Minh	2216	51L-091.23	Hồ Chí Minh	2916	51L-088.73	Hồ Chí Minh
117	51L-089.74	Hồ Chí Minh	817	51L-089.55	Hồ Chí Minh	1517	51L-089.02	Hồ Chí Minh	2217	51L-091.30	Hồ Chí Minh	2917	51L-089.12	Hồ Chí Minh
118	51L-089.77	Hồ Chí Minh	818	51L-089.57	Hồ Chí Minh	1518	51L-089.25	Hồ Chí Minh	2218	51L-091.40	Hồ Chí Minh	2918	51L-089.13	Hồ Chí Minh
119	51L-089.93	Hồ Chí Minh	819	51L-089.61	Hồ Chí Minh	1519	51L-089.28	Hồ Chí Minh	2219	51L-091.57	Hồ Chí Minh	2919	51L-089.17	Hồ Chí Minh
120	51L-089.95	Hồ Chí Minh	820	51L-089.67	Hồ Chí Minh	1520	51L-089.30	Hồ Chí Minh	2220	51L-091.78	Hồ Chí Minh	2920	51L-089.46	Hồ Chí Minh
121	51L-090.02	Hồ Chí Minh	821	51L-089.81	Hồ Chí Minh	1521	51L-089.33	Hồ Chí Minh	2221	51L-091.87	Hồ Chí Minh	2921	51L-089.60	Hồ Chí Minh
122	51L-090.03	Hồ Chí Minh	822	51L-089.84	Hồ Chí Minh	1522	51L-089.73	Hồ Chí Minh	2222	51L-092.18	Hồ Chí Minh	2922	51L-089.65	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
123	51L-090.08	Hồ Chí Minh	823	51L-089.85	Hồ Chí Minh	1523	51L-090.10	Hồ Chí Minh	2223	51L-092.23	Hồ Chí Minh	2923	51L-089.75	Hồ Chí Minh
124	51L-090.14	Hồ Chí Minh	824	51L-090.13	Hồ Chí Minh	1524	51L-090.17	Hồ Chí Minh	2224	11A-113.34	Cao Bằng	2924	51L-089.92	Hồ Chí Minh
125	51L-090.15	Hồ Chí Minh	825	51L-090.27	Hồ Chí Minh	1525	51L-090.25	Hồ Chí Minh	2225	11A-113.35	Cao Bằng	2925	51L-090.12	Hồ Chí Minh
126	51L-090.21	Hồ Chí Minh	826	51L-090.30	Hồ Chí Minh	1526	51L-090.26	Hồ Chí Minh	2226	11C-072.37	Cao Bằng	2926	51L-090.16	Hồ Chí Minh
127	51L-090.37	Hồ Chí Minh	827	51L-090.43	Hồ Chí Minh	1527	51L-090.49	Hồ Chí Minh	2227	11C-072.49	Cao Bằng	2927	51L-090.28	Hồ Chí Minh
128	51L-090.38	Hồ Chí Minh	828	51L-090.44	Hồ Chí Minh	1528	51L-090.55	Hồ Chí Minh	2228	11C-072.51	Cao Bằng	2928	51L-090.31	Hồ Chí Minh
129	51L-090.65	Hồ Chí Minh	829	51L-090.72	Hồ Chí Minh	1529	51L-091.02	Hồ Chí Minh	2229	11C-072.76	Cao Bằng	2929	51L-090.46	Hồ Chí Minh
130	51L-090.77	Hồ Chí Minh	830	51L-090.76	Hồ Chí Minh	1530	51L-091.03	Hồ Chí Minh	2230	11C-072.87	Cao Bằng	2930	51L-090.56	Hồ Chí Minh
131	51L-090.83	Hồ Chí Minh	831	51L-090.82	Hồ Chí Minh	1531	51L-091.14	Hồ Chí Minh	2231	14A-852.50	Quảng Ninh	2931	51L-090.57	Hồ Chí Minh
132	51L-090.92	Hồ Chí Minh	832	51L-090.94	Hồ Chí Minh	1532	51L-091.48	Hồ Chí Minh	2232	14A-852.68	Quảng Ninh	2932	51L-090.66	Hồ Chí Minh
133	51L-091.16	Hồ Chí Minh	833	51L-091.08	Hồ Chí Minh	1533	51L-091.56	Hồ Chí Minh	2233	14A-852.88	Quảng Ninh	2933	51L-090.68	Hồ Chí Minh
134	51L-091.17	Hồ Chí Minh	834	51L-091.13	Hồ Chí Minh	1534	51L-091.64	Hồ Chí Minh	2234	14C-397.55	Quảng Ninh	2934	51L-090.70	Hồ Chí Minh
135	51L-091.28	Hồ Chí Minh	835	51L-091.33	Hồ Chí Minh	1535	51L-091.71	Hồ Chí Minh	2235	14C-397.64	Quảng Ninh	2935	51L-090.79	Hồ Chí Minh
136	51L-091.51	Hồ Chí Minh	836	51L-091.37	Hồ Chí Minh	1536	51L-092.02	Hồ Chí Minh	2236	14C-397.71	Quảng Ninh	2936	51L-090.80	Hồ Chí Minh
137	51L-091.72	Hồ Chí Minh	837	51L-091.47	Hồ Chí Minh	1537	51L-092.13	Hồ Chí Minh	2237	14C-397.99	Quảng Ninh	2937	51L-091.01	Hồ Chí Minh
138	51L-091.74	Hồ Chí Minh	838	51L-091.49	Hồ Chí Minh	1538	51L-092.16	Hồ Chí Minh	2238	14C-398.00	Quảng Ninh	2938	51L-091.29	Hồ Chí Minh
139	51L-091.81	Hồ Chí Minh	839	51L-091.66	Hồ Chí Minh	1539	51L-092.17	Hồ Chí Minh	2239	15K-240.43	Hải Phòng	2939	51L-091.31	Hồ Chí Minh
140	51L-091.82	Hồ Chí Minh	840	51L-091.79	Hồ Chí Minh	1540	51L-092.21	Hồ Chí Minh	2240	15K-240.45	Hải Phòng	2940	51L-091.32	Hồ Chí Minh
141	51L-091.96	Hồ Chí Minh	841	51L-091.93	Hồ Chí Minh	1541	11A-113.29	Cao Bằng	2241	15K-240.59	Hải Phòng	2941	51L-091.38	Hồ Chí Minh
142	51L-092.07	Hồ Chí Minh	842	51L-091.98	Hồ Chí Minh	1542	11A-113.40	Cao Bằng	2242	15K-241.02	Hải Phòng	2942	51L-091.50	Hồ Chí Minh
143	51L-092.14	Hồ Chí Minh	843	51L-092.03	Hồ Chí Minh	1543	11A-113.46	Cao Bằng	2243	15K-241.04	Hải Phòng	2943	51L-091.68	Hồ Chí Minh
144	51L-092.24	Hồ Chí Minh	844	51L-092.20	Hồ Chí Minh	1544	11C-072.25	Cao Bằng	2244	15K-241.05	Hải Phòng	2944	51L-091.95	Hồ Chí Minh
145	11A-113.30	Cao Bằng	845	11A-113.31	Cao Bằng	1545	11C-072.39	Cao Bằng	2245	15K-241.15	Hải Phòng	2945	51L-092.08	Hồ Chí Minh
146	11A-113.32	Cao Bằng	846	11C-072.26	Cao Bằng	1546	11C-072.45	Cao Bằng	2246	15K-241.17	Hải Phòng	2946	51L-092.11	Hồ Chí Minh
147	11A-113.41	Cao Bằng	847	11C-072.43	Cao Bằng	1547	11C-072.54	Cao Bằng	2247	15K-241.22	Hải Phòng	2947	11A-113.38	Cao Bằng
148	11C-072.28	Cao Bằng	848	11C-072.47	Cao Bằng	1548	11C-072.56	Cao Bằng	2248	17A-414.51	Thái Bình	2948	11A-113.43	Cao Bằng
149	11C-072.31	Cao Bằng	849	11C-072.50	Cao Bằng	1549	11C-072.60	Cao Bằng	2249	17A-414.54	Thái Bình	2949	11A-113.48	Cao Bằng
150	11C-072.33	Cao Bằng	850	11C-072.52	Cao Bằng	1550	11C-072.64	Cao Bằng	2250	17A-414.57	Thái Bình	2950	11C-072.24	Cao Bằng
151	11C-072.42	Cao Bằng	851	11C-072.57	Cao Bằng	1551	11C-072.67	Cao Bằng	2251	17A-414.62	Thái Bình	2951	11C-072.32	Cao Bằng
152	11C-072.44	Cao Bằng	852	11C-072.58	Cao Bằng	1552	11C-072.75	Cao Bằng	2252	17A-414.70	Thái Bình	2952	11C-072.34	Cao Bằng
153	11C-072.53	Cao Bằng	853	11C-072.62	Cao Bằng	1553	11D-005.68	Cao Bằng	2253	17A-414.82	Thái Bình	2953	11C-072.83	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
154	11C-072.61	Cao Bằng	854	11C-072.72	Cao Bằng	1554	14A-852.46	Quảng Ninh	2254	17C-199.65	Thái Bình	2954	11C-072.84	Cao Bằng
155	11C-072.69	Cao Bằng	855	11C-072.77	Cao Bằng	1555	14A-852.48	Quảng Ninh	2255	17C-199.68	Thái Bình	2955	11C-072.85	Cao Bằng
156	11C-072.73	Cao Bằng	856	11C-072.89	Cao Bằng	1556	14A-852.51	Quảng Ninh	2256	17C-199.72	Thái Bình	2956	11C-072.86	Cao Bằng
157	14A-852.53	Quảng Ninh	857	11D-005.69	Cao Bằng	1557	14A-852.56	Quảng Ninh	2257	17C-199.93	Thái Bình	2957	14A-852.45	Quảng Ninh
158	14A-852.74	Quảng Ninh	858	14A-852.66	Quảng Ninh	1558	14A-852.60	Quảng Ninh	2258	17C-199.97	Thái Bình	2958	14A-852.49	Quảng Ninh
159	14C-397.56	Quảng Ninh	859	14A-852.69	Quảng Ninh	1559	14A-852.76	Quảng Ninh	2259	17C-200.01	Thái Bình	2959	14A-852.63	Quảng Ninh
160	14C-397.67	Quảng Ninh	860	14A-852.72	Quảng Ninh	1560	14A-852.92	Quảng Ninh	2260	17C-200.11	Thái Bình	2960	14A-852.70	Quảng Ninh
161	14C-397.69	Quảng Ninh	861	14C-397.92	Quảng Ninh	1561	14C-397.68	Quảng Ninh	2261	18A-407.39	Nam Định	2961	14A-852.89	Quảng Ninh
162	14C-397.78	Quảng Ninh	862	15K-240.40	Hải Phòng	1562	14C-397.80	Quảng Ninh	2262	18A-407.45	Nam Định	2962	14C-397.52	Quảng Ninh
163	14C-397.85	Quảng Ninh	863	15K-240.50	Hải Phòng	1563	14C-397.94	Quảng Ninh	2263	18A-407.55	Nam Định	2963	14C-397.66	Quảng Ninh
164	14C-397.88	Quảng Ninh	864	15K-240.51	Hải Phòng	1564	14C-397.95	Quảng Ninh	2264	18A-407.56	Nam Định	2964	14C-397.70	Quảng Ninh
165	14C-397.93	Quảng Ninh	865	15K-240.62	Hải Phòng	1565	15K-240.31	Hải Phòng	2265	18A-407.61	Nam Định	2965	14C-397.86	Quảng Ninh
166	15K-240.57	Hải Phòng	866	15K-240.64	Hải Phòng	1566	15K-240.53	Hải Phòng	2266	18A-407.67	Nam Định	2966	14C-397.91	Quảng Ninh
167	15K-240.66	Hải Phòng	867	15K-240.69	Hải Phòng	1567	15K-240.85	Hải Phòng	2267	18A-407.76	Nam Định	2967	14C-397.98	Quảng Ninh
168	15K-240.70	Hải Phòng	868	15K-240.94	Hải Phòng	1568	15K-240.87	Hải Phòng	2268	18A-407.78	Nam Định	2968	15K-240.33	Hải Phòng
169	15K-240.71	Hải Phòng	869	15K-240.96	Hải Phòng	1569	15K-240.88	Hải Phòng	2269	18C-156.61	Nam Định	2969	15K-240.48	Hải Phòng
170	15K-240.95	Hải Phòng	870	15K-240.98	Hải Phòng	1570	15K-240.89	Hải Phòng	2270	18C-156.67	Nam Định	2970	15K-240.77	Hải Phòng
171	15K-241.09	Hải Phòng	871	15K-241.10	Hải Phòng	1571	17A-414.39	Thái Bình	2271	18C-156.73	Nam Định	2971	15K-240.79	Hải Phòng
172	15K-241.14	Hải Phòng	872	15K-241.13	Hải Phòng	1572	17A-414.55	Thái Bình	2272	18C-156.77	Nam Định	2972	15K-240.81	Hải Phòng
173	15K-241.27	Hải Phòng	873	15K-241.18	Hải Phòng	1573	17A-414.59	Thái Bình	2273	18C-156.82	Nam Định	2973	15K-240.84	Hải Phòng
174	17A-414.43	Thái Bình	874	15K-241.19	Hải Phòng	1574	17A-414.73	Thái Bình	2274	18C-156.87	Nam Định	2974	15K-241.03	Hải Phòng
175	17A-414.48	Thái Bình	875	15K-241.25	Hải Phòng	1575	17C-199.80	Thái Bình	2275	18C-156.94	Nam Định	2975	15K-241.06	Hải Phòng
176	17A-414.49	Thái Bình	876	17A-414.52	Thái Bình	1576	17C-199.81	Thái Bình	2276	18C-157.01	Nam Định	2976	15K-241.07	Hải Phòng
177	17A-414.66	Thái Bình	877	17A-414.53	Thái Bình	1577	17C-199.94	Thái Bình	2277	19A-598.41	Phú Thọ	2977	15K-241.29	Hải Phòng
178	17A-414.68	Thái Bình	878	17A-414.64	Thái Bình	1578	18A-407.38	Nam Định	2278	19A-598.61	Phú Thọ	2978	15K-241.30	Hải Phòng
179	17A-414.83	Thái Bình	879	17A-414.71	Thái Bình	1579	18A-407.42	Nam Định	2279	19A-598.65	Phú Thọ	2979	17A-414.42	Thái Bình
180	17C-199.76	Thái Bình	880	17A-414.72	Thái Bình	1580	18A-407.47	Nam Định	2280	19A-598.93	Phú Thọ	2980	17A-414.58	Thái Bình
181	17C-199.82	Thái Bình	881	17A-414.76	Thái Bình	1581	18A-407.49	Nam Định	2281	19A-599.06	Phú Thọ	2981	17A-414.60	Thái Bình
182	17C-199.84	Thái Bình	882	17C-199.66	Thái Bình	1582	18A-407.59	Nam Định	2282	19A-599.23	Phú Thọ	2982	17A-414.61	Thái Bình
183	17C-199.85	Thái Bình	883	17C-199.67	Thái Bình	1583	18A-407.69	Nam Định	2283	19A-599.27	Phú Thọ	2983	17A-414.74	Thái Bình
184	17C-200.00	Thái Bình	884	17C-199.71	Thái Bình	1584	18A-407.79	Nam Định	2284	20A-737.55	Thái Nguyên	2984	17C-199.64	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
185	17C-200.04	Thái Bình	885	17C-199.78	Thái Bình	1585	18C-156.60	Nam Định	2285	20A-737.63	Thái Nguyên	2985	17C-199.73	Thái Bình
186	17C-200.07	Thái Bình	886	17C-199.92	Thái Bình	1586	18C-156.64	Nam Định	2286	20A-737.64	Thái Nguyên	2986	17C-199.77	Thái Bình
187	18A-407.54	Nam Định	887	17C-200.08	Thái Bình	1587	18C-156.91	Nam Định	2287	20A-737.84	Thái Nguyên	2987	17C-199.88	Thái Bình
188	18A-407.57	Nam Định	888	18A-407.36	Nam Định	1588	18C-156.96	Nam Định	2288	20A-737.94	Thái Nguyên	2988	17C-199.95	Thái Bình
189	18A-407.62	Nam Định	889	18A-407.43	Nam Định	1589	19A-598.38	Phú Thọ	2289	20A-738.10	Thái Nguyên	2989	17C-199.98	Thái Bình
190	18A-407.65	Nam Định	890	18A-407.53	Nam Định	1590	19A-598.49	Phú Thọ	2290	20A-738.19	Thái Nguyên	2990	17C-200.03	Thái Bình
191	18A-407.80	Nam Định	891	18A-407.74	Nam Định	1591	19A-598.51	Phú Thọ	2291	20A-738.31	Thái Nguyên	2991	17C-200.06	Thái Bình
192	18C-156.58	Nam Định	892	18A-407.77	Nam Định	1592	19A-598.62	Phú Thọ	2292	20A-738.34	Thái Nguyên	2992	18A-407.41	Nam Định
193	18C-156.69	Nam Định	893	18A-407.82	Nam Định	1593	19A-598.72	Phú Thọ	2293	20A-738.45	Thái Nguyên	2993	18A-407.44	Nam Định
194	18C-156.74	Nam Định	894	18C-156.79	Nam Định	1594	19A-599.30	Phú Thọ	2294	20A-738.59	Thái Nguyên	2994	18A-407.48	Nam Định
195	18C-156.76	Nam Định	895	18C-156.88	Nam Định	1595	19A-599.37	Phú Thọ	2295	20A-738.70	Thái Nguyên	2995	18A-407.73	Nam Định
196	18C-156.92	Nam Định	896	19A-598.39	Phú Thọ	1596	20A-737.48	Thái Nguyên	2296	20A-738.73	Thái Nguyên	2996	18A-407.75	Nam Định
197	18C-156.93	Nam Định	897	19A-598.82	Phú Thọ	1597	20A-737.49	Thái Nguyên	2297	20A-738.77	Thái Nguyên	2997	18C-156.65	Nam Định
198	18C-156.95	Nam Định	898	19A-599.12	Phú Thọ	1598	20A-737.65	Thái Nguyên	2298	20A-738.91	Thái Nguyên	2998	18C-156.71	Nam Định
199	18C-157.00	Nam Định	899	19A-599.17	Phú Thọ	1599	20A-737.69	Thái Nguyên	2299	20A-738.99	Thái Nguyên	2999	19A-598.48	Phú Thọ
200	19A-598.59	Phú Thọ	900	19A-599.29	Phú Thọ	1600	20A-737.70	Thái Nguyên	2300	20A-739.00	Thái Nguyên	3000	19A-598.60	Phú Thọ
201	19A-598.84	Phú Thọ	901	19A-599.33	Phú Thọ	1601	20A-737.79	Thái Nguyên	2301	20A-739.03	Thái Nguyên	3001	19A-598.63	Phú Thọ
202	19A-598.85	Phú Thọ	902	20A-737.47	Thái Nguyên	1602	20A-737.96	Thái Nguyên	2302	20A-739.04	Thái Nguyên	3002	19A-598.71	Phú Thọ
203	19A-598.92	Phú Thọ	903	20A-737.66	Thái Nguyên	1603	20A-737.99	Thái Nguyên	2303	20A-739.10	Thái Nguyên	3003	19A-598.86	Phú Thọ
204	19A-598.96	Phú Thọ	904	20A-737.73	Thái Nguyên	1604	20A-738.04	Thái Nguyên	2304	20A-739.63	Thái Nguyên	3004	19A-598.90	Phú Thọ
205	19A-599.24	Phú Thọ	905	20A-737.97	Thái Nguyên	1605	20A-738.24	Thái Nguyên	2305	20A-739.71	Thái Nguyên	3005	19A-599.07	Phú Thọ
206	19A-599.31	Phú Thọ	906	20A-738.20	Thái Nguyên	1606	20A-738.37	Thái Nguyên	2306	20A-739.91	Thái Nguyên	3006	19A-599.09	Phú Thọ
207	20A-737.46	Thái Nguyên	907	20A-738.26	Thái Nguyên	1607	20A-738.51	Thái Nguyên	2307	20A-740.00	Thái Nguyên	3007	19A-599.13	Phú Thọ
208	20A-737.50	Thái Nguyên	908	20A-738.46	Thái Nguyên	1608	20A-738.56	Thái Nguyên	2308	20A-740.02	Thái Nguyên	3008	20A-737.54	Thái Nguyên
209	20A-737.52	Thái Nguyên	909	20A-738.52	Thái Nguyên	1609	20A-738.67	Thái Nguyên	2309	20A-740.07	Thái Nguyên	3009	20A-737.56	Thái Nguyên
210	20A-737.59	Thái Nguyên	910	20A-738.54	Thái Nguyên	1610	20A-738.72	Thái Nguyên	2310	20A-740.28	Thái Nguyên	3010	20A-737.58	Thái Nguyên
211	20A-737.78	Thái Nguyên	911	20A-738.58	Thái Nguyên	1611	20A-738.76	Thái Nguyên	2311	20A-740.32	Thái Nguyên	3011	20A-737.61	Thái Nguyên
212	20A-737.83	Thái Nguyên	912	20A-738.64	Thái Nguyên	1612	20A-738.81	Thái Nguyên	2312	20A-740.46	Thái Nguyên	3012	20A-738.14	Thái Nguyên
213	20A-737.85	Thái Nguyên	913	20A-738.69	Thái Nguyên	1613	20A-738.90	Thái Nguyên	2313	20A-740.48	Thái Nguyên	3013	20A-738.60	Thái Nguyên
214	20A-737.87	Thái Nguyên	914	20A-738.93	Thái Nguyên	1614	20A-739.08	Thái Nguyên	2314	20A-740.56	Thái Nguyên	3014	20A-738.80	Thái Nguyên
215	20A-737.90	Thái Nguyên	915	20A-739.14	Thái Nguyên	1615	20A-739.22	Thái Nguyên	2315	20A-740.58	Thái Nguyên	3015	20A-738.82	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
216	20A-738.21	Thái Nguyên	916	20A-739.16	Thái Nguyên	1616	20A-739.38	Thái Nguyên	2316	20A-740.66	Thái Nguyên	3016	20A-738.86	Thái Nguyên
217	20A-738.29	Thái Nguyên	917	20A-739.18	Thái Nguyên	1617	20A-739.47	Thái Nguyên	2317	20A-740.89	Thái Nguyên	3017	20A-738.96	Thái Nguyên
218	20A-738.32	Thái Nguyên	918	20A-739.25	Thái Nguyên	1618	20A-739.48	Thái Nguyên	2318	20A-740.92	Thái Nguyên	3018	20A-739.11	Thái Nguyên
219	20A-738.42	Thái Nguyên	919	20A-739.27	Thái Nguyên	1619	20A-739.51	Thái Nguyên	2319	20A-740.97	Thái Nguyên	3019	20A-739.30	Thái Nguyên
220	20A-738.47	Thái Nguyên	920	20A-739.41	Thái Nguyên	1620	20A-739.82	Thái Nguyên	2320	20A-741.15	Thái Nguyên	3020	20A-739.37	Thái Nguyên
221	20A-738.53	Thái Nguyên	921	20A-739.52	Thái Nguyên	1621	20A-739.96	Thái Nguyên	2321	20A-741.25	Thái Nguyên	3021	20A-739.40	Thái Nguyên
222	20A-738.62	Thái Nguyên	922	20A-739.53	Thái Nguyên	1622	20A-740.03	Thái Nguyên	2322	20A-741.26	Thái Nguyên	3022	20A-739.42	Thái Nguyên
223	20A-738.65	Thái Nguyên	923	20A-739.65	Thái Nguyên	1623	20A-740.08	Thái Nguyên	2323	20A-741.28	Thái Nguyên	3023	20A-739.45	Thái Nguyên
224	20A-738.71	Thái Nguyên	924	20A-739.68	Thái Nguyên	1624	20A-740.09	Thái Nguyên	2324	20A-741.29	Thái Nguyên	3024	20A-739.46	Thái Nguyên
225	20A-738.92	Thái Nguyên	925	20A-739.84	Thái Nguyên	1625	20A-740.20	Thái Nguyên	2325	20A-741.32	Thái Nguyên	3025	20A-739.49	Thái Nguyên
226	20A-738.95	Thái Nguyên	926	20A-739.97	Thái Nguyên	1626	20A-740.26	Thái Nguyên	2326	20A-741.36	Thái Nguyên	3026	20A-739.54	Thái Nguyên
227	20A-739.06	Thái Nguyên	927	20A-740.04	Thái Nguyên	1627	20A-740.30	Thái Nguyên	2327	20A-741.40	Thái Nguyên	3027	20A-739.58	Thái Nguyên
228	20A-739.15	Thái Nguyên	928	20A-740.13	Thái Nguyên	1628	20A-740.31	Thái Nguyên	2328	20A-741.46	Thái Nguyên	3028	20A-739.61	Thái Nguyên
229	20A-739.19	Thái Nguyên	929	20A-740.24	Thái Nguyên	1629	20A-740.50	Thái Nguyên	2329	20C-286.67	Thái Nguyên	3029	20A-739.80	Thái Nguyên
230	20A-739.26	Thái Nguyên	930	20A-740.34	Thái Nguyên	1630	20A-740.61	Thái Nguyên	2330	20C-286.72	Thái Nguyên	3030	20A-740.11	Thái Nguyên
231	20A-739.56	Thái Nguyên	931	20A-740.39	Thái Nguyên	1631	20A-740.63	Thái Nguyên	2331	20C-287.09	Thái Nguyên	3031	20A-740.15	Thái Nguyên
232	20A-739.60	Thái Nguyên	932	20A-740.44	Thái Nguyên	1632	20A-740.70	Thái Nguyên	2332	20C-287.11	Thái Nguyên	3032	20A-740.17	Thái Nguyên
233	20A-739.69	Thái Nguyên	933	20A-740.59	Thái Nguyên	1633	20A-740.76	Thái Nguyên	2333	20C-287.45	Thái Nguyên	3033	20A-740.36	Thái Nguyên
234	20A-739.83	Thái Nguyên	934	20A-740.62	Thái Nguyên	1634	20A-740.84	Thái Nguyên	2334	21A-184.27	Yên Bái	3034	20A-740.43	Thái Nguyên
235	20A-740.16	Thái Nguyên	935	20A-740.71	Thái Nguyên	1635	20A-741.09	Thái Nguyên	2335	21A-184.43	Yên Bái	3035	20A-740.45	Thái Nguyên
236	20A-740.21	Thái Nguyên	936	20A-740.83	Thái Nguyên	1636	20A-741.10	Thái Nguyên	2336	21A-184.52	Yên Bái	3036	20A-740.49	Thái Nguyên
237	20A-740.23	Thái Nguyên	937	20A-740.87	Thái Nguyên	1637	20A-741.52	Thái Nguyên	2337	21C-097.00	Yên Bái	3037	20A-740.80	Thái Nguyên
238	20A-740.41	Thái Nguyên	938	20A-740.94	Thái Nguyên	1638	20C-286.75	Thái Nguyên	2338	21C-097.03	Yên Bái	3038	20A-741.11	Thái Nguyên
239	20A-740.65	Thái Nguyên	939	20A-740.96	Thái Nguyên	1639	20C-286.77	Thái Nguyên	2339	21C-097.06	Yên Bái	3039	20A-741.20	Thái Nguyên
240	20A-740.82	Thái Nguyên	940	20A-741.01	Thái Nguyên	1640	20C-286.93	Thái Nguyên	2340	21C-097.08	Yên Bái	3040	20A-741.22	Thái Nguyên
241	20A-740.88	Thái Nguyên	941	20A-741.06	Thái Nguyên	1641	20C-286.95	Thái Nguyên	2341	21C-097.09	Yên Bái	3041	20A-741.23	Thái Nguyên
242	20A-741.00	Thái Nguyên	942	20A-741.07	Thái Nguyên	1642	20C-287.06	Thái Nguyên	2342	21C-097.16	Yên Bái	3042	20A-741.24	Thái Nguyên
243	20A-741.05	Thái Nguyên	943	20A-741.41	Thái Nguyên	1643	20C-287.08	Thái Nguyên	2343	21C-097.19	Yên Bái	3043	20A-741.34	Thái Nguyên
244	20A-741.08	Thái Nguyên	944	20A-741.43	Thái Nguyên	1644	20C-287.12	Thái Nguyên	2344	21C-097.22	Yên Bái	3044	20A-741.35	Thái Nguyên
245	20A-741.30	Thái Nguyên	945	20A-741.51	Thái Nguyên	1645	20C-287.26	Thái Nguyên	2345	21C-097.23	Yên Bái	3045	20A-741.47	Thái Nguyên
246	20A-741.31	Thái Nguyên	946	20C-286.83	Thái Nguyên	1646	20C-287.29	Thái Nguyên	2346	21C-097.31	Yên Bái	3046	20A-741.48	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
247	20A-741.44	Thái Nguyên	947	20C-286.90	Thái Nguyên	1647	20C-287.33	Thái Nguyên	2347	21C-097.40	Yên Bái	3047	20C-286.71	Thái Nguyên
248	20C-286.87	Thái Nguyên	948	20C-287.02	Thái Nguyên	1648	20C-287.35	Thái Nguyên	2348	21C-097.47	Yên Bái	3048	20C-286.73	Thái Nguyên
249	20C-286.91	Thái Nguyên	949	20C-287.25	Thái Nguyên	1649	20C-287.40	Thái Nguyên	2349	22A-228.08	Tuyên Quang	3049	20C-286.85	Thái Nguyên
250	20C-286.94	Thái Nguyên	950	20C-287.28	Thái Nguyên	1650	20C-287.43	Thái Nguyên	2350	22A-228.38	Tuyên Quang	3050	20C-287.05	Thái Nguyên
251	20C-286.97	Thái Nguyên	951	20C-287.50	Thái Nguyên	1651	20C-287.47	Thái Nguyên	2351	22A-228.40	Tuyên Quang	3051	20C-287.13	Thái Nguyên
252	20C-287.14	Thái Nguyên	952	20C-287.51	Thái Nguyên	1652	21A-184.17	Yên Bái	2352	22A-228.43	Tuyên Quang	3052	20C-287.16	Thái Nguyên
253	20C-287.17	Thái Nguyên	953	20C-287.53	Thái Nguyên	1653	21A-184.20	Yên Bái	2353	22A-228.47	Tuyên Quang	3053	20C-287.20	Thái Nguyên
254	20C-287.31	Thái Nguyên	954	20C-287.55	Thái Nguyên	1654	21A-184.46	Yên Bái	2354	22A-228.49	Tuyên Quang	3054	20C-287.21	Thái Nguyên
255	20C-287.34	Thái Nguyên	955	21A-184.18	Yên Bái	1655	21A-184.47	Yên Bái	2355	22A-228.51	Tuyên Quang	3055	20C-287.22	Thái Nguyên
256	20C-287.38	Thái Nguyên	956	21A-184.23	Yên Bái	1656	21C-097.24	Yên Bái	2356	22A-228.53	Tuyên Quang	3056	20C-287.41	Thái Nguyên
257	21A-184.14	Yên Bái	957	21A-184.35	Yên Bái	1657	21C-097.39	Yên Bái	2357	22A-228.57	Tuyên Quang	3057	20C-287.42	Thái Nguyên
258	21A-184.42	Yên Bái	958	21A-184.36	Yên Bái	1658	22A-228.06	Tuyên Quang	2358	22A-228.59	Tuyên Quang	3058	20C-287.44	Thái Nguyên
259	21C-097.13	Yên Bái	959	21A-184.49	Yên Bái	1659	22A-228.31	Tuyên Quang	2359	22A-228.64	Tuyên Quang	3059	20C-287.48	Thái Nguyên
260	21C-097.26	Yên Bái	960	21A-184.53	Yên Bái	1660	22A-228.44	Tuyên Quang	2360	22A-228.72	Tuyên Quang	3060	21A-184.16	Yên Bái
261	21C-097.27	Yên Bái	961	21A-184.54	Yên Bái	1661	22A-228.55	Tuyên Quang	2361	22A-228.86	Tuyên Quang	3061	21A-184.19	Yên Bái
262	21C-097.43	Yên Bái	962	21C-097.10	Yên Bái	1662	22A-228.70	Tuyên Quang	2362	22A-229.11	Tuyên Quang	3062	21A-184.21	Yên Bái
263	22A-228.00	Tuyên Quang	963	21C-097.12	Yên Bái	1663	22A-228.73	Tuyên Quang	2363	22A-229.43	Tuyên Quang	3063	21A-184.33	Yên Bái
264	22A-228.05	Tuyên Quang	964	21C-097.14	Yên Bái	1664	22A-228.84	Tuyên Quang	2364	22A-229.45	Tuyên Quang	3064	21A-184.38	Yên Bái
265	22A-228.14	Tuyên Quang	965	21C-097.21	Yên Bái	1665	22A-228.97	Tuyên Quang	2365	22A-229.53	Tuyên Quang	3065	21A-184.57	Yên Bái
266	22A-228.37	Tuyên Quang	966	21C-097.38	Yên Bái	1666	22A-229.14	Tuyên Quang	2366	22A-229.58	Tuyên Quang	3066	21A-184.58	Yên Bái
267	22A-228.54	Tuyên Quang	967	21C-097.41	Yên Bái	1667	22A-229.19	Tuyên Quang	2367	22A-229.61	Tuyên Quang	3067	21C-097.11	Yên Bái
268	22A-228.87	Tuyên Quang	968	21C-097.42	Yên Bái	1668	22A-229.29	Tuyên Quang	2368	22A-229.75	Tuyên Quang	3068	21C-097.28	Yên Bái
269	22A-228.90	Tuyên Quang	969	22A-228.07	Tuyên Quang	1669	22A-229.31	Tuyên Quang	2369	22A-229.77	Tuyên Quang	3069	21C-097.32	Yên Bái
270	22A-229.00	Tuyên Quang	970	22A-228.17	Tuyên Quang	1670	22A-229.33	Tuyên Quang	2370	22A-229.82	Tuyên Quang	3070	22A-228.03	Tuyên Quang
271	22A-229.07	Tuyên Quang	971	22A-228.19	Tuyên Quang	1671	22A-229.46	Tuyên Quang	2371	22A-229.93	Tuyên Quang	3071	22A-228.09	Tuyên Quang
272	22A-229.15	Tuyên Quang	972	22A-228.27	Tuyên Quang	1672	22A-229.47	Tuyên Quang	2372	22A-230.00	Tuyên Quang	3072	22A-228.10	Tuyên Quang
273	22A-229.18	Tuyên Quang	973	22A-228.52	Tuyên Quang	1673	22A-229.50	Tuyên Quang	2373	22A-230.08	Tuyên Quang	3073	22A-228.11	Tuyên Quang
274	22A-229.20	Tuyên Quang	974	22A-228.56	Tuyên Quang	1674	22A-229.63	Tuyên Quang	2374	22A-230.09	Tuyên Quang	3074	22A-228.20	Tuyên Quang
275	22A-229.27	Tuyên Quang	975	22A-228.67	Tuyên Quang	1675	22A-229.70	Tuyên Quang	2375	22A-230.18	Tuyên Quang	3075	22A-228.32	Tuyên Quang
276	22A-229.42	Tuyên Quang	976	22A-228.69	Tuyên Quang	1676	22A-229.76	Tuyên Quang	2376	22A-230.23	Tuyên Quang	3076	22A-228.34	Tuyên Quang
277	22A-229.48	Tuyên Quang	977	22A-228.77	Tuyên Quang	1677	22A-229.81	Tuyên Quang	2377	22A-230.29	Tuyên Quang	3077	22A-228.46	Tuyên Quang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
278	22A-229.65	Tuyên Quang	978	22A-228.91	Tuyên Quang	1678	22A-230.05	Tuyên Quang	2378	22A-230.32	Tuyên Quang	3078	22A-228.50	Tuyên Quang
279	22A-229.69	Tuyên Quang	979	22A-229.13	Tuyên Quang	1679	22A-230.14	Tuyên Quang	2379	22A-230.35	Tuyên Quang	3079	22A-228.63	Tuyên Quang
280	22A-229.71	Tuyên Quang	980	22A-229.21	Tuyên Quang	1680	22A-230.15	Tuyên Quang	2380	22A-230.40	Tuyên Quang	3080	22A-228.68	Tuyên Quang
281	22A-229.91	Tuyên Quang	981	22A-229.26	Tuyên Quang	1681	22A-230.20	Tuyên Quang	2381	22A-230.41	Tuyên Quang	3081	22A-228.74	Tuyên Quang
282	22A-230.10	Tuyên Quang	982	22A-229.28	Tuyên Quang	1682	22A-230.21	Tuyên Quang	2382	25A-074.45	Lai Châu	3082	22A-228.75	Tuyên Quang
283	22A-230.25	Tuyên Quang	983	22A-229.40	Tuyên Quang	1683	22A-230.27	Tuyên Quang	2383	25A-074.52	Lai Châu	3083	22A-228.76	Tuyên Quang
284	22A-230.33	Tuyên Quang	984	22A-229.49	Tuyên Quang	1684	22A-230.31	Tuyên Quang	2384	25A-074.66	Lai Châu	3084	22A-229.01	Tuyên Quang
285	22A-230.38	Tuyên Quang	985	22A-229.64	Tuyên Quang	1685	22A-230.36	Tuyên Quang	2385	25A-074.69	Lai Châu	3085	22A-229.04	Tuyên Quang
286	22A-230.39	Tuyên Quang	986	22A-229.66	Tuyên Quang	1686	25A-074.43	Lai Châu	2386	25A-074.85	Lai Châu	3086	22A-229.16	Tuyên Quang
287	22A-230.42	Tuyên Quang	987	22A-229.87	Tuyên Quang	1687	25A-074.88	Lai Châu	2387	25A-075.02	Lai Châu	3087	22A-229.17	Tuyên Quang
288	22A-230.43	Tuyên Quang	988	22A-230.44	Tuyên Quang	1688	25A-075.16	Lai Châu	2388	25A-075.07	Lai Châu	3088	22A-229.35	Tuyên Quang
289	25A-074.54	Lai Châu	989	22A-230.48	Tuyên Quang	1689	26A-199.49	Sơn La	2389	25A-075.10	Lai Châu	3089	22A-229.38	Tuyên Quang
290	25A-074.60	Lai Châu	990	25A-074.42	Lai Châu	1690	26A-199.55	Sơn La	2390	25A-075.28	Lai Châu	3090	22A-229.41	Tuyên Quang
291	25A-074.67	Lai Châu	991	25A-074.48	Lai Châu	1691	26A-199.78	Sơn La	2391	26A-199.52	Sơn La	3091	22A-229.68	Tuyên Quang
292	25A-074.71	Lai Châu	992	25A-074.51	Lai Châu	1692	26A-199.83	Sơn La	2392	26A-199.62	Sơn La	3092	22A-229.73	Tuyên Quang
293	25A-074.78	Lai Châu	993	25A-074.61	Lai Châu	1693	26A-200.07	Sơn La	2393	26A-199.64	Sơn La	3093	22A-229.83	Tuyên Quang
294	25A-074.87	Lai Châu	994	25A-074.75	Lai Châu	1694	26A-200.19	Sơn La	2394	26A-199.66	Sơn La	3094	22A-229.89	Tuyên Quang
295	25A-075.08	Lai Châu	995	25A-074.84	Lai Châu	1695	26A-200.31	Sơn La	2395	26A-199.69	Sơn La	3095	22A-230.07	Tuyên Quang
296	25A-075.19	Lai Châu	996	25A-074.86	Lai Châu	1696	26A-200.32	Sơn La	2396	26A-199.72	Sơn La	3096	25A-074.47	Lai Châu
297	26A-199.53	Sơn La	997	25A-075.25	Lai Châu	1697	26A-200.35	Sơn La	2397	26A-199.85	Sơn La	3097	25A-074.50	Lai Châu
298	26A-199.57	Sơn La	998	26A-199.54	Sơn La	1698	26A-200.48	Sơn La	2398	26A-200.01	Sơn La	3098	25A-074.56	Lai Châu
299	26A-199.58	Sơn La	999	26A-199.73	Sơn La	1699	26A-200.50	Sơn La	2399	26A-200.09	Sơn La	3099	25A-074.62	Lai Châu
300	26A-199.65	Sơn La	1000	26A-199.87	Sơn La	1700	26A-200.76	Sơn La	2400	26A-200.17	Sơn La	3100	25A-074.64	Lai Châu
301	26A-200.05	Sơn La	1001	26A-199.93	Sơn La	1701	26A-200.88	Sơn La	2401	26A-200.30	Sơn La	3101	25A-074.65	Lai Châu
302	26A-200.11	Sơn La	1002	26A-200.10	Sơn La	1702	26C-145.29	Sơn La	2402	26A-200.72	Sơn La	3102	25A-074.76	Lai Châu
303	26A-200.15	Sơn La	1003	26A-200.22	Sơn La	1703	26C-145.32	Sơn La	2403	26A-200.85	Sơn La	3103	25A-074.80	Lai Châu
304	26A-200.46	Sơn La	1004	26A-200.28	Sơn La	1704	26C-145.46	Sơn La	2404	26C-145.35	Sơn La	3104	25A-074.82	Lai Châu
305	26A-200.58	Sơn La	1005	26A-200.39	Sơn La	1705	26C-145.48	Sơn La	2405	26C-145.39	Sơn La	3105	25A-074.83	Lai Châu
306	26A-200.62	Sơn La	1006	26A-200.49	Sơn La	1706	26C-145.50	Sơn La	2406	26C-145.53	Sơn La	3106	25A-074.90	Lai Châu
307	26A-200.68	Sơn La	1007	26A-200.54	Sơn La	1707	26C-145.51	Sơn La	2407	26C-145.67	Sơn La	3107	25A-074.96	Lai Châu
308	26A-200.73	Sơn La	1008	26A-200.55	Sơn La	1708	26C-145.54	Sơn La	2408	26C-145.77	Sơn La	3108	25A-075.01	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
309	26C-145.19	Sơn La	1009	26A-200.66	Sơn La	1709	26C-145.57	Sơn La	2409	26C-145.92	Sơn La	3109	25A-075.09	Lai Châu
310	26C-145.21	Sơn La	1010	26A-200.91	Sơn La	1710	26C-145.61	Sơn La	2410	26C-146.01	Sơn La	3110	26A-199.70	Sơn La
311	26C-145.31	Sơn La	1011	26C-145.23	Sơn La	1711	26C-145.62	Sơn La	2411	26C-146.02	Sơn La	3111	26A-199.77	Sơn La
312	26C-145.36	Sơn La	1012	26C-145.34	Sơn La	1712	26C-145.80	Sơn La	2412	26C-146.03	Sơn La	3112	26A-199.82	Sơn La
313	26C-145.42	Sơn La	1013	26C-145.45	Sơn La	1713	26C-145.90	Sơn La	2413	26C-146.19	Sơn La	3113	26A-199.95	Sơn La
314	26C-145.44	Sơn La	1014	26C-145.68	Sơn La	1714	26C-146.09	Sơn La	2414	26C-146.26	Sơn La	3114	26A-200.03	Sơn La
315	26C-145.56	Sơn La	1015	26C-145.74	Sơn La	1715	26C-146.18	Sơn La	2415	27A-108.15	Điện Biên	3115	26A-200.12	Sơn La
316	26C-145.59	Sơn La	1016	26C-145.75	Sơn La	1716	26C-146.23	Sơn La	2416	27A-108.33	Điện Biên	3116	26A-200.25	Sơn La
317	26C-145.69	Sơn La	1017	26C-145.89	Sơn La	1717	26C-146.24	Sơn La	2417	27A-108.37	Điện Biên	3117	26A-200.47	Sơn La
318	26C-145.70	Sơn La	1018	26C-146.04	Sơn La	1718	27A-108.31	Điện Biên	2418	27A-108.39	Điện Biên	3118	26A-200.64	Sơn La
319	26C-146.00	Sơn La	1019	26C-146.07	Sơn La	1719	27A-108.36	Điện Biên	2419	27A-108.49	Điện Biên	3119	26A-200.69	Sơn La
320	26C-146.11	Sơn La	1020	26C-146.12	Sơn La	1720	27A-108.55	Điện Biên	2420	27A-108.58	Điện Biên	3120	26A-200.77	Sơn La
321	26C-146.14	Sơn La	1021	27A-108.04	Điện Biên	1721	27A-108.59	Điện Biên	2421	27C-065.50	Điện Biên	3121	26A-200.80	Sơn La
322	26C-146.15	Sơn La	1022	27A-108.06	Điện Biên	1722	27A-108.60	Điện Biên	2422	27C-065.51	Điện Biên	3122	26A-200.81	Sơn La
323	26C-146.17	Sơn La	1023	27A-108.17	Điện Biên	1723	27C-065.60	Điện Biên	2423	27C-065.54	Điện Biên	3123	26A-200.89	Sơn La
324	26C-146.28	Sơn La	1024	27A-108.20	Điện Biên	1724	28A-225.62	Hòa Bình	2424	27C-065.55	Điện Biên	3124	26C-145.20	Sơn La
325	27A-108.10	Điện Biên	1025	27A-108.23	Điện Biên	1725	28A-225.66	Hòa Bình	2425	27C-065.67	Điện Biên	3125	26C-145.63	Sơn La
326	27A-108.25	Điện Biên	1026	27A-108.26	Điện Biên	1726	28A-225.79	Hòa Bình	2426	27C-065.68	Điện Biên	3126	26C-145.72	Sơn La
327	27A-108.27	Điện Biên	1027	27A-108.38	Điện Biên	1727	28A-226.07	Hòa Bình	2427	27C-065.78	Điện Biên	3127	26C-145.87	Sơn La
328	27A-108.45	Điện Biên	1028	27A-108.47	Điện Biên	1728	28A-226.13	Hòa Bình	2428	28A-225.83	Hòa Bình	3128	26C-145.91	Sơn La
329	27A-108.48	Điện Biên	1029	27A-108.51	Điện Biên	1729	28A-226.19	Hòa Bình	2429	28A-225.90	Hòa Bình	3129	26C-145.94	Sơn La
330	27A-108.54	Điện Biên	1030	27A-108.56	Điện Biên	1730	28A-226.27	Hòa Bình	2430	28A-226.15	Hòa Bình	3130	26C-145.95	Sơn La
331	27A-108.65	Điện Biên	1031	27A-108.61	Điện Biên	1731	28A-226.36	Hòa Bình	2431	28A-226.23	Hòa Bình	3131	26C-146.06	Sơn La
332	27A-108.66	Điện Biên	1032	27A-108.67	Điện Biên	1732	28A-226.47	Hòa Bình	2432	28A-226.28	Hòa Bình	3132	26C-146.10	Sơn La
333	27A-108.69	Điện Biên	1033	27C-065.52	Điện Biên	1733	28A-226.74	Hòa Bình	2433	28A-226.46	Hòa Bình	3133	26C-146.20	Sơn La
334	27C-065.58	Điện Biên	1034	27C-065.56	Điện Biên	1734	28A-226.79	Hòa Bình	2434	28A-226.50	Hòa Bình	3134	27A-108.11	Điện Biên
335	27C-065.73	Điện Biên	1035	27C-065.62	Điện Biên	1735	28A-226.93	Hòa Bình	2435	28A-226.65	Hòa Bình	3135	27A-108.12	Điện Biên
336	27C-065.74	Điện Biên	1036	27C-065.70	Điện Biên	1736	28A-227.04	Hòa Bình	2436	28A-226.96	Hòa Bình	3136	27A-108.13	Điện Biên
337	28A-225.60	Hòa Bình	1037	28A-225.70	Hòa Bình	1737	28A-227.11	Hòa Bình	2437	28A-227.20	Hòa Bình	3137	27A-108.14	Điện Biên
338	28A-225.61	Hòa Bình	1038	28A-225.73	Hòa Bình	1738	28A-227.18	Hòa Bình	2438	28A-227.46	Hòa Bình	3138	27A-108.19	Điện Biên
339	28A-225.63	Hòa Bình	1039	28A-225.87	Hòa Bình	1739	28A-227.23	Hòa Bình	2439	28A-227.56	Hòa Bình	3139	27A-108.22	Điện Biên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
340	28A-225.76	Hòa Bình	1040	28A-226.03	Hòa Bình	1740	28A-227.36	Hòa Bình	2440	28A-227.59	Hòa Bình	3140	27A-108.44	Điện Biên
341	28A-225.89	Hòa Bình	1041	28A-226.10	Hòa Bình	1741	28A-227.65	Hòa Bình	2441	28A-227.60	Hòa Bình	3141	27A-108.57	Điện Biên
342	28A-226.09	Hòa Bình	1042	28A-226.16	Hòa Bình	1742	28A-227.81	Hòa Bình	2442	28A-227.67	Hòa Bình	3142	27C-065.59	Điện Biên
343	28A-226.12	Hòa Bình	1043	28A-226.33	Hòa Bình	1743	28A-227.85	Hòa Bình	2443	28A-227.78	Hòa Bình	3143	27C-065.64	Điện Biên
344	28A-226.20	Hòa Bình	1044	28A-226.42	Hòa Bình	1744	28A-227.95	Hòa Bình	2444	28A-227.86	Hòa Bình	3144	27C-065.71	Điện Biên
345	28A-226.29	Hòa Bình	1045	28A-226.44	Hòa Bình	1745	28A-228.03	Hòa Bình	2445	28A-227.94	Hòa Bình	3145	28A-225.58	Hòa Bình
346	28A-226.39	Hòa Bình	1046	28A-226.60	Hòa Bình	1746	29K-140.78	Hà Nội	2446	29K-140.63	Hà Nội	3146	28A-225.65	Hòa Bình
347	28A-226.51	Hòa Bình	1047	28A-226.67	Hòa Bình	1747	29K-140.80	Hà Nội	2447	29K-140.69	Hà Nội	3147	28A-225.67	Hòa Bình
348	28A-226.56	Hòa Bình	1048	28A-226.90	Hòa Bình	1748	29K-140.99	Hà Nội	2448	29K-140.70	Hà Nội	3148	28A-225.88	Hòa Bình
349	28A-226.59	Hòa Bình	1049	28A-226.94	Hòa Bình	1749	29K-141.00	Hà Nội	2449	29K-140.86	Hà Nội	3149	28A-225.97	Hòa Bình
350	28A-226.83	Hòa Bình	1050	28A-226.95	Hòa Bình	1750	29K-141.03	Hà Nội	2450	29K-140.90	Hà Nội	3150	28A-226.01	Hòa Bình
351	28A-226.92	Hòa Bình	1051	28A-227.12	Hòa Bình	1751	29K-141.05	Hà Nội	2451	29K-141.20	Hà Nội	3151	28A-226.30	Hòa Bình
352	28A-226.98	Hòa Bình	1052	28A-227.21	Hòa Bình	1752	29K-141.06	Hà Nội	2452	29K-141.23	Hà Nội	3152	28A-226.32	Hòa Bình
353	28A-227.35	Hòa Bình	1053	28A-227.28	Hòa Bình	1753	29K-141.08	Hà Nội	2453	29K-141.26	Hà Nội	3153	28A-226.41	Hòa Bình
354	28A-227.39	Hòa Bình	1054	28A-227.69	Hòa Bình	1754	29K-141.15	Hà Nội	2454	29K-141.29	Hà Nội	3154	28A-226.54	Hòa Bình
355	28A-227.47	Hòa Bình	1055	28A-227.70	Hòa Bình	1755	29K-141.18	Hà Nội	2455	29K-141.35	Hà Nội	3155	28A-226.80	Hòa Bình
356	28A-227.54	Hòa Bình	1056	28A-227.80	Hòa Bình	1756	29K-141.27	Hà Nội	2456	29K-141.71	Hà Nội	3156	28A-226.84	Hòa Bình
357	28A-227.57	Hòa Bình	1057	28A-227.82	Hòa Bình	1757	29K-141.33	Hà Nội	2457	29K-141.72	Hà Nội	3157	28A-227.15	Hòa Bình
358	29K-140.52	Hà Nội	1058	28A-227.99	Hòa Bình	1758	29K-141.43	Hà Nội	2458	29K-141.92	Hà Nội	3158	28A-227.17	Hòa Bình
359	29K-140.76	Hà Nội	1059	28A-228.04	Hòa Bình	1759	29K-141.46	Hà Nội	2459	29K-142.05	Hà Nội	3159	28A-227.34	Hòa Bình
360	29K-141.13	Hà Nội	1060	29K-140.49	Hà Nội	1760	29K-141.60	Hà Nội	2460	29K-142.10	Hà Nội	3160	28A-227.45	Hòa Bình
361	29K-141.34	Hà Nội	1061	29K-140.71	Hà Nội	1761	29K-141.63	Hà Nội	2461	29K-142.26	Hà Nội	3161	28A-227.50	Hòa Bình
362	29K-141.36	Hà Nội	1062	29K-140.75	Hà Nội	1762	29K-141.75	Hà Nội	2462	29K-142.32	Hà Nội	3162	28A-227.55	Hòa Bình
363	29K-141.37	Hà Nội	1063	29K-140.88	Hà Nội	1763	29K-141.77	Hà Nội	2463	29K-142.33	Hà Nội	3163	28A-227.64	Hòa Bình
364	29K-141.53	Hà Nội	1064	29K-140.94	Hà Nội	1764	29K-141.78	Hà Nội	2464	29K-142.47	Hà Nội	3164	28A-227.77	Hòa Bình
365	29K-141.61	Hà Nội	1065	29K-140.98	Hà Nội	1765	29K-141.86	Hà Nội	2465	29K-142.51	Hà Nội	3165	29K-140.50	Hà Nội
366	29K-141.69	Hà Nội	1066	29K-141.19	Hà Nội	1766	29K-142.11	Hà Nội	2466	29K-142.58	Hà Nội	3166	29K-140.60	Hà Nội
367	29K-141.76	Hà Nội	1067	29K-141.22	Hà Nội	1767	29K-142.30	Hà Nội	2467	29K-142.61	Hà Nội	3167	29K-140.66	Hà Nội
368	29K-141.82	Hà Nội	1068	29K-141.44	Hà Nội	1768	29K-142.52	Hà Nội	2468	29K-142.72	Hà Nội	3168	29K-140.68	Hà Nội
369	29K-141.93	Hà Nội	1069	29K-141.59	Hà Nội	1769	29K-142.54	Hà Nội	2469	29K-142.74	Hà Nội	3169	29K-140.77	Hà Nội
370	29K-142.01	Hà Nội	1070	29K-141.87	Hà Nội	1770	29K-142.60	Hà Nội	2470	29K-142.85	Hà Nội	3170	29K-140.91	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
371	29K-142.02	Hà Nội	1071	29K-141.91	Hà Nội	1771	29K-142.67	Hà Nội	2471	29K-142.94	Hà Nội	3171	29K-141.01	Hà Nội
372	29K-142.24	Hà Nội	1072	29K-141.95	Hà Nội	1772	29K-142.70	Hà Nội	2472	29K-142.96	Hà Nội	3172	29K-141.16	Hà Nội
373	29K-142.35	Hà Nội	1073	29K-142.07	Hà Nội	1773	29K-142.71	Hà Nội	2473	29K-143.02	Hà Nội	3173	29K-141.31	Hà Nội
374	29K-142.39	Hà Nội	1074	29K-142.08	Hà Nội	1774	29K-142.86	Hà Nội	2474	29K-143.04	Hà Nội	3174	29K-141.40	Hà Nội
375	29K-142.44	Hà Nội	1075	29K-142.09	Hà Nội	1775	29K-142.95	Hà Nội	2475	29K-143.05	Hà Nội	3175	29K-141.54	Hà Nội
376	29K-142.46	Hà Nội	1076	29K-142.16	Hà Nội	1776	29K-142.99	Hà Nội	2476	29K-143.10	Hà Nội	3176	29K-141.80	Hà Nội
377	29K-142.56	Hà Nội	1077	29K-142.49	Hà Nội	1777	29K-143.03	Hà Nội	2477	29K-143.12	Hà Nội	3177	29K-141.85	Hà Nội
378	29K-142.83	Hà Nội	1078	29K-142.59	Hà Nội	1778	29K-143.24	Hà Nội	2478	29K-143.15	Hà Nội	3178	29K-141.97	Hà Nội
379	29K-143.08	Hà Nội	1079	29K-142.77	Hà Nội	1779	34A-756.17	Hải Dương	2479	29K-143.37	Hà Nội	3179	29K-142.18	Hà Nội
380	34A-756.21	Hải Dương	1080	29K-143.16	Hà Nội	1780	34A-756.33	Hải Dương	2480	34A-756.23	Hải Dương	3180	29K-142.20	Hà Nội
381	34A-756.29	Hải Dương	1081	29K-143.19	Hà Nội	1781	34A-756.40	Hải Dương	2481	34A-756.24	Hải Dương	3181	29K-142.27	Hà Nội
382	34A-756.38	Hải Dương	1082	29K-143.22	Hà Nội	1782	34A-756.42	Hải Dương	2482	34A-756.25	Hải Dương	3182	29K-142.43	Hà Nội
383	34A-756.49	Hải Dương	1083	29K-143.28	Hà Nội	1783	34C-389.43	Hải Dương	2483	34A-756.34	Hải Dương	3183	29K-142.55	Hà Nội
384	34A-756.56	Hải Dương	1084	29K-143.36	Hà Nội	1784	34C-389.51	Hải Dương	2484	34A-756.53	Hải Dương	3184	29K-142.66	Hà Nội
385	34A-756.64	Hải Dương	1085	34A-756.22	Hải Dương	1785	34C-389.57	Hải Dương	2485	34C-389.46	Hải Dương	3185	29K-142.73	Hà Nội
386	34C-389.41	Hải Dương	1086	34A-756.32	Hải Dương	1786	34C-389.74	Hải Dương	2486	34C-389.53	Hải Dương	3186	29K-142.78	Hà Nội
387	34C-389.75	Hải Dương	1087	34A-756.50	Hải Dương	1787	36C-456.21	Thanh Hóa	2487	34C-389.59	Hải Dương	3187	29K-142.82	Hà Nội
388	34C-389.76	Hải Dương	1088	34A-756.54	Hải Dương	1788	36C-456.32	Thanh Hóa	2488	34C-389.64	Hải Dương	3188	29K-142.90	Hà Nội
389	34C-389.83	Hải Dương	1089	34A-756.65	Hải Dương	1789	36C-456.35	Thanh Hóa	2489	34C-389.65	Hải Dương	3189	29K-142.91	Hà Nội
390	36C-456.27	Thanh Hóa	1090	34C-389.55	Hải Dương	1790	36C-456.62	Thanh Hóa	2490	34C-389.86	Hải Dương	3190	29K-142.98	Hà Nội
391	36C-456.28	Thanh Hóa	1091	34C-389.62	Hải Dương	1791	36C-456.65	Thanh Hóa	2491	36C-456.24	Thanh Hóa	3191	29K-143.06	Hà Nội
392	36C-456.42	Thanh Hóa	1092	34C-389.77	Hải Dương	1792	36K-029.68	Thanh Hóa	2492	36C-456.49	Thanh Hóa	3192	29K-143.13	Hà Nội
393	36C-456.53	Thanh Hóa	1093	34C-389.89	Hải Dương	1793	36K-029.83	Thanh Hóa	2493	36C-456.61	Thanh Hóa	3193	29K-143.20	Hà Nội
394	36C-456.55	Thanh Hóa	1094	34C-389.90	Hải Dương	1794	36K-029.90	Thanh Hóa	2494	36K-029.71	Thanh Hóa	3194	29K-143.23	Hà Nội
395	36C-456.64	Thanh Hóa	1095	36C-456.20	Thanh Hóa	1795	36K-030.26	Thanh Hóa	2495	36K-029.73	Thanh Hóa	3195	29K-143.25	Hà Nội
396	36K-029.66	Thanh Hóa	1096	36C-456.26	Thanh Hóa	1796	36K-030.34	Thanh Hóa	2496	36K-029.86	Thanh Hóa	3196	29K-143.29	Hà Nội
397	36K-029.74	Thanh Hóa	1097	36C-456.34	Thanh Hóa	1797	36K-030.38	Thanh Hóa	2497	36K-029.89	Thanh Hóa	3197	29K-143.31	Hà Nội
398	36K-029.76	Thanh Hóa	1098	36C-456.39	Thanh Hóa	1798	36K-030.44	Thanh Hóa	2498	36K-030.19	Thanh Hóa	3198	34A-756.30	Hải Dương
399	36K-029.84	Thanh Hóa	1099	36C-456.57	Thanh Hóa	1799	36K-030.51	Thanh Hóa	2499	36K-030.27	Thanh Hóa	3199	34A-756.36	Hải Dương
400	36K-030.25	Thanh Hóa	1100	36C-456.58	Thanh Hóa	1800	36K-030.54	Thanh Hóa	2500	36K-030.52	Thanh Hóa	3200	34A-756.45	Hải Dương
401	36K-030.33	Thanh Hóa	1101	36K-029.65	Thanh Hóa	1801	36K-030.57	Thanh Hóa	2501	36K-030.61	Thanh Hóa	3201	34A-756.62	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
402	36K-030.35	Thanh Hóa	1102	36K-029.70	Thanh Hóa	1802	36K-030.58	Thanh Hóa	2502	36K-030.64	Thanh Hóa	3202	34C-389.47	Hải Dương
403	36K-030.36	Thanh Hóa	1103	36K-029.93	Thanh Hóa	1803	36K-030.66	Thanh Hóa	2503	36K-030.65	Thanh Hóa	3203	34C-389.63	Hải Dương
404	36K-030.56	Thanh Hóa	1104	36K-030.14	Thanh Hóa	1804	36K-030.68	Thanh Hóa	2504	36K-030.76	Thanh Hóa	3204	34C-389.82	Hải Dương
405	36K-030.95	Thanh Hóa	1105	36K-030.20	Thanh Hóa	1805	36K-030.84	Thanh Hóa	2505	36K-030.81	Thanh Hóa	3205	34C-389.85	Hải Dương
406	36K-030.97	Thanh Hóa	1106	36K-030.32	Thanh Hóa	1806	36K-030.86	Thanh Hóa	2506	36K-030.82	Thanh Hóa	3206	34C-389.87	Hải Dương
407	36K-031.04	Thanh Hóa	1107	36K-030.39	Thanh Hóa	1807	36K-030.93	Thanh Hóa	2507	36K-030.88	Thanh Hóa	3207	36C-456.47	Thanh Hóa
408	36K-031.21	Thanh Hóa	1108	36K-030.62	Thanh Hóa	1808	36K-030.96	Thanh Hóa	2508	36K-030.91	Thanh Hóa	3208	36C-456.54	Thanh Hóa
409	36K-031.25	Thanh Hóa	1109	36K-030.74	Thanh Hóa	1809	36K-031.05	Thanh Hóa	2509	36K-030.94	Thanh Hóa	3209	36C-456.63	Thanh Hóa
410	37C-503.31	Nghệ An	1110	36K-030.77	Thanh Hóa	1810	36K-031.15	Thanh Hóa	2510	36K-031.08	Thanh Hóa	3210	36K-029.81	Thanh Hóa
411	37C-503.38	Nghệ An	1111	36K-030.78	Thanh Hóa	1811	36K-031.41	Thanh Hóa	2511	36K-031.14	Thanh Hóa	3211	36K-030.08	Thanh Hóa
412	37C-503.43	Nghệ An	1112	36K-030.80	Thanh Hóa	1812	36K-031.61	Thanh Hóa	2512	36K-031.20	Thanh Hóa	3212	36K-030.16	Thanh Hóa
413	37K-274.13	Nghệ An	1113	36K-030.83	Thanh Hóa	1813	37C-503.23	Nghệ An	2513	36K-031.23	Thanh Hóa	3213	36K-030.30	Thanh Hóa
414	37K-274.22	Nghệ An	1114	36K-030.85	Thanh Hóa	1814	37C-503.26	Nghệ An	2514	36K-031.29	Thanh Hóa	3214	36K-030.43	Thanh Hóa
415	37K-274.29	Nghệ An	1115	36K-030.99	Thanh Hóa	1815	37C-503.39	Nghệ An	2515	36K-031.30	Thanh Hóa	3215	36K-030.47	Thanh Hóa
416	37K-274.51	Nghệ An	1116	36K-031.01	Thanh Hóa	1816	37C-503.45	Nghệ An	2516	36K-031.34	Thanh Hóa	3216	36K-030.69	Thanh Hóa
417	37K-274.58	Nghệ An	1117	36K-031.07	Thanh Hóa	1817	37C-503.48	Nghệ An	2517	36K-031.37	Thanh Hóa	3217	36K-030.87	Thanh Hóa
418	47A-661.00	Đắk Lắk	1118	36K-031.09	Thanh Hóa	1818	37C-503.52	Nghệ An	2518	36K-031.42	Thanh Hóa	3218	36K-031.03	Thanh Hóa
419	47A-661.04	Đắk Lắk	1119	36K-031.10	Thanh Hóa	1819	37C-503.54	Nghệ An	2519	36K-031.46	Thanh Hóa	3219	36K-031.26	Thanh Hóa
420	47A-661.17	Đắk Lắk	1120	36K-031.16	Thanh Hóa	1820	37C-503.62	Nghệ An	2520	36K-031.58	Thanh Hóa	3220	36K-031.36	Thanh Hóa
421	47C-336.39	Đắk Lắk	1121	36K-031.35	Thanh Hóa	1821	37C-503.70	Nghệ An	2521	37C-503.32	Nghệ An	3221	36K-031.39	Thanh Hóa
422	47C-336.42	Đắk Lắk	1122	36K-031.38	Thanh Hóa	1822	37C-503.71	Nghệ An	2522	37C-503.36	Nghệ An	3222	36K-031.51	Thanh Hóa
423	47C-336.58	Đắk Lắk	1123	36K-031.43	Thanh Hóa	1823	37K-274.12	Nghệ An	2523	37C-503.37	Nghệ An	3223	36K-031.52	Thanh Hóa
424	47C-336.66	Đắk Lắk	1124	36K-031.50	Thanh Hóa	1824	37K-274.14	Nghệ An	2524	37C-503.42	Nghệ An	3224	36K-031.57	Thanh Hóa
425	47C-336.74	Đắk Lắk	1125	36K-031.59	Thanh Hóa	1825	37K-274.15	Nghệ An	2525	37C-503.51	Nghệ An	3225	37C-503.27	Nghệ An
426	61B-040.77	Bình Dương	1126	37C-503.29	Nghệ An	1826	37K-274.16	Nghệ An	2526	37K-274.10	Nghệ An	3226	37C-503.46	Nghệ An
427	61K-360.10	Bình Dương	1127	37C-503.47	Nghệ An	1827	37K-274.21	Nghệ An	2527	37K-274.11	Nghệ An	3227	37K-274.33	Nghệ An
428	61K-360.12	Bình Dương	1128	37C-503.55	Nghệ An	1828	37K-274.26	Nghệ An	2528	37K-274.19	Nghệ An	3228	37K-274.36	Nghệ An
429	61K-360.13	Bình Dương	1129	37K-274.09	Nghệ An	1829	37K-274.27	Nghệ An	2529	37K-274.35	Nghệ An	3229	37K-274.47	Nghệ An
430	61K-360.18	Bình Dương	1130	37K-274.18	Nghệ An	1830	37K-274.37	Nghệ An	2530	37K-274.43	Nghệ An	3230	37K-274.49	Nghệ An
431	61K-360.30	Bình Dương	1131	37K-274.23	Nghệ An	1831	37K-274.40	Nghệ An	2531	37K-274.55	Nghệ An	3231	37K-274.57	Nghệ An
432	61K-360.35	Bình Dương	1132	37K-274.28	Nghệ An	1832	37K-274.42	Nghệ An	2532	47A-660.88	Đắk Lắk	3232	47A-661.06	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
433	61K-360.39	Bình Dương	1133	47A-660.60	Đắk Lắk	1833	37K-274.45	Nghệ An	2533	47A-661.03	Đắk Lắk	3233	47A-661.09	Đắk Lắk
434	61K-360.40	Bình Dương	1134	47A-661.31	Đắk Lắk	1834	47A-661.10	Đắk Lắk	2534	47A-661.05	Đắk Lắk	3234	47A-661.18	Đắk Lắk
435	61K-360.62	Bình Dương	1135	47A-661.36	Đắk Lắk	1835	47A-661.14	Đắk Lắk	2535	47A-661.26	Đắk Lắk	3235	47A-661.19	Đắk Lắk
436	61K-361.00	Bình Dương	1136	47A-661.39	Đắk Lắk	1836	47A-661.15	Đắk Lắk	2536	47A-661.34	Đắk Lắk	3236	47A-661.22	Đắk Lắk
437	61K-361.21	Bình Dương	1137	47C-336.46	Đắk Lắk	1837	47A-661.23	Đắk Lắk	2537	47C-336.37	Đắk Lắk	3237	47C-336.44	Đắk Lắk
438	61K-361.43	Bình Dương	1138	47C-336.50	Đắk Lắk	1838	47A-661.37	Đắk Lắk	2538	47C-336.73	Đắk Lắk	3238	47C-336.49	Đắk Lắk
439	61K-361.44	Bình Dương	1139	47C-336.53	Đắk Lắk	1839	47C-336.43	Đắk Lắk	2539	47C-336.80	Đắk Lắk	3239	47C-336.60	Đắk Lắk
440	61K-361.54	Bình Dương	1140	47C-336.72	Đắk Lắk	1840	47C-336.47	Đắk Lắk	2540	61B-040.63	Bình Dương	3240	47C-336.62	Đắk Lắk
441	61K-361.69	Bình Dương	1141	61B-040.78	Bình Dương	1841	47C-336.48	Đắk Lắk	2541	61B-040.71	Bình Dương	3241	47C-336.70	Đắk Lắk
442	61K-361.71	Bình Dương	1142	61K-360.32	Bình Dương	1842	47C-336.51	Đắk Lắk	2542	61B-040.81	Bình Dương	3242	47C-336.75	Đắk Lắk
443	61K-361.75	Bình Dương	1143	61K-360.41	Bình Dương	1843	47C-336.55	Đắk Lắk	2543	61B-040.83	Bình Dương	3243	47C-336.77	Đắk Lắk
444	61K-361.92	Bình Dương	1144	61K-360.60	Bình Dương	1844	47C-336.63	Đắk Lắk	2544	61K-360.06	Bình Dương	3244	47C-336.78	Đắk Lắk
445	61K-362.49	Bình Dương	1145	61K-360.66	Bình Dương	1845	61B-040.61	Bình Dương	2545	61K-360.07	Bình Dương	3245	47C-336.83	Đắk Lắk
446	62A-391.68	Long An	1146	61K-360.67	Bình Dương	1846	61B-040.66	Bình Dương	2546	61K-360.08	Bình Dương	3246	61B-040.76	Bình Dương
447	62A-392.69	Long An	1147	61K-360.69	Bình Dương	1847	61B-040.72	Bình Dương	2547	61K-360.17	Bình Dương	3247	61B-040.79	Bình Dương
448	62A-393.86	Long An	1148	61K-360.77	Bình Dương	1848	61B-040.73	Bình Dương	2548	61K-360.33	Bình Dương	3248	61B-040.80	Bình Dương
449	62A-394.39	Long An	1149	61K-360.78	Bình Dương	1849	61B-040.87	Bình Dương	2549	61K-360.50	Bình Dương	3249	61B-040.89	Bình Dương
450	62A-394.69	Long An	1150	61K-360.89	Bình Dương	1850	61B-040.90	Bình Dương	2550	61K-360.65	Bình Dương	3250	61K-360.15	Bình Dương
451	62A-394.89	Long An	1151	61K-361.40	Bình Dương	1851	61K-360.21	Bình Dương	2551	61K-360.79	Bình Dương	3251	61K-360.20	Bình Dương
452	62C-189.31	Long An	1152	61K-361.41	Bình Dương	1852	61K-360.34	Bình Dương	2552	61K-360.85	Bình Dương	3252	61K-360.23	Bình Dương
453	62C-189.48	Long An	1153	61K-361.42	Bình Dương	1853	61K-360.48	Bình Dương	2553	61K-360.92	Bình Dương	3253	61K-360.25	Bình Dương
454	62C-189.60	Long An	1154	61K-361.49	Bình Dương	1854	61K-360.49	Bình Dương	2554	61K-360.95	Bình Dương	3254	61K-360.28	Bình Dương
455	62C-189.66	Long An	1155	61K-361.51	Bình Dương	1855	61K-360.53	Bình Dương	2555	61K-361.14	Bình Dương	3255	61K-360.31	Bình Dương
456	62C-189.75	Long An	1156	61K-361.60	Bình Dương	1856	61K-360.55	Bình Dương	2556	61K-361.29	Bình Dương	3256	61K-360.38	Bình Dương
457	68A-319.91	Kiên Giang	1157	61K-361.73	Bình Dương	1857	61K-360.72	Bình Dương	2557	61K-361.33	Bình Dương	3257	61K-360.52	Bình Dương
458	68A-319.93	Kiên Giang	1158	61K-361.82	Bình Dương	1858	61K-360.73	Bình Dương	2558	61K-361.47	Bình Dương	3258	61K-360.98	Bình Dương
459	68A-319.96	Kiên Giang	1159	61K-361.86	Bình Dương	1859	61K-360.75	Bình Dương	2559	61K-361.50	Bình Dương	3259	61K-361.02	Bình Dương
460	68A-319.97	Kiên Giang	1160	61K-361.98	Bình Dương	1860	61K-360.81	Bình Dương	2560	61K-361.74	Bình Dương	3260	61K-361.05	Bình Dương
461	68A-320.11	Kiên Giang	1161	61K-362.01	Bình Dương	1861	61K-360.86	Bình Dương	2561	61K-361.84	Bình Dương	3261	61K-361.30	Bình Dương
462	68A-320.18	Kiên Giang	1162	61K-362.04	Bình Dương	1862	61K-361.07	Bình Dương	2562	61K-361.90	Bình Dương	3262	61K-361.36	Bình Dương
463	68A-320.21	Kiên Giang	1163	61K-362.07	Bình Dương	1863	61K-361.18	Bình Dương	2563	61K-361.91	Bình Dương	3263	61K-361.48	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
464	68A-320.22	Kiên Giang	1164	61K-362.45	Bình Dương	1864	61K-361.19	Bình Dương	2564	61K-362.34	Bình Dương	3264	61K-361.52	Bình Dương
465	68A-320.32	Kiên Giang	1165	62A-392.88	Long An	1865	61K-361.31	Bình Dương	2565	61K-362.42	Bình Dương	3265	61K-361.57	Bình Dương
466	68A-320.68	Kiên Giang	1166	62A-393.33	Long An	1866	61K-361.34	Bình Dương	2566	61K-362.48	Bình Dương	3266	61K-361.62	Bình Dương
467	68A-320.72	Kiên Giang	1167	62A-394.66	Long An	1867	61K-361.53	Bình Dương	2567	62A-390.88	Long An	3267	61K-361.66	Bình Dương
468	68A-320.83	Kiên Giang	1168	62A-394.68	Long An	1868	61K-361.59	Bình Dương	2568	62A-391.79	Long An	3268	61K-361.72	Bình Dương
469	68A-320.89	Kiên Giang	1169	62C-189.45	Long An	1869	61K-361.94	Bình Dương	2569	62A-391.99	Long An	3269	61K-361.79	Bình Dương
470	68A-321.37	Kiên Giang	1170	62C-189.57	Long An	1870	61K-362.02	Bình Dương	2570	62A-392.39	Long An	3270	61K-361.80	Bình Dương
471	68A-321.66	Kiên Giang	1171	62C-189.67	Long An	1871	61K-362.05	Bình Dương	2571	62A-395.39	Long An	3271	61K-361.95	Bình Dương
472	68A-321.71	Kiên Giang	1172	62C-189.78	Long An	1872	61K-362.08	Bình Dương	2572	62A-395.79	Long An	3272	61K-361.96	Bình Dương
473	68A-321.81	Kiên Giang	1173	68A-319.92	Kiên Giang	1873	61K-362.09	Bình Dương	2573	62C-189.36	Long An	3273	61K-361.99	Bình Dương
474	68A-321.89	Kiên Giang	1174	68A-320.02	Kiên Giang	1874	61K-362.11	Bình Dương	2574	62C-189.53	Long An	3274	61K-362.06	Bình Dương
475	68A-322.01	Kiên Giang	1175	68A-320.03	Kiên Giang	1875	61K-362.19	Bình Dương	2575	62C-189.59	Long An	3275	61K-362.20	Bình Dương
476	68A-322.30	Kiên Giang	1176	68A-320.17	Kiên Giang	1876	61K-362.21	Bình Dương	2576	62C-189.76	Long An	3276	61K-362.51	Bình Dương
477	70A-515.73	Tây Ninh	1177	68A-320.24	Kiên Giang	1877	61K-362.27	Bình Dương	2577	68A-319.95	Kiên Giang	3277	62A-392.79	Long An
478	70A-515.85	Tây Ninh	1178	68A-320.47	Kiên Giang	1878	61K-362.30	Bình Dương	2578	68A-320.01	Kiên Giang	3278	62A-394.79	Long An
479	70A-516.05	Tây Ninh	1179	68A-320.48	Kiên Giang	1879	61K-362.32	Bình Dương	2579	68A-320.27	Kiên Giang	3279	62C-189.32	Long An
480	70A-516.20	Tây Ninh	1180	68A-320.49	Kiên Giang	1880	61K-362.44	Bình Dương	2580	68A-320.30	Kiên Giang	3280	62C-189.40	Long An
481	70A-516.24	Tây Ninh	1181	68A-320.52	Kiên Giang	1881	62A-391.39	Long An	2581	68A-320.50	Kiên Giang	3281	62C-189.49	Long An
482	70A-516.30	Tây Ninh	1182	68A-320.96	Kiên Giang	1882	62A-391.66	Long An	2582	68A-320.53	Kiên Giang	3282	62C-189.50	Long An
483	70A-516.32	Tây Ninh	1183	68A-320.97	Kiên Giang	1883	62A-391.89	Long An	2583	68A-320.57	Kiên Giang	3283	62C-189.51	Long An
484	70A-516.34	Tây Ninh	1184	68A-321.09	Kiên Giang	1884	62A-392.99	Long An	2584	68A-320.61	Kiên Giang	3284	68A-320.15	Kiên Giang
485	70A-516.40	Tây Ninh	1185	68A-321.10	Kiên Giang	1885	62A-394.88	Long An	2585	68A-320.62	Kiên Giang	3285	68A-320.20	Kiên Giang
486	70A-516.50	Tây Ninh	1186	68A-321.17	Kiên Giang	1886	62C-189.61	Long An	2586	68A-320.82	Kiên Giang	3286	68A-320.25	Kiên Giang
487	70A-516.89	Tây Ninh	1187	68A-321.24	Kiên Giang	1887	62C-189.68	Long An	2587	68A-321.02	Kiên Giang	3287	68A-320.26	Kiên Giang
488	70A-517.07	Tây Ninh	1188	68A-321.33	Kiên Giang	1888	62C-189.72	Long An	2588	68A-321.05	Kiên Giang	3288	68A-320.35	Kiên Giang
489	70A-517.10	Tây Ninh	1189	68A-321.40	Kiên Giang	1889	62C-189.73	Long An	2589	68A-321.34	Kiên Giang	3289	68A-320.39	Kiên Giang
490	70A-517.12	Tây Ninh	1190	68A-321.41	Kiên Giang	1890	62C-189.77	Long An	2590	68A-321.42	Kiên Giang	3290	68A-320.60	Kiên Giang
491	70A-517.22	Tây Ninh	1191	68A-321.45	Kiên Giang	1891	68A-320.16	Kiên Giang	2591	68A-321.46	Kiên Giang	3291	68A-320.74	Kiên Giang
492	70A-517.24	Tây Ninh	1192	68A-321.53	Kiên Giang	1892	68A-320.29	Kiên Giang	2592	68A-321.47	Kiên Giang	3292	68A-320.76	Kiên Giang
493	70A-517.33	Tây Ninh	1193	68A-321.90	Kiên Giang	1893	68A-320.33	Kiên Giang	2593	68A-321.52	Kiên Giang	3293	68A-320.86	Kiên Giang
494	70A-517.40	Tây Ninh	1194	68A-321.91	Kiên Giang	1894	68A-320.44	Kiên Giang	2594	68A-321.58	Kiên Giang	3294	68A-320.94	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
495	70A-517.46	Tây Ninh	1195	68A-321.95	Kiên Giang	1895	68A-320.54	Kiên Giang	2595	68A-321.80	Kiên Giang	3295	68A-321.03	Kiên Giang
496	70A-517.51	Tây Ninh	1196	68A-322.03	Kiên Giang	1896	68A-320.58	Kiên Giang	2596	68A-321.94	Kiên Giang	3296	68A-321.04	Kiên Giang
497	70A-517.68	Tây Ninh	1197	68A-322.08	Kiên Giang	1897	68A-320.63	Kiên Giang	2597	70A-515.94	Tây Ninh	3297	68A-321.06	Kiên Giang
498	70A-517.81	Tây Ninh	1198	68A-322.33	Kiên Giang	1898	68A-320.66	Kiên Giang	2598	70A-516.01	Tây Ninh	3298	68A-321.16	Kiên Giang
499	70A-517.93	Tây Ninh	1199	70A-516.23	Tây Ninh	1899	68A-320.70	Kiên Giang	2599	70A-516.15	Tây Ninh	3299	68A-321.55	Kiên Giang
500	70A-518.01	Tây Ninh	1200	70A-516.37	Tây Ninh	1900	68A-320.71	Kiên Giang	2600	70A-516.22	Tây Ninh	3300	68A-321.59	Kiên Giang
501	70A-518.05	Tây Ninh	1201	70A-516.46	Tây Ninh	1901	68A-320.79	Kiên Giang	2601	70A-516.44	Tây Ninh	3301	68A-321.62	Kiên Giang
502	70A-518.10	Tây Ninh	1202	70A-516.52	Tây Ninh	1902	68A-320.91	Kiên Giang	2602	70A-516.51	Tây Ninh	3302	68A-321.69	Kiên Giang
503	70A-518.18	Tây Ninh	1203	70A-516.61	Tây Ninh	1903	68A-320.99	Kiên Giang	2603	70A-516.63	Tây Ninh	3303	68A-321.75	Kiên Giang
504	70A-518.19	Tây Ninh	1204	70A-516.65	Tây Ninh	1904	68A-321.15	Kiên Giang	2604	70A-516.71	Tây Ninh	3304	68A-322.07	Kiên Giang
505	70A-518.24	Tây Ninh	1205	70A-516.79	Tây Ninh	1905	68A-321.35	Kiên Giang	2605	70A-516.77	Tây Ninh	3305	68A-322.20	Kiên Giang
506	70A-518.27	Tây Ninh	1206	70A-516.87	Tây Ninh	1906	68A-321.43	Kiên Giang	2606	70A-517.05	Tây Ninh	3306	68A-322.25	Kiên Giang
507	70A-518.38	Tây Ninh	1207	70A-516.90	Tây Ninh	1907	68A-321.60	Kiên Giang	2607	70A-517.31	Tây Ninh	3307	70A-515.74	Tây Ninh
508	70A-518.41	Tây Ninh	1208	70A-517.03	Tây Ninh	1908	68A-321.87	Kiên Giang	2608	70A-517.44	Tây Ninh	3308	70A-515.77	Tây Ninh
509	70A-518.51	Tây Ninh	1209	70A-517.04	Tây Ninh	1909	68A-322.09	Kiên Giang	2609	70A-517.45	Tây Ninh	3309	70A-515.79	Tây Ninh
510	70A-518.54	Tây Ninh	1210	70A-517.41	Tây Ninh	1910	68A-322.14	Kiên Giang	2610	70A-517.69	Tây Ninh	3310	70A-516.02	Tây Ninh
511	70A-518.57	Tây Ninh	1211	70A-517.47	Tây Ninh	1911	68A-322.18	Kiên Giang	2611	70A-517.79	Tây Ninh	3311	70A-516.19	Tây Ninh
512	70A-518.59	Tây Ninh	1212	70A-517.48	Tây Ninh	1912	68A-322.19	Kiên Giang	2612	70A-517.85	Tây Ninh	3312	70A-516.25	Tây Ninh
513	70A-518.67	Tây Ninh	1213	70A-517.57	Tây Ninh	1913	68A-322.24	Kiên Giang	2613	70A-517.96	Tây Ninh	3313	70A-516.31	Tây Ninh
514	70A-518.69	Tây Ninh	1214	70A-517.73	Tây Ninh	1914	68A-322.26	Kiên Giang	2614	70A-518.00	Tây Ninh	3314	70A-516.41	Tây Ninh
515	70A-518.76	Tây Ninh	1215	70A-517.76	Tây Ninh	1915	70A-515.97	Tây Ninh	2615	70A-518.03	Tây Ninh	3315	70A-516.43	Tây Ninh
516	70A-518.90	Tây Ninh	1216	70A-517.78	Tây Ninh	1916	70A-516.10	Tây Ninh	2616	70A-518.52	Tây Ninh	3316	70A-516.45	Tây Ninh
517	70A-518.91	Tây Ninh	1217	70A-518.07	Tây Ninh	1917	70A-516.12	Tây Ninh	2617	70A-518.79	Tây Ninh	3317	70A-516.49	Tây Ninh
518	70A-518.95	Tây Ninh	1218	70A-518.11	Tây Ninh	1918	70A-516.33	Tây Ninh	2618	70A-518.80	Tây Ninh	3318	70A-516.54	Tây Ninh
519	70A-519.04	Tây Ninh	1219	70A-518.15	Tây Ninh	1919	70A-516.39	Tây Ninh	2619	70A-518.82	Tây Ninh	3319	70A-516.95	Tây Ninh
520	70A-519.10	Tây Ninh	1220	70A-518.34	Tây Ninh	1920	70A-516.47	Tây Ninh	2620	70A-518.88	Tây Ninh	3320	70A-516.96	Tây Ninh
521	70A-519.11	Tây Ninh	1221	70A-518.47	Tây Ninh	1921	70A-516.57	Tây Ninh	2621	70A-518.89	Tây Ninh	3321	70A-517.14	Tây Ninh
522	70A-519.15	Tây Ninh	1222	70A-518.53	Tây Ninh	1922	70A-516.62	Tây Ninh	2622	70A-519.18	Tây Ninh	3322	70A-517.23	Tây Ninh
523	70A-519.32	Tây Ninh	1223	70A-518.87	Tây Ninh	1923	70A-517.00	Tây Ninh	2623	70A-519.19	Tây Ninh	3323	70A-517.38	Tây Ninh
524	70A-519.34	Tây Ninh	1224	70A-518.96	Tây Ninh	1924	70A-517.16	Tây Ninh	2624	70A-519.26	Tây Ninh	3324	70A-517.52	Tây Ninh
525	70A-519.35	Tây Ninh	1225	70A-519.13	Tây Ninh	1925	70A-517.20	Tây Ninh	2625	70A-519.29	Tây Ninh	3325	70A-517.88	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
526	70A-519.38	Tây Ninh	1226	70A-519.20	Tây Ninh	1926	70A-517.29	Tây Ninh	2626	70A-519.33	Tây Ninh	3326	70A-517.98	Tây Ninh
527	70A-519.40	Tây Ninh	1227	70A-519.22	Tây Ninh	1927	70A-517.30	Tây Ninh	2627	70A-519.71	Tây Ninh	3327	70A-518.14	Tây Ninh
528	70A-519.76	Tây Ninh	1228	70A-519.41	Tây Ninh	1928	70A-517.56	Tây Ninh	2628	70A-519.72	Tây Ninh	3328	70A-518.22	Tây Ninh
529	70A-519.89	Tây Ninh	1229	70A-519.48	Tây Ninh	1929	70A-517.84	Tây Ninh	2629	70A-519.92	Tây Ninh	3329	70A-518.44	Tây Ninh
530	70A-519.93	Tây Ninh	1230	70A-519.59	Tây Ninh	1930	70A-517.90	Tây Ninh	2630	70A-520.02	Tây Ninh	3330	70A-518.45	Tây Ninh
531	70A-520.03	Tây Ninh	1231	70A-519.61	Tây Ninh	1931	70A-517.91	Tây Ninh	2631	70A-520.19	Tây Ninh	3331	70A-518.46	Tây Ninh
532	70A-520.10	Tây Ninh	1232	70A-519.63	Tây Ninh	1932	70A-517.94	Tây Ninh	2632	70A-520.20	Tây Ninh	3332	70A-518.56	Tây Ninh
533	70A-520.21	Tây Ninh	1233	70A-519.65	Tây Ninh	1933	70A-518.13	Tây Ninh	2633	70A-520.22	Tây Ninh	3333	70A-518.60	Tây Ninh
534	70A-520.24	Tây Ninh	1234	70A-519.78	Tây Ninh	1934	70A-518.16	Tây Ninh	2634	70A-520.37	Tây Ninh	3334	70A-518.61	Tây Ninh
535	70A-520.50	Tây Ninh	1235	70A-519.82	Tây Ninh	1935	70A-518.17	Tây Ninh	2635	70A-520.38	Tây Ninh	3335	70A-518.66	Tây Ninh
536	70A-520.53	Tây Ninh	1236	70A-519.96	Tây Ninh	1936	70A-518.23	Tây Ninh	2636	70A-520.43	Tây Ninh	3336	70A-518.86	Tây Ninh
537	70A-520.57	Tây Ninh	1237	70A-520.12	Tây Ninh	1937	70A-518.25	Tây Ninh	2637	70A-520.44	Tây Ninh	3337	70A-518.98	Tây Ninh
538	70A-520.67	Tây Ninh	1238	70A-520.13	Tây Ninh	1938	70A-518.42	Tây Ninh	2638	70A-520.46	Tây Ninh	3338	70A-519.01	Tây Ninh
539	70A-520.68	Tây Ninh	1239	70A-520.17	Tây Ninh	1939	70A-518.55	Tây Ninh	2639	70A-520.55	Tây Ninh	3339	70A-519.14	Tây Ninh
540	70A-520.70	Tây Ninh	1240	70A-520.26	Tây Ninh	1940	70A-518.72	Tây Ninh	2640	70A-520.62	Tây Ninh	3340	70A-519.23	Tây Ninh
541	72A-748.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	1241	70A-520.30	Tây Ninh	1941	70A-518.73	Tây Ninh	2641	72A-748.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3341	70A-519.25	Tây Ninh
542	72A-748.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	1242	70A-520.45	Tây Ninh	1942	70A-518.78	Tây Ninh	2642	72A-748.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	3342	70A-519.44	Tây Ninh
543	72A-748.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1243	70A-520.48	Tây Ninh	1943	70A-518.92	Tây Ninh	2643	72A-748.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	3343	70A-519.45	Tây Ninh
544	72A-748.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	1244	72A-748.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	1944	70A-518.99	Tây Ninh	2644	72A-748.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	3344	70A-519.52	Tây Ninh
545	72A-748.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	1245	72A-748.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	1945	70A-519.06	Tây Ninh	2645	72A-748.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	3345	70A-519.70	Tây Ninh
546	72A-748.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	1246	72A-748.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	1946	70A-519.31	Tây Ninh	2646	72A-748.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	3346	70A-519.83	Tây Ninh
547	72A-748.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	1247	72A-748.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	1947	70A-519.56	Tây Ninh	2647	72A-748.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	3347	70A-519.85	Tây Ninh
548	72A-748.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	1248	72A-748.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	1948	70A-519.79	Tây Ninh	2648	72A-748.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3348	70A-519.87	Tây Ninh
549	72A-748.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	1249	72A-748.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	1949	70A-519.80	Tây Ninh	2649	72A-748.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	3349	70A-519.90	Tây Ninh
550	72A-748.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	1250	72A-748.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	1950	70A-519.95	Tây Ninh	2650	72A-748.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	3350	70A-520.16	Tây Ninh
551	72A-748.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	1251	72A-749.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	1951	70A-520.49	Tây Ninh	2651	72A-749.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3351	70A-520.18	Tây Ninh
552	72A-748.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	1252	72A-749.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	1952	72A-748.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	2652	72A-749.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	3352	70A-520.35	Tây Ninh
553	72A-749.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	1253	72A-749.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	1953	72A-748.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	2653	72A-749.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3353	70A-520.41	Tây Ninh
554	72A-749.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1254	72A-749.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	1954	72A-748.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	2654	72A-749.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	3354	70A-520.52	Tây Ninh
555	72A-749.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	1255	72A-749.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	1955	72A-748.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	2655	72A-749.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3355	70A-520.64	Tây Ninh
556	72A-749.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	1256	72A-749.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	1956	72A-748.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	2656	72A-749.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	3356	70A-520.65	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
557	72A-749.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	1257	72A-749.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	1957	72A-748.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	2657	72A-749.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	3357	72A-748.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
558	72A-749.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1258	72C-221.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	1958	72A-748.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	2658	72A-749.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	3358	72A-748.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
559	72A-749.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	1259	72C-221.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	1959	72A-748.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	2659	72A-749.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	3359	72A-748.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
560	72A-749.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	1260	72C-221.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	1960	72A-748.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	2660	72A-749.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	3360	72A-748.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
561	72A-749.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	1261	72C-221.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	1961	72A-748.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2661	72A-749.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	3361	72A-748.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
562	72A-749.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	1262	72C-221.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	1962	72A-748.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	2662	72A-749.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3362	72A-748.76	Bà Rịa - Vũng Tàu
563	72A-749.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	1263	72C-221.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	1963	72A-748.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2663	72B-041.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3363	72A-748.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
564	72B-041.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	1264	72C-221.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1964	72A-749.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2664	72B-041.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	3364	72A-748.84	Bà Rịa - Vũng Tàu
565	72B-041.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1265	72C-221.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1965	72A-749.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	2665	72C-221.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	3365	72A-748.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
566	72C-221.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	1266	72C-221.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1966	72A-749.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	2666	72C-221.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	3366	72A-748.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
567	72C-221.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	1267	72C-221.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	1967	72A-749.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	2667	72C-221.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3367	72A-749.23	Bà Rịa - Vũng Tàu
568	72C-221.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	1268	72D-006.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	1968	72A-749.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	2668	72C-221.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3368	72A-749.60	Bà Rịa - Vũng Tàu
569	72C-221.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	1269	72D-006.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1969	72A-749.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	2669	72C-221.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	3369	72A-749.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
570	72C-221.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1270	72D-006.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1970	72A-749.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2670	72C-221.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3370	72A-749.94	Bà Rịa - Vũng Tàu
571	72C-221.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1271	73A-325.81	Quảng Bình	1971	72A-749.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	2671	73A-325.74	Quảng Bình	3371	72B-041.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
572	72D-006.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	1272	73A-325.84	Quảng Bình	1972	72A-749.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2672	73A-325.78	Quảng Bình	3372	72B-041.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
573	73A-325.72	Quảng Bình	1273	73A-325.88	Quảng Bình	1973	72A-749.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	2673	73A-325.83	Quảng Bình	3373	72C-221.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
574	73A-325.79	Quảng Bình	1274	73A-326.11	Quảng Bình	1974	72A-749.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2674	73A-325.95	Quảng Bình	3374	72C-221.27	Bà Rịa - Vũng Tàu
575	73A-325.94	Quảng Bình	1275	73A-326.13	Quảng Bình	1975	72A-749.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2675	73A-325.97	Quảng Bình	3375	72C-221.32	Bà Rịa - Vũng Tàu
576	73A-326.12	Quảng Bình	1276	73A-326.14	Quảng Bình	1976	72A-749.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2676	73A-326.03	Quảng Bình	3376	72C-221.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
577	73C-172.35	Quảng Bình	1277	73C-172.33	Quảng Bình	1977	72B-041.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	2677	73A-326.05	Quảng Bình	3377	72C-221.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
578	73C-172.37	Quảng Bình	1278	73C-172.61	Quảng Bình	1978	72B-041.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	2678	73A-326.07	Quảng Bình	3378	72C-221.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
579	73C-172.46	Quảng Bình	1279	73C-172.70	Quảng Bình	1979	72B-041.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	2679	73C-172.48	Quảng Bình	3379	72C-221.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
580	73C-172.47	Quảng Bình	1280	73C-172.75	Quảng Bình	1980	72C-221.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	2680	73C-172.49	Quảng Bình	3380	72C-221.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
581	73C-172.57	Quảng Bình	1281	75A-349.85	Thừa Thiên Huế	1981	72C-221.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	2681	73C-172.51	Quảng Bình	3381	72C-221.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
582	73C-172.71	Quảng Bình	1282	75A-349.87	Thừa Thiên Huế	1982	72C-221.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	2682	73C-172.73	Quảng Bình	3382	72D-006.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
583	75A-349.75	Thừa Thiên Huế	1283	75A-349.94	Thừa Thiên Huế	1983	72C-221.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	2683	73C-172.77	Quảng Bình	3383	73A-325.91	Quảng Bình
584	75A-349.92	Thừa Thiên Huế	1284	75A-350.10	Thừa Thiên Huế	1984	72C-221.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	2684	73C-172.79	Quảng Bình	3384	73C-172.32	Quảng Bình
585	75A-350.13	Thừa Thiên Huế	1285	75A-350.18	Thừa Thiên Huế	1985	72C-221.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	2685	75A-349.81	Thừa Thiên Huế	3385	73C-172.54	Quảng Bình
586	75C-148.83	Thừa Thiên Huế	1286	75C-148.86	Thừa Thiên Huế	1986	73A-325.68	Quảng Bình	2686	75A-349.95	Thừa Thiên Huế	3386	73C-172.55	Quảng Bình
587	75C-148.95	Thừa Thiên Huế	1287	75C-148.87	Thừa Thiên Huế	1987	73A-325.75	Quảng Bình	2687	75A-350.02	Thừa Thiên Huế	3387	73C-172.59	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
588	75C-149.02	Thừa Thiên Huế	1288	75C-148.90	Thừa Thiên Huế	1988	73A-325.77	Quảng Bình	2688	75A-350.09	Thừa Thiên Huế	3388	73C-172.80	Quảng Bình
589	75C-149.17	Thừa Thiên Huế	1289	75C-149.00	Thừa Thiên Huế	1989	73A-325.80	Quảng Bình	2689	75A-350.12	Thừa Thiên Huế	3389	75A-349.84	Thừa Thiên Huế
590	75C-149.22	Thừa Thiên Huế	1290	75C-149.03	Thừa Thiên Huế	1990	73A-325.85	Quảng Bình	2690	75C-148.84	Thừa Thiên Huế	3390	75A-349.88	Thừa Thiên Huế
591	75C-149.28	Thừa Thiên Huế	1291	75C-149.04	Thừa Thiên Huế	1991	73A-325.86	Quảng Bình	2691	75C-148.85	Thừa Thiên Huế	3391	75A-350.04	Thừa Thiên Huế
592	79A-502.78	Khánh Hòa	1292	75C-149.06	Thừa Thiên Huế	1992	73A-325.87	Quảng Bình	2692	75C-149.12	Thừa Thiên Huế	3392	75A-350.08	Thừa Thiên Huế
593	79A-502.85	Khánh Hòa	1293	75C-149.19	Thừa Thiên Huế	1993	73A-325.92	Quảng Bình	2693	75C-149.14	Thừa Thiên Huế	3393	75A-350.15	Thừa Thiên Huế
594	79A-502.90	Khánh Hòa	1294	79A-502.80	Khánh Hòa	1994	73A-325.98	Quảng Bình	2694	75C-149.16	Thừa Thiên Huế	3394	75A-350.17	Thừa Thiên Huế
595	79A-502.96	Khánh Hòa	1295	79A-502.82	Khánh Hòa	1995	73A-326.02	Quảng Bình	2695	79A-502.76	Khánh Hòa	3395	75C-148.81	Thừa Thiên Huế
596	79A-503.01	Khánh Hòa	1296	79A-502.89	Khánh Hòa	1996	73A-326.06	Quảng Bình	2696	79A-502.81	Khánh Hòa	3396	75C-148.88	Thừa Thiên Huế
597	79A-503.05	Khánh Hòa	1297	79A-502.93	Khánh Hòa	1997	73A-326.15	Quảng Bình	2697	79A-502.88	Khánh Hòa	3397	75C-149.20	Thừa Thiên Huế
598	79A-503.15	Khánh Hòa	1298	79A-502.94	Khánh Hòa	1998	73C-172.40	Quảng Bình	2698	79A-502.99	Khánh Hòa	3398	79A-502.87	Khánh Hòa
599	79A-503.16	Khánh Hòa	1299	79A-502.97	Khánh Hòa	1999	73C-172.52	Quảng Bình	2699	79A-503.08	Khánh Hòa	3399	79A-502.95	Khánh Hòa
600	79C-210.64	Khánh Hòa	1300	79A-503.09	Khánh Hòa	2000	73C-172.63	Quảng Bình	2700	79C-210.61	Khánh Hòa	3400	79A-503.00	Khánh Hòa
601	79C-210.88	Khánh Hòa	1301	79A-503.18	Khánh Hòa	2001	73C-172.67	Quảng Bình	2701	79C-210.63	Khánh Hòa	3401	79A-503.13	Khánh Hòa
602	81A-388.17	Gia Lai	1302	79C-210.78	Khánh Hòa	2002	73C-172.74	Quảng Bình	2702	79C-210.68	Khánh Hòa	3402	79C-210.65	Khánh Hòa
603	81A-388.21	Gia Lai	1303	79C-210.82	Khánh Hòa	2003	73C-172.76	Quảng Bình	2703	79C-210.73	Khánh Hòa	3403	79C-210.79	Khánh Hòa
604	81A-388.43	Gia Lai	1304	79C-211.01	Khánh Hòa	2004	75A-349.77	Thừa Thiên Huế	2704	79C-210.99	Khánh Hòa	3404	79C-210.85	Khánh Hòa
605	81A-388.55	Gia Lai	1305	81A-388.16	Gia Lai	2005	75A-349.78	Thừa Thiên Huế	2705	79C-211.00	Khánh Hòa	3405	79C-210.89	Khánh Hòa
606	81A-388.57	Gia Lai	1306	81A-388.18	Gia Lai	2006	75A-349.82	Thừa Thiên Huế	2706	79C-211.03	Khánh Hòa	3406	79C-210.97	Khánh Hòa
607	81A-388.69	Gia Lai	1307	81A-388.31	Gia Lai	2007	75A-349.97	Thừa Thiên Huế	2707	81A-388.14	Gia Lai	3407	81A-388.20	Gia Lai
608	81A-388.76	Gia Lai	1308	81A-388.33	Gia Lai	2008	75A-350.01	Thừa Thiên Huế	2708	81A-388.26	Gia Lai	3408	81A-388.41	Gia Lai
609	81A-389.04	Gia Lai	1309	81A-388.44	Gia Lai	2009	75A-350.22	Thừa Thiên Huế	2709	81A-388.35	Gia Lai	3409	81A-388.46	Gia Lai
610	81A-389.11	Gia Lai	1310	81A-388.45	Gia Lai	2010	75C-148.82	Thừa Thiên Huế	2710	81A-388.36	Gia Lai	3410	81A-388.48	Gia Lai
611	81A-389.12	Gia Lai	1311	81A-388.59	Gia Lai	2011	75C-149.01	Thừa Thiên Huế	2711	81A-388.58	Gia Lai	3411	81A-388.49	Gia Lai
612	81A-389.19	Gia Lai	1312	81A-388.62	Gia Lai	2012	75C-149.07	Thừa Thiên Huế	2712	81A-388.83	Gia Lai	3412	81A-388.60	Gia Lai
613	81A-389.21	Gia Lai	1313	81A-388.65	Gia Lai	2013	75C-149.29	Thừa Thiên Huế	2713	81A-388.90	Gia Lai	3413	81A-388.73	Gia Lai
614	81A-389.29	Gia Lai	1314	81A-388.80	Gia Lai	2014	75C-149.30	Thừa Thiên Huế	2714	81A-389.05	Gia Lai	3414	81A-388.82	Gia Lai
615	81A-389.57	Gia Lai	1315	81A-388.91	Gia Lai	2015	79A-502.77	Khánh Hòa	2715	81A-389.06	Gia Lai	3415	81A-389.01	Gia Lai
616	81C-256.17	Gia Lai	1316	81A-389.10	Gia Lai	2016	79A-502.79	Khánh Hòa	2716	81A-389.23	Gia Lai	3416	81A-389.13	Gia Lai
617	81C-256.26	Gia Lai	1317	81A-389.42	Gia Lai	2017	79A-502.83	Khánh Hòa	2717	81A-389.26	Gia Lai	3417	81A-389.16	Gia Lai
618	81C-256.46	Gia Lai	1318	81C-256.35	Gia Lai	2018	79A-503.17	Khánh Hòa	2718	81A-389.54	Gia Lai	3418	81A-389.20	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
619	81C-256.51	Gia Lai	1319	81C-256.55	Gia Lai	2019	79A-503.20	Khánh Hòa	2719	81C-256.09	Gia Lai	3419	81A-389.35	Gia Lai
620	81C-256.66	Gia Lai	1320	81C-256.61	Gia Lai	2020	79C-210.70	Khánh Hòa	2720	81C-256.16	Gia Lai	3420	81A-389.38	Gia Lai
621	81C-256.68	Gia Lai	1321	81C-256.74	Gia Lai	2021	79C-210.83	Khánh Hòa	2721	81C-256.18	Gia Lai	3421	81A-389.39	Gia Lai
622	81C-256.72	Gia Lai	1322	81C-256.87	Gia Lai	2022	79C-211.06	Khánh Hòa	2722	81C-256.21	Gia Lai	3422	81A-389.45	Gia Lai
623	81C-256.93	Gia Lai	1323	81C-256.88	Gia Lai	2023	81A-388.12	Gia Lai	2723	81C-256.34	Gia Lai	3423	81A-389.58	Gia Lai
624	81C-256.96	Gia Lai	1324	81C-256.89	Gia Lai	2024	81A-388.19	Gia Lai	2724	81C-256.37	Gia Lai	3424	81C-256.10	Gia Lai
625	81C-257.04	Gia Lai	1325	81C-256.98	Gia Lai	2025	81A-388.29	Gia Lai	2725	81C-256.45	Gia Lai	3425	81C-256.15	Gia Lai
626	88A-664.85	Vĩnh Phúc	1326	81C-257.03	Gia Lai	2026	81A-388.54	Gia Lai	2726	81C-256.67	Gia Lai	3426	81C-256.20	Gia Lai
627	88A-664.92	Vĩnh Phúc	1327	88A-664.81	Vĩnh Phúc	2027	81A-388.77	Gia Lai	2727	81C-256.69	Gia Lai	3427	81C-256.28	Gia Lai
628	88A-664.95	Vĩnh Phúc	1328	88A-664.83	Vĩnh Phúc	2028	81A-388.84	Gia Lai	2728	81C-257.02	Gia Lai	3428	81C-256.36	Gia Lai
629	88A-665.02	Vĩnh Phúc	1329	88A-664.84	Vĩnh Phúc	2029	81A-389.25	Gia Lai	2729	81C-257.05	Gia Lai	3429	81C-256.38	Gia Lai
630	88A-665.06	Vĩnh Phúc	1330	88A-664.87	Vĩnh Phúc	2030	81A-389.27	Gia Lai	2730	81C-257.06	Gia Lai	3430	81C-256.42	Gia Lai
631	88A-665.07	Vĩnh Phúc	1331	88A-665.01	Vĩnh Phúc	2031	81A-389.28	Gia Lai	2731	88A-664.73	Vĩnh Phúc	3431	81C-256.43	Gia Lai
632	88A-665.13	Vĩnh Phúc	1332	88A-665.14	Vĩnh Phúc	2032	81A-389.30	Gia Lai	2732	88A-664.78	Vĩnh Phúc	3432	81C-256.48	Gia Lai
633	88C-274.25	Vĩnh Phúc	1333	88C-274.28	Vĩnh Phúc	2033	81A-389.32	Gia Lai	2733	88A-664.80	Vĩnh Phúc	3433	81C-256.70	Gia Lai
634	88C-274.27	Vĩnh Phúc	1334	88C-274.29	Vĩnh Phúc	2034	81A-389.40	Gia Lai	2734	88A-664.88	Vĩnh Phúc	3434	81C-256.73	Gia Lai
635	88C-274.44	Vĩnh Phúc	1335	88C-274.40	Vĩnh Phúc	2035	81A-389.41	Gia Lai	2735	88A-664.91	Vĩnh Phúc	3435	81C-256.81	Gia Lai
636	88C-274.49	Vĩnh Phúc	1336	88C-274.41	Vĩnh Phúc	2036	81A-389.44	Gia Lai	2736	88A-665.08	Vĩnh Phúc	3436	81C-256.82	Gia Lai
637	88C-274.54	Vĩnh Phúc	1337	88C-274.46	Vĩnh Phúc	2037	81A-389.51	Gia Lai	2737	88A-665.11	Vĩnh Phúc	3437	88A-664.69	Vĩnh Phúc
638	88C-274.55	Vĩnh Phúc	1338	88C-274.47	Vĩnh Phúc	2038	81A-389.59	Gia Lai	2738	88C-274.22	Vĩnh Phúc	3438	88A-664.75	Vĩnh Phúc
639	88C-274.61	Vĩnh Phúc	1339	88C-274.66	Vĩnh Phúc	2039	81C-256.24	Gia Lai	2739	88C-274.26	Vĩnh Phúc	3439	88A-664.76	Vĩnh Phúc
640	88C-274.64	Vĩnh Phúc	1340	89A-446.04	Hưng Yên	2040	81C-256.33	Gia Lai	2740	88C-274.43	Vĩnh Phúc	3440	88A-664.94	Vĩnh Phúc
641	89A-445.95	Hưng Yên	1341	89A-446.23	Hưng Yên	2041	81C-256.47	Gia Lai	2741	88C-274.56	Vĩnh Phúc	3441	88C-274.23	Vĩnh Phúc
642	89A-446.09	Hưng Yên	1342	89A-446.25	Hưng Yên	2042	81C-256.49	Gia Lai	2742	88C-274.65	Vĩnh Phúc	3442	88C-274.36	Vĩnh Phúc
643	89A-446.10	Hưng Yên	1343	89A-446.27	Hưng Yên	2043	81C-256.56	Gia Lai	2743	89A-445.96	Hưng Yên	3443	88C-274.37	Vĩnh Phúc
644	89A-446.14	Hưng Yên	1344	89A-446.29	Hưng Yên	2044	81C-256.57	Gia Lai	2744	89A-446.02	Hưng Yên	3444	88C-274.42	Vĩnh Phúc
645	89A-446.33	Hưng Yên	1345	89A-446.38	Hưng Yên	2045	81C-256.64	Gia Lai	2745	89A-446.35	Hưng Yên	3445	88C-274.48	Vĩnh Phúc
646	89A-446.50	Hưng Yên	1346	89A-446.46	Hưng Yên	2046	81C-256.76	Gia Lai	2746	89A-446.55	Hưng Yên	3446	88C-274.57	Vĩnh Phúc
647	89A-446.51	Hưng Yên	1347	89A-446.52	Hưng Yên	2047	81C-256.90	Gia Lai	2747	89A-446.57	Hưng Yên	3447	88C-274.60	Vĩnh Phúc
648	89A-446.59	Hưng Yên	1348	89A-446.70	Hưng Yên	2048	88A-664.71	Vĩnh Phúc	2748	89A-446.62	Hưng Yên	3448	88C-274.62	Vĩnh Phúc
649	89A-446.65	Hưng Yên	1349	89A-446.71	Hưng Yên	2049	88A-664.96	Vĩnh Phúc	2749	89A-446.74	Hưng Yên	3449	89A-445.94	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
650	89A-446.73	Hưng Yên	1350	89A-446.83	Hưng Yên	2050	88A-665.10	Vĩnh Phúc	2750	89C-320.13	Hưng Yên	3450	89A-446.13	Hưng Yên
651	89A-446.95	Hưng Yên	1351	89A-446.97	Hưng Yên	2051	88C-274.59	Vĩnh Phúc	2751	89C-320.14	Hưng Yên	3451	89A-446.18	Hưng Yên
652	89A-447.05	Hưng Yên	1352	89A-447.03	Hưng Yên	2052	89A-445.99	Hưng Yên	2752	89C-320.16	Hưng Yên	3452	89A-446.20	Hưng Yên
653	89A-447.21	Hưng Yên	1353	89A-447.16	Hưng Yên	2053	89A-446.00	Hưng Yên	2753	89C-320.22	Hưng Yên	3453	89A-446.22	Hưng Yên
654	89A-447.42	Hưng Yên	1354	89A-447.18	Hưng Yên	2054	89A-446.06	Hưng Yên	2754	89C-320.32	Hưng Yên	3454	89A-446.40	Hưng Yên
655	89C-320.02	Hưng Yên	1355	89A-447.22	Hưng Yên	2055	89A-446.11	Hưng Yên	2755	89C-320.36	Hưng Yên	3455	89A-446.47	Hưng Yên
656	89C-320.07	Hưng Yên	1356	89A-447.43	Hưng Yên	2056	89A-446.15	Hưng Yên	2756	89C-320.54	Hưng Yên	3456	89A-446.76	Hưng Yên
657	89C-320.24	Hưng Yên	1357	89C-320.10	Hưng Yên	2057	89A-446.17	Hưng Yên	2757	89C-320.61	Hưng Yên	3457	89A-446.87	Hưng Yên
658	89C-320.35	Hưng Yên	1358	89C-320.17	Hưng Yên	2058	89A-446.28	Hưng Yên	2758	89C-320.69	Hưng Yên	3458	89A-447.17	Hưng Yên
659	89C-320.41	Hưng Yên	1359	89C-320.31	Hưng Yên	2059	89A-446.41	Hưng Yên	2759	89C-320.74	Hưng Yên	3459	89A-447.19	Hưng Yên
660	89C-320.48	Hưng Yên	1360	89C-320.45	Hưng Yên	2060	89A-446.44	Hưng Yên	2760	89C-320.79	Hưng Yên	3460	89A-447.20	Hưng Yên
661	89C-320.50	Hưng Yên	1361	89C-320.55	Hưng Yên	2061	89A-446.48	Hưng Yên	2761	89C-320.83	Hưng Yên	3461	89A-447.31	Hưng Yên
662	89C-320.57	Hưng Yên	1362	89C-320.62	Hưng Yên	2062	89A-446.58	Hưng Yên	2762	89C-320.91	Hưng Yên	3462	89A-447.33	Hưng Yên
663	89C-320.60	Hưng Yên	1363	89C-320.64	Hưng Yên	2063	89A-446.69	Hưng Yên	2763	89C-320.96	Hưng Yên	3463	89C-320.06	Hưng Yên
664	89C-320.67	Hưng Yên	1364	89C-320.65	Hưng Yên	2064	89A-446.72	Hưng Yên	2764	89C-321.00	Hưng Yên	3464	89C-320.28	Hưng Yên
665	89C-320.73	Hưng Yên	1365	89C-320.93	Hưng Yên	2065	89A-447.13	Hưng Yên	2765	90A-251.05	Hà Nam	3465	89C-320.33	Hưng Yên
666	89C-320.78	Hưng Yên	1366	89C-320.95	Hưng Yên	2066	89A-447.30	Hưng Yên	2766	90A-251.15	Hà Nam	3466	89C-320.52	Hưng Yên
667	89C-320.81	Hưng Yên	1367	90A-251.46	Hà Nam	2067	89A-447.39	Hưng Yên	2767	90A-251.26	Hà Nam	3467	89C-320.77	Hưng Yên
668	89C-320.88	Hưng Yên	1368	90A-251.52	Hà Nam	2068	89C-320.05	Hưng Yên	2768	90A-251.77	Hà Nam	3468	89C-320.92	Hưng Yên
669	89C-320.89	Hưng Yên	1369	90A-251.59	Hà Nam	2069	89C-320.15	Hưng Yên	2769	90A-251.79	Hà Nam	3469	89C-320.94	Hưng Yên
670	89C-320.97	Hưng Yên	1370	90A-251.60	Hà Nam	2070	89C-320.25	Hưng Yên	2770	90A-251.92	Hà Nam	3470	90A-251.06	Hà Nam
671	90A-251.14	Hà Nam	1371	90A-251.72	Hà Nam	2071	89C-320.58	Hưng Yên	2771	90A-251.93	Hà Nam	3471	90A-251.12	Hà Nam
672	90A-251.18	Hà Nam	1372	90A-251.82	Hà Nam	2072	89C-320.70	Hưng Yên	2772	90A-251.95	Hà Nam	3472	90A-251.25	Hà Nam
673	90A-251.21	Hà Nam	1373	90A-251.96	Hà Nam	2073	89C-320.80	Hưng Yên	2773	90A-252.00	Hà Nam	3473	90A-251.48	Hà Nam
674	90A-251.28	Hà Nam	1374	90A-252.04	Hà Nam	2074	89C-320.82	Hưng Yên	2774	90A-252.10	Hà Nam	3474	90A-251.62	Hà Nam
675	90A-251.55	Hà Nam	1375	90A-252.09	Hà Nam	2075	89C-320.99	Hưng Yên	2775	90A-252.12	Hà Nam	3475	90A-251.66	Hà Nam
676	90A-251.69	Hà Nam	1376	90A-252.21	Hà Nam	2076	90A-251.04	Hà Nam	2776	90A-252.18	Hà Nam	3476	90A-251.84	Hà Nam
677	90A-251.70	Hà Nam	1377	90A-252.27	Hà Nam	2077	90A-251.08	Hà Nam	2777	90A-252.26	Hà Nam	3477	90A-251.85	Hà Nam
678	90A-251.76	Hà Nam	1378	90A-252.53	Hà Nam	2078	90A-251.10	Hà Nam	2778	90A-252.40	Hà Nam	3478	90A-251.86	Hà Nam
679	90A-251.87	Hà Nam	1379	90A-252.65	Hà Nam	2079	90A-251.23	Hà Nam	2779	90A-252.45	Hà Nam	3479	90A-251.90	Hà Nam
680	90A-251.88	Hà Nam	1380	90A-252.72	Hà Nam	2080	90A-251.30	Hà Nam	2780	90A-252.60	Hà Nam	3480	90A-252.07	Hà Nam

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
681	90A-251.97	Hà Nam	1381	90A-252.79	Hà Nam	2081	90A-251.58	Hà Nam	2781	90A-252.66	Hà Nam	3481	90A-252.28	Hà Nam
682	90A-251.99	Hà Nam	1382	90A-252.82	Hà Nam	2082	90A-251.63	Hà Nam	2782	90A-252.75	Hà Nam	3482	90A-252.30	Hà Nam
683	90A-252.01	Hà Nam	1383	90A-252.84	Hà Nam	2083	90A-252.16	Hà Nam	2783	90A-252.83	Hà Nam	3483	90A-252.38	Hà Nam
684	90A-252.24	Hà Nam	1384	90A-252.88	Hà Nam	2084	90A-252.19	Hà Nam	2784	90A-252.91	Hà Nam	3484	90A-252.49	Hà Nam
685	90A-252.29	Hà Nam	1385	90A-252.90	Hà Nam	2085	90A-252.41	Hà Nam	2785	90A-253.14	Hà Nam	3485	90A-252.55	Hà Nam
686	90A-252.31	Hà Nam	1386	90A-253.19	Hà Nam	2086	90A-252.50	Hà Nam	2786	90A-253.16	Hà Nam	3486	90A-252.62	Hà Nam
687	90A-252.43	Hà Nam	1387	90A-253.26	Hà Nam	2087	90A-252.64	Hà Nam	2787	90A-253.24	Hà Nam	3487	90A-252.68	Hà Nam
688	90A-252.51	Hà Nam	1388	90A-253.30	Hà Nam	2088	90A-252.80	Hà Nam	2788	90A-253.25	Hà Nam	3488	90A-252.85	Hà Nam
689	90A-252.57	Hà Nam	1389	97A-080.53	Bắc Kạn	2089	90A-252.93	Hà Nam	2789	90A-253.34	Hà Nam	3489	90A-253.10	Hà Nam
690	90A-252.69	Hà Nam	1390	97A-080.60	Bắc Kạn	2090	90A-253.00	Hà Nam	2790	90A-253.38	Hà Nam	3490	90A-253.27	Hà Nam
691	90A-252.77	Hà Nam	1391	97A-080.85	Bắc Kạn	2091	90A-253.02	Hà Nam	2791	97A-080.65	Bắc Kạn	3491	90A-253.42	Hà Nam
692	90A-252.81	Hà Nam	1392	97A-080.87	Bắc Kạn	2092	90A-253.31	Hà Nam	2792	97A-080.74	Bắc Kạn	3492	90A-253.52	Hà Nam
693	90A-252.95	Hà Nam	1393	97A-080.96	Bắc Kạn	2093	90A-253.46	Hà Nam	2793	97A-080.76	Bắc Kạn	3493	97A-080.55	Bắc Kạn
694	90A-253.03	Hà Nam	1394	97A-081.19	Bắc Kạn	2094	97A-080.59	Bắc Kạn	2794	97A-080.79	Bắc Kạn	3494	97A-080.62	Bắc Kạn
695	90A-253.08	Hà Nam	1395	97A-081.20	Bắc Kạn	2095	97A-080.61	Bắc Kạn	2795	97A-080.83	Bắc Kạn	3495	97A-080.88	Bắc Kạn
696	90A-253.20	Hà Nam	1396	97A-081.21	Bắc Kạn	2096	97A-080.77	Bắc Kạn	2796	97A-080.97	Bắc Kạn	3496	97A-081.08	Bắc Kạn
697	90A-253.37	Hà Nam	1397	97A-081.25	Bắc Kạn	2097	97A-081.01	Bắc Kạn	2797	97A-081.14	Bắc Kạn	3497	97A-081.16	Bắc Kạn
698	90A-253.43	Hà Nam	1398	97A-081.26	Bắc Kạn	2098	97A-081.09	Bắc Kạn	2798	97A-081.15	Bắc Kạn	3498	97A-081.23	Bắc Kạn
699	97A-080.75	Bắc Kạn	1399	99C-302.25	Bắc Ninh	2099	97A-081.24	Bắc Kạn	2799	99C-302.35	Bắc Ninh	3499	99C-302.37	Bắc Ninh
700	97A-081.05	Bắc Kạn	1400	99C-302.34	Bắc Ninh	2100	99C-302.33	Bắc Ninh	2800	99C-302.36	Bắc Ninh	3500	99C-302.40	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3501	30K-799.79	Hà Nội	4201	30K-999.93	Hà Nội	4901	26A-199.99	Sơn La	5601	34A-788.88	Hải Dương	6301	30K-999.91	Hà Nội
3502	51L-089.99	Hồ Chí Minh	4202	51L-088.08	Hồ Chí Minh	4902	51L-086.89	Hồ Chí Minh	5602	37K-303.33	Nghệ An	6302	19A-598.88	Phú Thọ
3503	11A-113.33	Cao Bằng	4203	14A-856.89	Quảng Ninh	4903	14A-888.48	Quảng Ninh	5603	14A-879.89	Quảng Ninh	6303	15K-268.78	Hải Phòng
3504	15K-256.86	Hải Phòng	4204	14A-867.88	Quảng Ninh	4904	15K-202.22	Hải Phòng	5604	15K-216.79	Hải Phòng	6304	22A-228.28	Tuyên Quang
3505	19A-598.89	Phú Thọ	4205	14A-882.83	Quảng Ninh	4905	21A-184.56	Yên Bái	5605	20A-737.89	Thái Nguyên	6305	28A-226.66	Hòa Bình
3506	20C-286.68	Thái Nguyên	4206	15K-262.22	Hải Phòng	4906	28A-225.55	Hòa Bình	5606	21A-184.44	Yên Bái	6306	28A-226.78	Hòa Bình
3507	30K-805.55	Hà Nội	4207	17A-414.56	Thái Bình	4907	30K-801.11	Hà Nội	5607	22A-226.26	Tuyên Quang	6307	28A-226.86	Hòa Bình
3508	30K-836.66	Hà Nội	4208	20A-739.39	Thái Nguyên	4908	30K-802.22	Hà Nội	5608	22A-229.98	Tuyên Quang	6308	30K-804.44	Hà Nội
3509	30K-878.78	Hà Nội	4209	22A-228.82	Tuyên Quang	4909	30K-806.66	Hà Nội	5609	24A-266.79	Lào Cai	6309	30K-882.22	Hà Nội
3510	30K-899.19	Hà Nội	4210	26A-199.98	Sơn La	4910	30K-959.59	Hà Nội	5610	25A-074.44	Lai Châu	6310	30K-999.83	Hà Nội
3511	30L-028.28	Hà Nội	4211	26A-200.08	Sơn La	4911	30K-999.69	Hà Nội	5611	26A-200.00	Sơn La	6311	36K-029.96	Thanh Hóa
3512	30L-156.86	Hà Nội	4212	30K-799.98	Hà Nội	4912	30L-001.02	Hà Nội	5612	30K-739.99	Hà Nội	6312	36K-036.63	Thanh Hóa
3513	47A-665.66	Đắk Lắk	4213	30K-803.45	Hà Nội	4913	30L-007.07	Hà Nội	5613	30K-856.68	Hà Nội	6313	37K-274.44	Nghệ An
3514	47A-676.76	Đắk Lắk	4214	30K-896.69	Hà Nội	4914	30L-116.68	Hà Nội	5614	30K-899.89	Hà Nội	6314	37K-286.99	Nghệ An
3515	51L-086.80	Hồ Chí Minh	4215	30K-991.99	Hà Nội	4915	36K-029.98	Thanh Hóa	5615	30L-002.79	Hà Nội	6315	38A-579.97	Hà Tĩnh
3516	51L-087.89	Hồ Chí Minh	4216	30L-019.86	Hà Nội	4916	36K-031.11	Thanh Hóa	5616	30L-113.27	Hà Nội	6316	49A-666.77	Lâm Đồng
3517	51L-088.99	Hồ Chí Minh	4217	30L-109.86	Hà Nội	4917	51L-088.69	Hồ Chí Minh	5617	37K-274.56	Nghệ An	6317	51L-088.96	Hồ Chí Minh
3518	51L-091.91	Hồ Chí Minh	4218	30L-167.69	Hà Nội	4918	51L-088.86	Hồ Chí Minh	5618	38A-578.79	Hà Tĩnh	6318	51L-090.00	Hồ Chí Minh
3519	51L-139.68	Hồ Chí Minh	4219	38A-596.99	Hà Tĩnh	4919	51L-092.22	Hồ Chí Minh	5619	51L-091.99	Hồ Chí Minh	6319	51L-090.90	Hồ Chí Minh
3520	51L-144.44	Hồ Chí Minh	4220	51L-089.96	Hồ Chí Minh	4920	51L-391.39	Hồ Chí Minh	5620	51L-189.99	Hồ Chí Minh	6320	51L-338.88	Hồ Chí Minh
3521	51L-185.55	Hồ Chí Minh	4221	51L-117.77	Hồ Chí Minh	4921	68A-322.21	Kiên Giang	5621	63A-278.88	Tiền Giang	6321	62A-391.11	Long An
3522	51L-379.46	Hồ Chí Minh	4222	51L-133.88	Hồ Chí Minh	4922	72A-772.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	5622	70A-517.89	Tây Ninh	6322	62A-395.55	Long An
3523	61K-362.22	Bình Dương	4223	51L-181.88	Hồ Chí Minh	4923	75A-350.00	Thừa Thiên Huế	5623	72A-748.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	6323	64A-179.39	Vĩnh Long
3524	62A-394.44	Long An	4224	70A-516.86	Tây Ninh	4924	81A-388.79	Gia Lai	5624	72A-783.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	6324	70A-516.78	Tây Ninh
3525	81A-388.96	Gia Lai	4225	70A-519.98	Tây Ninh	4925	86A-287.87	Bình Thuận	5625	88A-686.18	Vĩnh Phúc	6325	71A-188.89	Bến Tre
3526	90A-255.59	Hà Nam	4226	75A-349.98	Thừa Thiên Huế	4926	89A-446.78	Hưng Yên	5626	88C-279.79	Vĩnh Phúc	6326	72A-749.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
3527	93A-456.79	Bình Phước	4227	90A-251.11	Hà Nam	4927	89A-446.86	Hưng Yên	5627	97A-081.11	Bắc Kạn	6327	89A-446.68	Hưng Yên
3528	30K-801.12	Hà Nội	4228	30K-801.03	Hà Nội	4928	30K-801.01	Hà Nội	5628	30K-801.00	Hà Nội	6328	92A-377.77	Quảng Nam
3529	30K-801.42	Hà Nội	4229	30K-801.09	Hà Nội	4929	30K-801.06	Hà Nội	5629	30K-801.13	Hà Nội	6329	30K-801.04	Hà Nội
3530	30K-801.51	Hà Nội	4230	30K-801.14	Hà Nội	4930	30K-801.08	Hà Nội	5630	30K-801.23	Hà Nội	6330	30K-801.35	Hà Nội
3531	30K-801.57	Hà Nội	4231	30K-801.27	Hà Nội	4931	30K-801.16	Hà Nội	5631	30K-801.50	Hà Nội	6331	30K-801.37	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3532	30K-801.66	Hà Nội	4232	30K-801.34	Hà Nội	4932	30K-801.21	Hà Nội	5632	30K-801.54	Hà Nội	6332	30K-801.41	Hà Nội
3533	30K-801.83	Hà Nội	4233	30K-801.49	Hà Nội	4933	30K-801.28	Hà Nội	5633	30K-801.68	Hà Nội	6333	30K-801.43	Hà Nội
3534	30K-801.95	Hà Nội	4234	30K-801.61	Hà Nội	4934	30K-801.29	Hà Nội	5634	30K-801.69	Hà Nội	6334	30K-801.52	Hà Nội
3535	30K-802.00	Hà Nội	4235	30K-801.86	Hà Nội	4935	30K-801.40	Hà Nội	5635	30K-801.70	Hà Nội	6335	30K-801.55	Hà Nội
3536	30K-802.23	Hà Nội	4236	30K-801.89	Hà Nội	4936	30K-801.46	Hà Nội	5636	30K-801.85	Hà Nội	6336	30K-801.59	Hà Nội
3537	30K-802.38	Hà Nội	4237	30K-801.93	Hà Nội	4937	30K-801.58	Hà Nội	5637	30K-801.88	Hà Nội	6337	30K-801.64	Hà Nội
3538	30K-802.41	Hà Nội	4238	30K-802.18	Hà Nội	4938	30K-801.65	Hà Nội	5638	30K-801.94	Hà Nội	6338	30K-801.72	Hà Nội
3539	30K-802.62	Hà Nội	4239	30K-802.25	Hà Nội	4939	30K-801.67	Hà Nội	5639	30K-801.97	Hà Nội	6339	30K-801.79	Hà Nội
3540	30K-802.67	Hà Nội	4240	30K-802.29	Hà Nội	4940	30K-801.73	Hà Nội	5640	30K-802.01	Hà Nội	6340	30K-801.84	Hà Nội
3541	30K-802.72	Hà Nội	4241	30K-802.42	Hà Nội	4941	30K-801.87	Hà Nội	5641	30K-802.02	Hà Nội	6341	30K-801.92	Hà Nội
3542	30K-802.94	Hà Nội	4242	30K-802.46	Hà Nội	4942	30K-802.24	Hà Nội	5642	30K-802.07	Hà Nội	6342	30K-802.28	Hà Nội
3543	30K-803.00	Hà Nội	4243	30K-802.60	Hà Nội	4943	30K-802.31	Hà Nội	5643	30K-802.10	Hà Nội	6343	30K-802.51	Hà Nội
3544	30K-803.02	Hà Nội	4244	30K-802.84	Hà Nội	4944	30K-802.32	Hà Nội	5644	30K-802.12	Hà Nội	6344	30K-802.74	Hà Nội
3545	30K-803.04	Hà Nội	4245	30K-802.87	Hà Nội	4945	30K-802.57	Hà Nội	5645	30K-802.27	Hà Nội	6345	30K-802.82	Hà Nội
3546	30K-803.76	Hà Nội	4246	30K-802.91	Hà Nội	4946	30K-802.65	Hà Nội	5646	30K-802.44	Hà Nội	6346	30K-802.86	Hà Nội
3547	30K-803.86	Hà Nội	4247	30K-802.95	Hà Nội	4947	30K-802.78	Hà Nội	5647	30K-802.50	Hà Nội	6347	30K-802.99	Hà Nội
3548	30K-803.93	Hà Nội	4248	30K-803.18	Hà Nội	4948	30K-802.97	Hà Nội	5648	30K-802.52	Hà Nội	6348	30K-803.11	Hà Nội
3549	30K-804.01	Hà Nội	4249	30K-803.20	Hà Nội	4949	30K-803.26	Hà Nội	5649	30K-802.53	Hà Nội	6349	30K-803.29	Hà Nội
3550	30K-804.05	Hà Nội	4250	30K-803.27	Hà Nội	4950	30K-803.28	Hà Nội	5650	30K-802.54	Hà Nội	6350	30K-803.38	Hà Nội
3551	30K-804.12	Hà Nội	4251	30K-803.85	Hà Nội	4951	30K-803.42	Hà Nội	5651	30K-802.56	Hà Nội	6351	30K-803.44	Hà Nội
3552	30K-804.34	Hà Nội	4252	30K-803.88	Hà Nội	4952	30K-803.55	Hà Nội	5652	30K-802.59	Hà Nội	6352	30K-803.48	Hà Nội
3553	30K-804.35	Hà Nội	4253	30K-804.04	Hà Nội	4953	30K-803.61	Hà Nội	5653	30K-802.71	Hà Nội	6353	30K-803.50	Hà Nội
3554	30K-804.37	Hà Nội	4254	30K-804.15	Hà Nội	4954	30K-803.92	Hà Nội	5654	30K-802.88	Hà Nội	6354	30K-803.65	Hà Nội
3555	30K-804.39	Hà Nội	4255	30K-804.23	Hà Nội	4955	30K-803.99	Hà Nội	5655	30K-802.96	Hà Nội	6355	30K-803.67	Hà Nội
3556	30K-804.59	Hà Nội	4256	30K-804.27	Hà Nội	4956	30K-804.08	Hà Nội	5656	30K-803.13	Hà Nội	6356	30K-803.78	Hà Nội
3557	30K-804.64	Hà Nội	4257	30K-804.31	Hà Nội	4957	30K-804.09	Hà Nội	5657	30K-803.14	Hà Nội	6357	30K-803.97	Hà Nội
3558	30K-804.81	Hà Nội	4258	30K-804.38	Hà Nội	4958	30K-804.19	Hà Nội	5658	30K-803.21	Hà Nội	6358	30K-804.21	Hà Nội
3559	30K-804.96	Hà Nội	4259	30K-804.40	Hà Nội	4959	30K-804.41	Hà Nội	5659	30K-803.23	Hà Nội	6359	30K-804.32	Hà Nội
3560	30K-805.05	Hà Nội	4260	30K-804.45	Hà Nội	4960	30K-804.57	Hà Nội	5660	30K-803.24	Hà Nội	6360	30K-804.62	Hà Nội
3561	30K-805.06	Hà Nội	4261	30K-804.47	Hà Nội	4961	30K-804.71	Hà Nội	5661	30K-803.30	Hà Nội	6361	30K-804.67	Hà Nội
3562	30K-805.17	Hà Nội	4262	30K-804.48	Hà Nội	4962	30K-804.76	Hà Nội	5662	30K-803.39	Hà Nội	6362	30K-804.75	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3563	30K-805.24	Hà Nội	4263	30K-804.50	Hà Nội	4963	30K-804.83	Hà Nội	5663	30K-803.56	Hà Nội	6363	30K-805.01	Hà Nội
3564	30K-805.46	Hà Nội	4264	30K-804.58	Hà Nội	4964	30K-804.89	Hà Nội	5664	30K-803.57	Hà Nội	6364	30K-805.04	Hà Nội
3565	30K-805.50	Hà Nội	4265	30K-804.72	Hà Nội	4965	30K-804.97	Hà Nội	5665	30K-803.59	Hà Nội	6365	30K-805.22	Hà Nội
3566	30K-805.59	Hà Nội	4266	30K-804.73	Hà Nội	4966	30K-805.00	Hà Nội	5666	30K-803.69	Hà Nội	6366	30K-805.34	Hà Nội
3567	30K-805.73	Hà Nội	4267	30K-804.79	Hà Nội	4967	30K-805.13	Hà Nội	5667	30K-803.82	Hà Nội	6367	30K-805.35	Hà Nội
3568	30K-805.74	Hà Nội	4268	30K-804.91	Hà Nội	4968	30K-805.18	Hà Nội	5668	30K-803.84	Hà Nội	6368	30K-805.39	Hà Nội
3569	30K-805.77	Hà Nội	4269	30K-805.16	Hà Nội	4969	30K-805.21	Hà Nội	5669	30K-804.10	Hà Nội	6369	30K-805.41	Hà Nội
3570	30K-805.80	Hà Nội	4270	30K-805.29	Hà Nội	4970	30K-805.63	Hà Nội	5670	30K-804.13	Hà Nội	6370	30K-805.42	Hà Nội
3571	30K-805.89	Hà Nội	4271	30K-805.36	Hà Nội	4971	30K-805.95	Hà Nội	5671	30K-804.20	Hà Nội	6371	30K-805.45	Hà Nội
3572	30K-805.92	Hà Nội	4272	30K-805.37	Hà Nội	4972	30K-806.23	Hà Nội	5672	30K-804.51	Hà Nội	6372	30K-805.61	Hà Nội
3573	30K-806.14	Hà Nội	4273	30K-805.38	Hà Nội	4973	30K-806.31	Hà Nội	5673	30K-804.52	Hà Nội	6373	30K-805.65	Hà Nội
3574	30K-806.18	Hà Nội	4274	30K-805.56	Hà Nội	4974	30K-806.32	Hà Nội	5674	30K-804.61	Hà Nội	6374	30K-805.76	Hà Nội
3575	30K-806.24	Hà Nội	4275	30K-805.62	Hà Nội	4975	30K-806.34	Hà Nội	5675	30K-804.68	Hà Nội	6375	30K-805.84	Hà Nội
3576	30K-806.39	Hà Nội	4276	30K-805.81	Hà Nội	4976	30K-806.43	Hà Nội	5676	30K-804.80	Hà Nội	6376	30K-805.94	Hà Nội
3577	30K-806.51	Hà Nội	4277	30K-805.83	Hà Nội	4977	30K-806.47	Hà Nội	5677	30K-804.84	Hà Nội	6377	30K-806.00	Hà Nội
3578	30K-806.53	Hà Nội	4278	30K-805.99	Hà Nội	4978	30K-806.50	Hà Nội	5678	30K-804.85	Hà Nội	6378	30K-806.01	Hà Nội
3579	30K-806.54	Hà Nội	4279	30K-806.42	Hà Nội	4979	30K-806.69	Hà Nội	5679	30K-804.98	Hà Nội	6379	30K-806.08	Hà Nội
3580	30K-806.98	Hà Nội	4280	30K-806.60	Hà Nội	4980	30K-806.84	Hà Nội	5680	30K-805.25	Hà Nội	6380	30K-806.16	Hà Nội
3581	51L-086.53	Hồ Chí Minh	4281	30K-806.82	Hà Nội	4981	30K-806.85	Hà Nội	5681	30K-805.48	Hà Nội	6381	30K-806.17	Hà Nội
3582	51L-086.55	Hồ Chí Minh	4282	30K-806.87	Hà Nội	4982	30K-806.96	Hà Nội	5682	30K-805.64	Hà Nội	6382	30K-806.19	Hà Nội
3583	51L-086.75	Hồ Chí Minh	4283	51L-086.25	Hồ Chí Minh	4983	51L-086.29	Hồ Chí Minh	5683	30K-805.66	Hà Nội	6383	30K-806.20	Hà Nội
3584	51L-086.93	Hồ Chí Minh	4284	51L-086.35	Hồ Chí Minh	4984	51L-086.32	Hồ Chí Minh	5684	30K-805.87	Hà Nội	6384	30K-806.28	Hà Nội
3585	51L-087.02	Hồ Chí Minh	4285	51L-086.37	Hồ Chí Minh	4985	51L-086.47	Hồ Chí Minh	5685	30K-806.07	Hà Nội	6385	30K-806.44	Hà Nội
3586	51L-087.17	Hồ Chí Minh	4286	51L-086.38	Hồ Chí Minh	4986	51L-086.56	Hồ Chí Minh	5686	30K-806.35	Hà Nội	6386	30K-806.46	Hà Nội
3587	51L-087.19	Hồ Chí Minh	4287	51L-086.41	Hồ Chí Minh	4987	51L-086.64	Hồ Chí Minh	5687	30K-806.36	Hà Nội	6387	30K-806.55	Hà Nội
3588	51L-087.40	Hồ Chí Minh	4288	51L-086.42	Hồ Chí Minh	4988	51L-086.65	Hồ Chí Minh	5688	30K-806.48	Hà Nội	6388	30K-806.71	Hà Nội
3589	51L-087.42	Hồ Chí Minh	4289	51L-086.57	Hồ Chí Minh	4989	51L-086.87	Hồ Chí Minh	5689	30K-806.62	Hà Nội	6389	30K-806.75	Hà Nội
3590	51L-087.43	Hồ Chí Minh	4290	51L-086.71	Hồ Chí Minh	4990	51L-086.98	Hồ Chí Minh	5690	30K-806.70	Hà Nội	6390	51L-086.40	Hồ Chí Minh
3591	51L-087.59	Hồ Chí Minh	4291	51L-086.72	Hồ Chí Minh	4991	51L-087.04	Hồ Chí Minh	5691	30K-806.77	Hà Nội	6391	51L-086.58	Hồ Chí Minh
3592	51L-087.86	Hồ Chí Minh	4292	51L-086.73	Hồ Chí Minh	4992	51L-087.22	Hồ Chí Minh	5692	30K-806.89	Hà Nội	6392	51L-086.74	Hồ Chí Minh
3593	51L-087.99	Hồ Chí Minh	4293	51L-086.92	Hồ Chí Minh	4993	51L-087.31	Hồ Chí Minh	5693	51L-086.30	Hồ Chí Minh	6393	51L-086.79	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3594	51L-088.03	Hồ Chí Minh	4294	51L-086.96	Hồ Chí Minh	4994	51L-087.32	Hồ Chí Minh	5694	51L-086.45	Hồ Chí Minh	6394	51L-087.00	Hồ Chí Minh
3595	51L-088.13	Hồ Chí Minh	4295	51L-087.13	Hồ Chí Minh	4995	51L-087.35	Hồ Chí Minh	5695	51L-086.59	Hồ Chí Minh	6395	51L-087.05	Hồ Chí Minh
3596	51L-088.20	Hồ Chí Minh	4296	51L-087.15	Hồ Chí Minh	4996	51L-087.53	Hồ Chí Minh	5696	51L-086.62	Hồ Chí Minh	6396	51L-087.07	Hồ Chí Minh
3597	51L-088.35	Hồ Chí Minh	4297	51L-087.24	Hồ Chí Minh	4997	51L-087.80	Hồ Chí Minh	5697	51L-086.63	Hồ Chí Minh	6397	51L-087.27	Hồ Chí Minh
3598	51L-088.36	Hồ Chí Minh	4298	51L-087.36	Hồ Chí Minh	4998	51L-088.10	Hồ Chí Minh	5698	51L-087.03	Hồ Chí Minh	6398	51L-087.38	Hồ Chí Minh
3599	51L-088.41	Hồ Chí Minh	4299	51L-087.58	Hồ Chí Minh	4999	51L-088.27	Hồ Chí Minh	5699	51L-087.14	Hồ Chí Minh	6399	51L-087.41	Hồ Chí Minh
3600	51L-088.51	Hồ Chí Minh	4300	51L-087.66	Hồ Chí Minh	5000	51L-088.38	Hồ Chí Minh	5700	51L-087.18	Hồ Chí Minh	6400	51L-087.57	Hồ Chí Minh
3601	51L-088.55	Hồ Chí Minh	4301	51L-087.69	Hồ Chí Minh	5001	51L-088.47	Hồ Chí Minh	5701	51L-087.20	Hồ Chí Minh	6401	51L-087.67	Hồ Chí Minh
3602	51L-088.58	Hồ Chí Minh	4302	51L-087.74	Hồ Chí Minh	5002	51L-088.77	Hồ Chí Minh	5702	51L-087.23	Hồ Chí Minh	6402	51L-087.71	Hồ Chí Minh
3603	51L-088.74	Hồ Chí Minh	4303	51L-087.82	Hồ Chí Minh	5003	51L-088.85	Hồ Chí Minh	5703	51L-087.28	Hồ Chí Minh	6403	51L-087.75	Hồ Chí Minh
3604	51L-088.78	Hồ Chí Minh	4304	51L-087.92	Hồ Chí Minh	5004	51L-089.20	Hồ Chí Minh	5704	51L-087.30	Hồ Chí Minh	6404	51L-087.84	Hồ Chí Minh
3605	51L-089.15	Hồ Chí Minh	4305	51L-088.00	Hồ Chí Minh	5005	51L-089.22	Hồ Chí Minh	5705	51L-087.37	Hồ Chí Minh	6405	51L-088.02	Hồ Chí Minh
3606	51L-089.32	Hồ Chí Minh	4306	51L-088.22	Hồ Chí Minh	5006	51L-089.31	Hồ Chí Minh	5706	51L-087.51	Hồ Chí Minh	6406	51L-088.05	Hồ Chí Minh
3607	51L-089.40	Hồ Chí Minh	4307	51L-088.30	Hồ Chí Minh	5007	51L-089.35	Hồ Chí Minh	5707	51L-087.54	Hồ Chí Minh	6407	51L-088.06	Hồ Chí Minh
3608	51L-089.43	Hồ Chí Minh	4308	51L-088.33	Hồ Chí Minh	5008	51L-089.38	Hồ Chí Minh	5708	51L-087.55	Hồ Chí Minh	6408	51L-088.09	Hồ Chí Minh
3609	51L-089.50	Hồ Chí Minh	4309	51L-088.37	Hồ Chí Minh	5009	51L-089.53	Hồ Chí Minh	5709	51L-087.63	Hồ Chí Minh	6409	51L-088.14	Hồ Chí Minh
3610	51L-089.76	Hồ Chí Minh	4310	51L-088.43	Hồ Chí Minh	5010	51L-089.66	Hồ Chí Minh	5710	51L-087.68	Hồ Chí Minh	6410	51L-088.15	Hồ Chí Minh
3611	51L-089.79	Hồ Chí Minh	4311	51L-088.50	Hồ Chí Minh	5011	51L-089.69	Hồ Chí Minh	5711	51L-087.70	Hồ Chí Minh	6411	51L-088.16	Hồ Chí Minh
3612	51L-089.94	Hồ Chí Minh	4312	51L-088.56	Hồ Chí Minh	5012	51L-089.90	Hồ Chí Minh	5712	51L-087.72	Hồ Chí Minh	6412	51L-088.21	Hồ Chí Minh
3613	51L-089.97	Hồ Chí Minh	4313	51L-088.83	Hồ Chí Minh	5013	51L-090.04	Hồ Chí Minh	5713	51L-087.77	Hồ Chí Minh	6413	51L-088.40	Hồ Chí Minh
3614	51L-090.05	Hồ Chí Minh	4314	51L-088.92	Hồ Chí Minh	5014	51L-090.18	Hồ Chí Minh	5714	51L-087.91	Hồ Chí Minh	6414	51L-088.42	Hồ Chí Minh
3615	51L-090.19	Hồ Chí Minh	4315	51L-089.07	Hồ Chí Minh	5015	51L-090.34	Hồ Chí Minh	5715	51L-087.98	Hồ Chí Minh	6415	51L-088.44	Hồ Chí Minh
3616	51L-090.23	Hồ Chí Minh	4316	51L-089.23	Hồ Chí Minh	5016	51L-090.47	Hồ Chí Minh	5716	51L-088.11	Hồ Chí Minh	6416	51L-088.62	Hồ Chí Minh
3617	51L-090.24	Hồ Chí Minh	4317	51L-089.26	Hồ Chí Minh	5017	51L-090.59	Hồ Chí Minh	5717	51L-088.12	Hồ Chí Minh	6417	51L-088.79	Hồ Chí Minh
3618	51L-090.33	Hồ Chí Minh	4318	51L-089.29	Hồ Chí Minh	5018	51L-090.60	Hồ Chí Minh	5718	51L-088.19	Hồ Chí Minh	6418	51L-089.05	Hồ Chí Minh
3619	51L-090.35	Hồ Chí Minh	4319	51L-089.44	Hồ Chí Minh	5019	51L-090.62	Hồ Chí Minh	5719	51L-088.39	Hồ Chí Minh	6419	51L-089.18	Hồ Chí Minh
3620	51L-090.36	Hồ Chí Minh	4320	51L-089.58	Hồ Chí Minh	5020	51L-090.69	Hồ Chí Minh	5720	51L-088.53	Hồ Chí Minh	6420	51L-089.21	Hồ Chí Minh
3621	51L-090.53	Hồ Chí Minh	4321	51L-089.68	Hồ Chí Minh	5021	51L-090.71	Hồ Chí Minh	5721	51L-088.71	Hồ Chí Minh	6421	51L-089.24	Hồ Chí Minh
3622	51L-090.88	Hồ Chí Minh	4322	51L-089.70	Hồ Chí Minh	5022	51L-090.73	Hồ Chí Minh	5722	51L-088.75	Hồ Chí Minh	6422	51L-089.37	Hồ Chí Minh
3623	51L-090.91	Hồ Chí Minh	4323	51L-089.80	Hồ Chí Minh	5023	51L-090.78	Hồ Chí Minh	5723	51L-088.90	Hồ Chí Minh	6423	51L-089.59	Hồ Chí Minh
3624	51L-090.93	Hồ Chí Minh	4324	51L-089.87	Hồ Chí Minh	5024	51L-090.86	Hồ Chí Minh	5724	51L-089.03	Hồ Chí Minh	6424	51L-089.72	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3625	51L-091.06	Hồ Chí Minh	4325	51L-090.07	Hồ Chí Minh	5025	51L-090.98	Hồ Chí Minh	5725	51L-089.04	Hồ Chí Minh	6425	51L-089.78	Hồ Chí Minh
3626	51L-091.07	Hồ Chí Minh	4326	51L-090.20	Hồ Chí Minh	5026	51L-091.18	Hồ Chí Minh	5726	51L-089.09	Hồ Chí Minh	6426	51L-089.91	Hồ Chí Minh
3627	51L-091.15	Hồ Chí Minh	4327	51L-090.32	Hồ Chí Minh	5027	51L-091.20	Hồ Chí Minh	5727	51L-089.14	Hồ Chí Minh	6427	51L-090.01	Hồ Chí Minh
3628	51L-091.24	Hồ Chí Minh	4328	51L-090.40	Hồ Chí Minh	5028	51L-091.27	Hồ Chí Minh	5728	51L-089.42	Hồ Chí Minh	6428	51L-090.06	Hồ Chí Minh
3629	51L-091.26	Hồ Chí Minh	4329	51L-090.48	Hồ Chí Minh	5029	51L-091.44	Hồ Chí Minh	5729	51L-089.47	Hồ Chí Minh	6429	51L-090.22	Hồ Chí Minh
3630	51L-091.34	Hồ Chí Minh	4330	51L-090.58	Hồ Chí Minh	5030	51L-091.73	Hồ Chí Minh	5730	51L-089.49	Hồ Chí Minh	6430	51L-090.41	Hồ Chí Minh
3631	51L-091.36	Hồ Chí Minh	4331	51L-090.63	Hồ Chí Minh	5031	51L-091.75	Hồ Chí Minh	5731	51L-089.82	Hồ Chí Minh	6431	51L-090.50	Hồ Chí Minh
3632	51L-091.45	Hồ Chí Minh	4332	51L-090.85	Hồ Chí Minh	5032	51L-091.76	Hồ Chí Minh	5732	51L-090.09	Hồ Chí Minh	6432	51L-090.52	Hồ Chí Minh
3633	51L-091.46	Hồ Chí Minh	4333	51L-090.89	Hồ Chí Minh	5033	51L-091.77	Hồ Chí Minh	5733	51L-090.29	Hồ Chí Minh	6433	51L-090.61	Hồ Chí Minh
3634	51L-091.54	Hồ Chí Minh	4334	51L-091.04	Hồ Chí Minh	5034	51L-091.84	Hồ Chí Minh	5734	51L-090.39	Hồ Chí Minh	6434	51L-090.67	Hồ Chí Minh
3635	51L-091.58	Hồ Chí Minh	4335	51L-091.22	Hồ Chí Minh	5035	51L-092.01	Hồ Chí Minh	5735	51L-090.42	Hồ Chí Minh	6435	51L-090.84	Hồ Chí Minh
3636	51L-091.63	Hồ Chí Minh	4336	51L-091.41	Hồ Chí Minh	5036	51L-092.04	Hồ Chí Minh	5736	51L-090.51	Hồ Chí Minh	6436	51L-090.87	Hồ Chí Minh
3637	51L-091.65	Hồ Chí Minh	4337	51L-091.55	Hồ Chí Minh	5037	11A-113.45	Cao Bằng	5737	51L-090.54	Hồ Chí Minh	6437	51L-090.95	Hồ Chí Minh
3638	51L-091.70	Hồ Chí Minh	4338	51L-091.61	Hồ Chí Minh	5038	11C-072.21	Cao Bằng	5738	51L-090.74	Hồ Chí Minh	6438	51L-091.19	Hồ Chí Minh
3639	51L-091.83	Hồ Chí Minh	4339	51L-091.62	Hồ Chí Minh	5039	11C-072.48	Cao Bằng	5739	51L-090.75	Hồ Chí Minh	6439	51L-091.21	Hồ Chí Minh
3640	51L-091.88	Hồ Chí Minh	4340	51L-092.00	Hồ Chí Minh	5040	11C-072.63	Cao Bằng	5740	51L-090.96	Hồ Chí Minh	6440	51L-091.25	Hồ Chí Minh
3641	51L-091.90	Hồ Chí Minh	4341	51L-092.05	Hồ Chí Minh	5041	11C-072.71	Cao Bằng	5741	51L-090.97	Hồ Chí Minh	6441	51L-091.42	Hồ Chí Minh
3642	51L-091.97	Hồ Chí Minh	4342	51L-092.19	Hồ Chí Minh	5042	11C-072.78	Cao Bằng	5742	51L-091.12	Hồ Chí Minh	6442	51L-091.43	Hồ Chí Minh
3643	51L-092.10	Hồ Chí Minh	4343	11A-113.22	Cao Bằng	5043	11C-072.80	Cao Bằng	5743	51L-091.35	Hồ Chí Minh	6443	51L-091.53	Hồ Chí Minh
3644	51L-092.15	Hồ Chí Minh	4344	11A-113.37	Cao Bằng	5044	14A-852.44	Quảng Ninh	5744	51L-091.52	Hồ Chí Minh	6444	51L-091.60	Hồ Chí Minh
3645	11A-113.23	Cao Bằng	4345	11A-113.47	Cao Bằng	5045	14A-852.55	Quảng Ninh	5745	51L-091.59	Hồ Chí Minh	6445	51L-091.67	Hồ Chí Minh
3646	11A-113.24	Cao Bằng	4346	11C-072.35	Cao Bằng	5046	14A-852.57	Quảng Ninh	5746	51L-091.85	Hồ Chí Minh	6446	51L-091.69	Hồ Chí Minh
3647	11A-113.27	Cao Bằng	4347	11C-072.59	Cao Bằng	5047	14A-852.64	Quảng Ninh	5747	51L-091.86	Hồ Chí Minh	6447	51L-091.80	Hồ Chí Minh
3648	11A-113.36	Cao Bằng	4348	14A-852.47	Quảng Ninh	5048	14A-852.65	Quảng Ninh	5748	51L-091.94	Hồ Chí Minh	6448	51L-091.89	Hồ Chí Minh
3649	11A-113.39	Cao Bằng	4349	14A-852.52	Quảng Ninh	5049	14A-852.71	Quảng Ninh	5749	51L-092.06	Hồ Chí Minh	6449	51L-091.92	Hồ Chí Minh
3650	11A-113.42	Cao Bằng	4350	14A-852.58	Quảng Ninh	5050	14A-852.73	Quảng Ninh	5750	51L-092.09	Hồ Chí Minh	6450	51L-092.12	Hồ Chí Minh
3651	11C-072.27	Cao Bằng	4351	14A-852.61	Quảng Ninh	5051	14A-852.77	Quảng Ninh	5751	11A-113.26	Cao Bằng	6451	11A-113.25	Cao Bằng
3652	11C-072.36	Cao Bằng	4352	14A-852.62	Quảng Ninh	5052	14A-852.85	Quảng Ninh	5752	11A-113.44	Cao Bằng	6452	11A-113.28	Cao Bằng
3653	11C-072.55	Cao Bằng	4353	14A-852.75	Quảng Ninh	5053	14A-852.87	Quảng Ninh	5753	11A-113.49	Cao Bằng	6453	11C-072.22	Cao Bằng
3654	11C-072.66	Cao Bằng	4354	14C-397.73	Quảng Ninh	5054	14C-397.53	Quảng Ninh	5754	11C-072.20	Cao Bằng	6454	11C-072.23	Cao Bằng
3655	11C-072.82	Cao Bằng	4355	14C-397.81	Quảng Ninh	5055	14C-397.72	Quảng Ninh	5755	11C-072.29	Cao Bằng	6455	11C-072.30	Cao Bằng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3656	14A-852.43	Quảng Ninh	4356	14C-397.82	Quảng Ninh	5056	14C-397.74	Quảng Ninh	5756	11C-072.38	Cao Bằng	6456	11C-072.40	Cao Bằng
3657	14A-852.82	Quảng Ninh	4357	15K-240.38	Hải Phòng	5057	14C-397.97	Quảng Ninh	5757	11C-072.65	Cao Bằng	6457	11C-072.41	Cao Bằng
3658	14A-852.83	Quảng Ninh	4358	15K-240.49	Hải Phòng	5058	14C-398.01	Quảng Ninh	5758	11C-072.68	Cao Bằng	6458	11C-072.46	Cao Bằng
3659	14A-852.91	Quảng Ninh	4359	15K-240.72	Hải Phòng	5059	15K-240.32	Hải Phòng	5759	11C-072.88	Cao Bằng	6459	11C-072.70	Cao Bằng
3660	14C-397.65	Quảng Ninh	4360	15K-240.80	Hải Phòng	5060	15K-240.41	Hải Phòng	5760	14A-852.59	Quảng Ninh	6460	11C-072.74	Cao Bằng
3661	14C-397.77	Quảng Ninh	4361	15K-240.82	Hải Phòng	5061	15K-240.52	Hải Phòng	5761	14A-852.67	Quảng Ninh	6461	11C-072.79	Cao Bằng
3662	14C-397.84	Quảng Ninh	4362	15K-240.90	Hải Phòng	5062	15K-240.54	Hải Phòng	5762	14A-852.78	Quảng Ninh	6462	11C-072.81	Cao Bằng
3663	14C-397.90	Quảng Ninh	4363	15K-240.91	Hải Phòng	5063	15K-240.60	Hải Phòng	5763	14A-852.79	Quảng Ninh	6463	14A-852.54	Quảng Ninh
3664	15K-240.35	Hải Phòng	4364	15K-241.24	Hải Phòng	5064	15K-240.74	Hải Phòng	5764	14A-852.84	Quảng Ninh	6464	14A-852.80	Quảng Ninh
3665	15K-240.39	Hải Phòng	4365	15K-241.28	Hải Phòng	5065	15K-241.08	Hải Phòng	5765	14A-852.90	Quảng Ninh	6465	14A-852.81	Quảng Ninh
3666	15K-240.46	Hải Phòng	4366	17A-414.38	Thái Bình	5066	15K-241.26	Hải Phòng	5766	14C-397.54	Quảng Ninh	6466	14A-852.86	Quảng Ninh
3667	15K-240.55	Hải Phòng	4367	17A-414.65	Thái Bình	5067	17A-414.41	Thái Bình	5767	14C-397.57	Quảng Ninh	6467	14C-397.58	Quảng Ninh
3668	15K-240.67	Hải Phòng	4368	17C-199.87	Thái Bình	5068	17A-414.63	Thái Bình	5768	14C-397.59	Quảng Ninh	6468	14C-397.61	Quảng Ninh
3669	15K-240.68	Hải Phòng	4369	17C-199.96	Thái Bình	5069	17A-414.69	Thái Bình	5769	14C-397.60	Quảng Ninh	6469	14C-397.76	Quảng Ninh
3670	15K-240.92	Hải Phòng	4370	17C-200.02	Thái Bình	5070	17A-414.78	Thái Bình	5770	14C-397.62	Quảng Ninh	6470	14C-397.79	Quảng Ninh
3671	15K-241.20	Hải Phòng	4371	18A-407.46	Nam Định	5071	17A-414.81	Thái Bình	5771	14C-397.63	Quảng Ninh	6471	14C-397.83	Quảng Ninh
3672	15K-241.21	Hải Phòng	4372	18A-407.51	Nam Định	5072	17C-199.70	Thái Bình	5772	14C-397.75	Quảng Ninh	6472	15K-240.34	Hải Phòng
3673	15K-241.23	Hải Phòng	4373	18A-407.83	Nam Định	5073	17C-199.86	Thái Bình	5773	14C-397.87	Quảng Ninh	6473	15K-240.37	Hải Phòng
3674	17A-414.47	Thái Bình	4374	18A-407.85	Nam Định	5074	17C-199.91	Thái Bình	5774	14C-397.89	Quảng Ninh	6474	15K-240.44	Hải Phòng
3675	17A-414.80	Thái Bình	4375	18C-156.80	Nam Định	5075	17C-200.10	Thái Bình	5775	14C-397.96	Quảng Ninh	6475	15K-240.47	Hải Phòng
3676	17C-199.69	Thái Bình	4376	18C-156.83	Nam Định	5076	18A-407.37	Nam Định	5776	15K-240.36	Hải Phòng	6476	15K-240.56	Hải Phòng
3677	17C-199.83	Thái Bình	4377	18C-156.86	Nam Định	5077	18A-407.60	Nam Định	5777	15K-240.42	Hải Phòng	6477	15K-240.58	Hải Phòng
3678	17C-199.89	Thái Bình	4378	18C-156.98	Nam Định	5078	18A-407.72	Nam Định	5778	15K-240.61	Hải Phòng	6478	15K-240.63	Hải Phòng
3679	17C-199.90	Thái Bình	4379	19A-598.42	Phú Thọ	5079	18C-156.57	Nam Định	5779	15K-240.73	Hải Phòng	6479	15K-240.65	Hải Phòng
3680	18A-407.40	Nam Định	4380	19A-598.66	Phú Thọ	5080	18C-156.59	Nam Định	5780	15K-240.76	Hải Phòng	6480	15K-240.75	Hải Phòng
3681	18A-407.50	Nam Định	4381	19A-598.67	Phú Thọ	5081	18C-156.62	Nam Định	5781	15K-240.83	Hải Phòng	6481	15K-240.78	Hải Phòng
3682	18A-407.66	Nam Định	4382	19A-598.70	Phú Thọ	5082	18C-156.63	Nam Định	5782	15K-240.86	Hải Phòng	6482	15K-240.93	Hải Phòng
3683	18A-407.68	Nam Định	4383	19A-598.78	Phú Thọ	5083	18C-156.68	Nam Định	5783	15K-241.16	Hải Phòng	6483	15K-240.97	Hải Phòng
3684	18A-407.70	Nam Định	4384	19A-598.94	Phú Thọ	5084	18C-156.99	Nam Định	5784	17A-414.40	Thái Bình	6484	15K-240.99	Hải Phòng
3685	18A-407.71	Nam Định	4385	19A-598.95	Phú Thọ	5085	18C-157.03	Nam Định	5785	17A-414.50	Thái Bình	6485	15K-241.00	Hải Phòng
3686	18A-407.84	Nam Định	4386	19A-599.01	Phú Thọ	5086	19A-598.40	Phú Thọ	5786	17A-414.67	Thái Bình	6486	15K-241.01	Hải Phòng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3687	18C-156.70	Nam Định	4387	19A-599.02	Phú Thọ	5087	19A-598.44	Phú Thọ	5787	17A-414.79	Thái Bình	6487	15K-241.12	Hải Phòng
3688	18C-157.04	Nam Định	4388	19A-599.03	Phú Thọ	5088	19A-598.57	Phú Thọ	5788	17A-414.84	Thái Bình	6488	17A-414.45	Thái Bình
3689	18C-157.06	Nam Định	4389	19A-599.16	Phú Thọ	5089	19A-598.97	Phú Thọ	5789	17A-414.86	Thái Bình	6489	17A-414.46	Thái Bình
3690	19A-598.47	Phú Thọ	4390	20A-737.51	Thái Nguyên	5090	19A-599.08	Phú Thọ	5790	17C-199.62	Thái Bình	6490	17A-414.75	Thái Bình
3691	19A-598.50	Phú Thọ	4391	20A-737.62	Thái Nguyên	5091	19A-599.18	Phú Thọ	5791	17C-199.79	Thái Bình	6491	17A-414.77	Thái Bình
3692	19A-598.52	Phú Thọ	4392	20A-737.71	Thái Nguyên	5092	19A-599.32	Phú Thọ	5792	17C-200.05	Thái Bình	6492	17A-414.85	Thái Bình
3693	19A-598.69	Phú Thọ	4393	20A-737.91	Thái Nguyên	5093	19A-599.34	Phú Thọ	5793	17C-200.09	Thái Bình	6493	17A-414.87	Thái Bình
3694	19A-598.77	Phú Thọ	4394	20A-737.92	Thái Nguyên	5094	20A-737.67	Thái Nguyên	5794	18A-407.58	Nam Định	6494	17C-199.63	Thái Bình
3695	19A-598.81	Phú Thọ	4395	20A-737.93	Thái Nguyên	5095	20A-737.74	Thái Nguyên	5795	18A-407.63	Nam Định	6495	17C-199.74	Thái Bình
3696	19A-598.91	Phú Thọ	4396	20A-738.00	Thái Nguyên	5096	20A-737.75	Thái Nguyên	5796	18C-156.75	Nam Định	6496	17C-199.75	Thái Bình
3697	19A-599.05	Phú Thọ	4397	20A-738.05	Thái Nguyên	5097	20A-737.98	Thái Nguyên	5797	18C-156.81	Nam Định	6497	18A-407.52	Nam Định
3698	19A-599.22	Phú Thọ	4398	20A-738.06	Thái Nguyên	5098	20A-738.02	Thái Nguyên	5798	18C-156.85	Nam Định	6498	18A-407.64	Nam Định
3699	19A-599.28	Phú Thọ	4399	20A-738.15	Thái Nguyên	5099	20A-738.11	Thái Nguyên	5799	18C-156.97	Nam Định	6499	18A-407.81	Nam Định
3700	19A-599.36	Phú Thọ	4400	20A-738.17	Thái Nguyên	5100	20A-738.13	Thái Nguyên	5800	18C-157.02	Nam Định	6500	18C-156.72	Nam Định
3701	20A-737.57	Thái Nguyên	4401	20A-738.22	Thái Nguyên	5101	20A-738.18	Thái Nguyên	5801	19A-598.43	Phú Thọ	6501	18C-156.78	Nam Định
3702	20A-737.77	Thái Nguyên	4402	20A-738.25	Thái Nguyên	5102	20A-738.23	Thái Nguyên	5802	19A-598.45	Phú Thọ	6502	18C-156.84	Nam Định
3703	20A-737.80	Thái Nguyên	4403	20A-738.30	Thái Nguyên	5103	20A-738.27	Thái Nguyên	5803	19A-598.53	Phú Thọ	6503	18C-156.89	Nam Định
3704	20A-737.95	Thái Nguyên	4404	20A-738.41	Thái Nguyên	5104	20A-738.43	Thái Nguyên	5804	19A-598.54	Phú Thọ	6504	18C-156.90	Nam Định
3705	20A-738.07	Thái Nguyên	4405	20A-738.97	Thái Nguyên	5105	20A-738.55	Thái Nguyên	5805	19A-598.56	Phú Thọ	6505	18C-157.05	Nam Định
3706	20A-738.33	Thái Nguyên	4406	20A-738.98	Thái Nguyên	5106	20A-738.66	Thái Nguyên	5806	19A-598.74	Phú Thọ	6506	19A-598.46	Phú Thọ
3707	20A-738.40	Thái Nguyên	4407	20A-739.13	Thái Nguyên	5107	20A-738.74	Thái Nguyên	5807	19A-598.87	Phú Thọ	6507	19A-598.55	Phú Thọ
3708	20A-738.49	Thái Nguyên	4408	20A-739.21	Thái Nguyên	5108	20A-738.83	Thái Nguyên	5808	19A-599.11	Phú Thọ	6508	19A-598.64	Phú Thọ
3709	20A-738.63	Thái Nguyên	4409	20A-739.31	Thái Nguyên	5109	20A-738.87	Thái Nguyên	5809	19A-599.14	Phú Thọ	6509	19A-598.73	Phú Thọ
3710	20A-738.75	Thái Nguyên	4410	20A-739.36	Thái Nguyên	5110	20A-739.01	Thái Nguyên	5810	19A-599.15	Phú Thọ	6510	19A-598.75	Phú Thọ
3711	20A-738.85	Thái Nguyên	4411	20A-739.66	Thái Nguyên	5111	20A-739.07	Thái Nguyên	5811	19A-599.20	Phú Thọ	6511	19A-598.76	Phú Thọ
3712	20A-738.88	Thái Nguyên	4412	20A-739.78	Thái Nguyên	5112	20A-739.12	Thái Nguyên	5812	20A-737.53	Thái Nguyên	6512	19A-598.79	Phú Thọ
3713	20A-738.94	Thái Nguyên	4413	20A-739.81	Thái Nguyên	5113	20A-739.17	Thái Nguyên	5813	20A-737.72	Thái Nguyên	6513	19A-598.80	Phú Thọ
3714	20A-739.09	Thái Nguyên	4414	20A-739.85	Thái Nguyên	5114	20A-739.23	Thái Nguyên	5814	20A-737.76	Thái Nguyên	6514	19A-598.83	Phú Thọ
3715	20A-739.20	Thái Nguyên	4415	20A-739.86	Thái Nguyên	5115	20A-739.32	Thái Nguyên	5815	20A-737.86	Thái Nguyên	6515	19A-598.99	Phú Thọ
3716	20A-739.29	Thái Nguyên	4416	20A-740.05	Thái Nguyên	5116	20A-739.34	Thái Nguyên	5816	20A-737.88	Thái Nguyên	6516	19A-599.00	Phú Thọ
3717	20A-739.72	Thái Nguyên	4417	20A-740.35	Thái Nguyên	5117	20A-739.44	Thái Nguyên	5817	20A-738.08	Thái Nguyên	6517	19A-599.04	Phú Thọ

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3718	20A-739.73	Thái Nguyên	4418	20A-740.37	Thái Nguyên	5118	20A-739.57	Thái Nguyên	5818	20A-738.36	Thái Nguyên	6518	19A-599.10	Phú Thọ
3719	20A-739.74	Thái Nguyên	4419	20A-740.40	Thái Nguyên	5119	20A-739.62	Thái Nguyên	5819	20A-738.38	Thái Nguyên	6519	19A-599.19	Phú Thọ
3720	20A-739.75	Thái Nguyên	4420	20A-740.47	Thái Nguyên	5120	20A-739.70	Thái Nguyên	5820	20A-738.44	Thái Nguyên	6520	19A-599.21	Phú Thọ
3721	20A-739.88	Thái Nguyên	4421	20A-740.53	Thái Nguyên	5121	20A-739.77	Thái Nguyên	5821	20A-738.48	Thái Nguyên	6521	19A-599.25	Phú Thọ
3722	20A-739.89	Thái Nguyên	4422	20A-740.54	Thái Nguyên	5122	20A-739.87	Thái Nguyên	5822	20A-738.57	Thái Nguyên	6522	19A-599.26	Phú Thọ
3723	20A-739.95	Thái Nguyên	4423	20A-740.55	Thái Nguyên	5123	20A-739.98	Thái Nguyên	5823	20A-738.89	Thái Nguyên	6523	19A-599.35	Phú Thọ
3724	20A-740.18	Thái Nguyên	4424	20A-740.77	Thái Nguyên	5124	20A-740.06	Thái Nguyên	5824	20A-739.05	Thái Nguyên	6524	20A-737.60	Thái Nguyên
3725	20A-740.19	Thái Nguyên	4425	20A-740.81	Thái Nguyên	5125	20A-740.12	Thái Nguyên	5825	20A-739.24	Thái Nguyên	6525	20A-737.68	Thái Nguyên
3726	20A-740.29	Thái Nguyên	4426	20A-740.85	Thái Nguyên	5126	20A-740.25	Thái Nguyên	5826	20A-739.33	Thái Nguyên	6526	20A-737.81	Thái Nguyên
3727	20A-740.38	Thái Nguyên	4427	20A-741.04	Thái Nguyên	5127	20A-740.33	Thái Nguyên	5827	20A-739.35	Thái Nguyên	6527	20A-737.82	Thái Nguyên
3728	20A-740.57	Thái Nguyên	4428	20A-741.14	Thái Nguyên	5128	20A-740.52	Thái Nguyên	5828	20A-739.43	Thái Nguyên	6528	20A-738.01	Thái Nguyên
3729	20A-740.64	Thái Nguyên	4429	20A-741.16	Thái Nguyên	5129	20A-740.60	Thái Nguyên	5829	20A-739.55	Thái Nguyên	6529	20A-738.03	Thái Nguyên
3730	20A-740.73	Thái Nguyên	4430	20A-741.19	Thái Nguyên	5130	20A-740.67	Thái Nguyên	5830	20A-739.59	Thái Nguyên	6530	20A-738.09	Thái Nguyên
3731	20A-740.75	Thái Nguyên	4431	20A-741.33	Thái Nguyên	5131	20A-740.68	Thái Nguyên	5831	20A-739.64	Thái Nguyên	6531	20A-738.12	Thái Nguyên
3732	20A-740.91	Thái Nguyên	4432	20A-741.37	Thái Nguyên	5132	20A-740.69	Thái Nguyên	5832	20A-739.93	Thái Nguyên	6532	20A-738.16	Thái Nguyên
3733	20A-740.93	Thái Nguyên	4433	20A-741.50	Thái Nguyên	5133	20A-740.98	Thái Nguyên	5833	20A-740.14	Thái Nguyên	6533	20A-738.28	Thái Nguyên
3734	20A-740.95	Thái Nguyên	4434	20A-741.53	Thái Nguyên	5134	20A-741.03	Thái Nguyên	5834	20A-740.22	Thái Nguyên	6534	20A-738.35	Thái Nguyên
3735	20A-740.99	Thái Nguyên	4435	20C-286.74	Thái Nguyên	5135	20A-741.18	Thái Nguyên	5835	20A-740.72	Thái Nguyên	6535	20A-738.39	Thái Nguyên
3736	20A-741.02	Thái Nguyên	4436	20C-286.80	Thái Nguyên	5136	20A-741.49	Thái Nguyên	5836	20A-740.74	Thái Nguyên	6536	20A-738.50	Thái Nguyên
3737	20A-741.17	Thái Nguyên	4437	20C-286.92	Thái Nguyên	5137	20C-286.69	Thái Nguyên	5837	20A-741.54	Thái Nguyên	6537	20A-738.61	Thái Nguyên
3738	20A-741.38	Thái Nguyên	4438	20C-287.07	Thái Nguyên	5138	20C-286.81	Thái Nguyên	5838	20A-741.55	Thái Nguyên	6538	20A-738.78	Thái Nguyên
3739	20A-741.42	Thái Nguyên	4439	20C-287.19	Thái Nguyên	5139	20C-287.23	Thái Nguyên	5839	20C-286.70	Thái Nguyên	6539	20A-738.79	Thái Nguyên
3740	20C-286.78	Thái Nguyên	4440	20C-287.24	Thái Nguyên	5140	20C-287.32	Thái Nguyên	5840	20C-286.76	Thái Nguyên	6540	20A-738.84	Thái Nguyên
3741	20C-286.79	Thái Nguyên	4441	20C-287.27	Thái Nguyên	5141	20C-287.54	Thái Nguyên	5841	20C-286.89	Thái Nguyên	6541	20A-739.02	Thái Nguyên
3742	20C-286.84	Thái Nguyên	4442	20C-287.36	Thái Nguyên	5142	21A-184.24	Yên Bái	5842	20C-287.00	Thái Nguyên	6542	20A-739.28	Thái Nguyên
3743	20C-286.96	Thái Nguyên	4443	20C-287.52	Thái Nguyên	5143	21A-184.25	Yên Bái	5843	20C-287.01	Thái Nguyên	6543	20A-739.50	Thái Nguyên
3744	20C-286.98	Thái Nguyên	4444	21A-184.26	Yên Bái	5144	21A-184.29	Yên Bái	5844	20C-287.03	Thái Nguyên	6544	20A-739.67	Thái Nguyên
3745	20C-286.99	Thái Nguyên	4445	21A-184.31	Yên Bái	5145	21A-184.60	Yên Bái	5845	20C-287.30	Thái Nguyên	6545	20A-739.76	Thái Nguyên
3746	20C-287.04	Thái Nguyên	4446	21A-184.32	Yên Bái	5146	21A-184.63	Yên Bái	5846	20C-287.39	Thái Nguyên	6546	20A-739.90	Thái Nguyên
3747	20C-287.10	Thái Nguyên	4447	21A-184.41	Yên Bái	5147	21C-097.02	Yên Bái	5847	20C-287.49	Thái Nguyên	6547	20A-739.92	Thái Nguyên
3748	20C-287.15	Thái Nguyên	4448	21A-184.50	Yên Bái	5148	21C-097.29	Yên Bái	5848	21A-184.15	Yên Bái	6548	20A-739.94	Thái Nguyên

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3749	20C-287.37	Thái Nguyên	4449	21A-184.62	Yên Bái	5149	21C-097.37	Yên Bái	5849	21A-184.37	Yên Bái	6549	20A-740.01	Thái Nguyên
3750	21A-184.22	Yên Bái	4450	21C-097.15	Yên Bái	5150	21C-097.44	Yên Bái	5850	21A-184.39	Yên Bái	6550	20A-740.10	Thái Nguyên
3751	21A-184.30	Yên Bái	4451	21C-097.34	Yên Bái	5151	22A-228.13	Tuyên Quang	5851	21A-184.40	Yên Bái	6551	20A-740.27	Thái Nguyên
3752	21A-184.34	Yên Bái	4452	21C-097.36	Yên Bái	5152	22A-228.18	Tuyên Quang	5852	21A-184.48	Yên Bái	6552	20A-740.42	Thái Nguyên
3753	21A-184.45	Yên Bái	4453	21C-097.49	Yên Bái	5153	22A-228.26	Tuyên Quang	5853	21A-184.55	Yên Bái	6553	20A-740.51	Thái Nguyên
3754	21A-184.51	Yên Bái	4454	22A-228.24	Tuyên Quang	5154	22A-228.61	Tuyên Quang	5854	21A-184.59	Yên Bái	6554	20A-740.78	Thái Nguyên
3755	21C-097.05	Yên Bái	4455	22A-228.29	Tuyên Quang	5155	22A-228.62	Tuyên Quang	5855	21A-184.61	Yên Bái	6555	20A-740.79	Thái Nguyên
3756	21C-097.18	Yên Bái	4456	22A-228.45	Tuyên Quang	5156	22A-228.66	Tuyên Quang	5856	21C-097.07	Yên Bái	6556	20A-740.86	Thái Nguyên
3757	21C-097.30	Yên Bái	4457	22A-228.58	Tuyên Quang	5157	22A-228.92	Tuyên Quang	5857	21C-097.20	Yên Bái	6557	20A-740.90	Thái Nguyên
3758	21C-097.35	Yên Bái	4458	22A-228.78	Tuyên Quang	5158	22A-228.96	Tuyên Quang	5858	21C-097.46	Yên Bái	6558	20A-741.12	Thái Nguyên
3759	21C-097.45	Yên Bái	4459	22A-229.10	Tuyên Quang	5159	22A-228.98	Tuyên Quang	5859	22A-228.01	Tuyên Quang	6559	20A-741.13	Thái Nguyên
3760	21C-097.48	Yên Bái	4460	22A-229.25	Tuyên Quang	5160	22A-228.99	Tuyên Quang	5860	22A-228.02	Tuyên Quang	6560	20A-741.21	Thái Nguyên
3761	22A-228.15	Tuyên Quang	4461	22A-229.32	Tuyên Quang	5161	22A-229.03	Tuyên Quang	5861	22A-228.04	Tuyên Quang	6561	20A-741.27	Thái Nguyên
3762	22A-228.21	Tuyên Quang	4462	22A-229.36	Tuyên Quang	5162	22A-229.05	Tuyên Quang	5862	22A-228.12	Tuyên Quang	6562	20A-741.39	Thái Nguyên
3763	22A-228.23	Tuyên Quang	4463	22A-229.54	Tuyên Quang	5163	22A-229.30	Tuyên Quang	5863	22A-228.39	Tuyên Quang	6563	20A-741.45	Thái Nguyên
3764	22A-228.30	Tuyên Quang	4464	22A-229.79	Tuyên Quang	5164	22A-229.37	Tuyên Quang	5864	22A-228.41	Tuyên Quang	6564	20C-286.82	Thái Nguyên
3765	22A-228.35	Tuyên Quang	4465	22A-229.80	Tuyên Quang	5165	22A-229.44	Tuyên Quang	5865	22A-228.83	Tuyên Quang	6565	20C-287.18	Thái Nguyên
3766	22A-228.42	Tuyên Quang	4466	22A-229.85	Tuyên Quang	5166	22A-229.52	Tuyên Quang	5866	22A-228.85	Tuyên Quang	6566	20C-287.46	Thái Nguyên
3767	22A-228.48	Tuyên Quang	4467	22A-229.90	Tuyên Quang	5167	22A-229.57	Tuyên Quang	5867	22A-228.93	Tuyên Quang	6567	20C-287.56	Thái Nguyên
3768	22A-228.65	Tuyên Quang	4468	22A-230.04	Tuyên Quang	5168	22A-229.86	Tuyên Quang	5868	22A-229.02	Tuyên Quang	6568	21A-184.28	Yên Bái
3769	22A-228.71	Tuyên Quang	4469	22A-230.26	Tuyên Quang	5169	22A-229.96	Tuyên Quang	5869	22A-229.09	Tuyên Quang	6569	21C-097.01	Yên Bái
3770	22A-228.79	Tuyên Quang	4470	22A-230.37	Tuyên Quang	5170	22A-230.12	Tuyên Quang	5870	22A-229.67	Tuyên Quang	6570	21C-097.04	Yên Bái
3771	22A-228.80	Tuyên Quang	4471	22A-230.47	Tuyên Quang	5171	22A-230.16	Tuyên Quang	5871	22A-229.74	Tuyên Quang	6571	21C-097.17	Yên Bái
3772	22A-228.81	Tuyên Quang	4472	22A-230.49	Tuyên Quang	5172	22A-230.22	Tuyên Quang	5872	22A-229.78	Tuyên Quang	6572	21C-097.25	Yên Bái
3773	22A-228.94	Tuyên Quang	4473	25A-074.40	Lai Châu	5173	22A-230.34	Tuyên Quang	5873	22A-229.97	Tuyên Quang	6573	21C-097.33	Yên Bái
3774	22A-229.06	Tuyên Quang	4474	25A-074.57	Lai Châu	5174	22A-230.45	Tuyên Quang	5874	22A-230.02	Tuyên Quang	6574	22A-228.16	Tuyên Quang
3775	22A-229.08	Tuyên Quang	4475	25A-074.58	Lai Châu	5175	25A-074.46	Lai Châu	5875	22A-230.06	Tuyên Quang	6575	22A-228.25	Tuyên Quang
3776	22A-229.24	Tuyên Quang	4476	25A-074.63	Lai Châu	5176	25A-074.70	Lai Châu	5876	22A-230.13	Tuyên Quang	6576	22A-228.33	Tuyên Quang
3777	22A-229.34	Tuyên Quang	4477	25A-074.79	Lai Châu	5177	25A-074.77	Lai Châu	5877	22A-230.46	Tuyên Quang	6577	22A-228.36	Tuyên Quang
3778	22A-229.39	Tuyên Quang	4478	25A-074.81	Lai Châu	5178	25A-074.95	Lai Châu	5878	25A-074.72	Lai Châu	6578	22A-228.60	Tuyên Quang
3779	22A-229.56	Tuyên Quang	4479	25A-074.92	Lai Châu	5179	25A-075.03	Lai Châu	5879	25A-074.74	Lai Châu	6579	22A-228.89	Tuyên Quang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3780	22A-229.59	Tuyên Quang	4480	25A-074.94	Lai Châu	5180	25A-075.11	Lai Châu	5880	25A-074.89	Lai Châu	6580	22A-228.95	Tuyên Quang
3781	22A-229.60	Tuyên Quang	4481	25A-075.13	Lai Châu	5181	25A-075.12	Lai Châu	5881	25A-074.91	Lai Châu	6581	22A-229.12	Tuyên Quang
3782	22A-229.62	Tuyên Quang	4482	25A-075.15	Lai Châu	5182	25A-075.23	Lai Châu	5882	25A-074.97	Lai Châu	6582	22A-229.23	Tuyên Quang
3783	22A-229.72	Tuyên Quang	4483	25A-075.20	Lai Châu	5183	25A-075.24	Lai Châu	5883	25A-075.04	Lai Châu	6583	22A-229.51	Tuyên Quang
3784	22A-229.84	Tuyên Quang	4484	25A-075.22	Lai Châu	5184	26A-199.47	Sơn La	5884	25A-075.05	Lai Châu	6584	22A-229.55	Tuyên Quang
3785	22A-229.88	Tuyên Quang	4485	25A-075.26	Lai Châu	5185	26A-199.61	Sơn La	5885	25A-075.18	Lai Châu	6585	22A-229.95	Tuyên Quang
3786	22A-229.94	Tuyên Quang	4486	25A-075.27	Lai Châu	5186	26A-199.79	Sơn La	5886	26A-199.46	Sơn La	6586	22A-230.01	Tuyên Quang
3787	22A-230.11	Tuyên Quang	4487	26A-199.44	Sơn La	5187	26A-199.80	Sơn La	5887	26A-199.56	Sơn La	6587	22A-230.03	Tuyên Quang
3788	22A-230.17	Tuyên Quang	4488	26A-199.48	Sơn La	5188	26A-200.04	Sơn La	5888	26A-199.68	Sơn La	6588	22A-230.24	Tuyên Quang
3789	22A-230.19	Tuyên Quang	4489	26A-199.60	Sơn La	5189	26A-200.06	Sơn La	5889	26A-200.13	Sơn La	6589	22A-230.28	Tuyên Quang
3790	25A-074.55	Lai Châu	4490	26A-199.67	Sơn La	5190	26A-200.18	Sơn La	5890	26A-200.16	Sơn La	6590	22A-230.30	Tuyên Quang
3791	25A-074.59	Lai Châu	4491	26A-199.76	Sơn La	5191	26A-200.26	Sơn La	5891	26A-200.51	Sơn La	6591	25A-074.41	Lai Châu
3792	25A-074.68	Lai Châu	4492	26A-199.94	Sơn La	5192	26A-200.27	Sơn La	5892	26A-200.52	Sơn La	6592	25A-074.49	Lai Châu
3793	25A-074.73	Lai Châu	4493	26A-200.21	Sơn La	5193	26A-200.29	Sơn La	5893	26A-200.57	Sơn La	6593	25A-074.53	Lai Châu
3794	25A-075.14	Lai Châu	4494	26A-200.33	Sơn La	5194	26A-200.44	Sơn La	5894	26A-200.59	Sơn La	6594	25A-074.93	Lai Châu
3795	25A-075.29	Lai Châu	4495	26A-200.34	Sơn La	5195	26A-200.45	Sơn La	5895	26A-200.87	Sơn La	6595	25A-074.98	Lai Châu
3796	26A-199.50	Sơn La	4496	26A-200.38	Sơn La	5196	26A-200.70	Sơn La	5896	26A-200.90	Sơn La	6596	25A-074.99	Lai Châu
3797	26A-199.71	Sơn La	4497	26A-200.43	Sơn La	5197	26A-200.79	Sơn La	5897	26C-145.22	Sơn La	6597	25A-075.00	Lai Châu
3798	26A-199.75	Sơn La	4498	26A-200.53	Sơn La	5198	26A-200.82	Sơn La	5898	26C-145.55	Sơn La	6598	25A-075.06	Lai Châu
3799	26A-199.89	Sơn La	4499	26A-200.56	Sơn La	5199	26A-200.86	Sơn La	5899	26C-145.64	Sơn La	6599	25A-075.17	Lai Châu
3800	26A-200.14	Sơn La	4500	26A-200.63	Sơn La	5200	26A-200.92	Sơn La	5900	26C-145.76	Sơn La	6600	25A-075.21	Lai Châu
3801	26A-200.24	Sơn La	4501	26A-200.83	Sơn La	5201	26C-145.27	Sơn La	5901	26C-145.82	Sơn La	6601	26A-199.43	Sơn La
3802	26A-200.61	Sơn La	4502	26C-145.26	Sơn La	5202	26C-145.47	Sơn La	5902	26C-145.84	Sơn La	6602	26A-199.45	Sơn La
3803	26A-200.65	Sơn La	4503	26C-145.30	Sơn La	5203	26C-145.49	Sơn La	5903	26C-146.22	Sơn La	6603	26A-199.51	Sơn La
3804	26A-200.67	Sơn La	4504	26C-145.41	Sơn La	5204	26C-145.60	Sơn La	5904	27A-108.01	Điện Biên	6604	26A-199.59	Sơn La
3805	26A-200.74	Sơn La	4505	26C-145.66	Sơn La	5205	26C-145.65	Sơn La	5905	27A-108.05	Điện Biên	6605	26A-199.63	Sơn La
3806	26A-200.78	Sơn La	4506	26C-146.16	Sơn La	5206	26C-145.73	Sơn La	5906	27A-108.09	Điện Biên	6606	26A-199.74	Sơn La
3807	26C-145.38	Sơn La	4507	26C-146.25	Sơn La	5207	26C-145.78	Sơn La	5907	27A-108.16	Điện Biên	6607	26A-199.81	Sơn La
3808	26C-145.52	Sơn La	4508	27A-108.07	Điện Biên	5208	26C-145.79	Sơn La	5908	27A-108.21	Điện Biên	6608	26A-199.84	Sơn La
3809	26C-145.58	Sơn La	4509	27A-108.18	Điện Biên	5209	26C-145.85	Sơn La	5909	27A-108.24	Điện Biên	6609	26A-200.20	Sơn La
3810	26C-145.71	Sơn La	4510	27A-108.28	Điện Biên	5210	26C-145.86	Sơn La	5910	27A-108.30	Điện Biên	6610	26A-200.23	Sơn La

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3811	26C-145.81	Sơn La	4511	27A-108.29	Điện Biên	5211	26C-145.88	Sơn La	5911	27A-108.40	Điện Biên	6611	26A-200.36	Sơn La
3812	26C-145.83	Sơn La	4512	27A-108.42	Điện Biên	5212	26C-145.93	Sơn La	5912	27A-108.41	Điện Biên	6612	26A-200.37	Sơn La
3813	26C-145.97	Sơn La	4513	27C-065.63	Điện Biên	5213	26C-145.96	Sơn La	5913	27A-108.52	Điện Biên	6613	26A-200.40	Sơn La
3814	26C-145.98	Sơn La	4514	27C-065.77	Điện Biên	5214	26C-145.99	Sơn La	5914	27A-108.53	Điện Biên	6614	26A-200.41	Sơn La
3815	26C-146.21	Sơn La	4515	27C-065.79	Điện Biên	5215	26C-146.05	Sơn La	5915	27A-108.68	Điện Biên	6615	26A-200.42	Sơn La
3816	27A-108.02	Điện Biên	4516	28A-225.57	Hòa Bình	5216	26C-146.08	Sơn La	5916	28A-225.72	Hòa Bình	6616	26A-200.60	Sơn La
3817	27A-108.03	Điện Biên	4517	28A-225.59	Hòa Bình	5217	26C-146.13	Sơn La	5917	28A-225.78	Hòa Bình	6617	26A-200.71	Sơn La
3818	27A-108.32	Điện Biên	4518	28A-225.64	Hòa Bình	5218	27A-108.08	Điện Biên	5918	28A-225.85	Hòa Bình	6618	26A-200.75	Sơn La
3819	27A-108.63	Điện Biên	4519	28A-225.80	Hòa Bình	5219	27A-108.34	Điện Biên	5919	28A-225.92	Hòa Bình	6619	26A-200.84	Sơn La
3820	27C-065.53	Điện Biên	4520	28A-225.84	Hòa Bình	5220	27A-108.35	Điện Biên	5920	28A-226.00	Hòa Bình	6620	26C-145.24	Sơn La
3821	27C-065.65	Điện Biên	4521	28A-225.93	Hòa Bình	5221	27A-108.43	Điện Biên	5921	28A-226.05	Hòa Bình	6621	26C-145.25	Sơn La
3822	27C-065.66	Điện Biên	4522	28A-225.96	Hòa Bình	5222	27A-108.50	Điện Biên	5922	28A-226.11	Hòa Bình	6622	26C-145.28	Sơn La
3823	27C-065.69	Điện Biên	4523	28A-225.98	Hòa Bình	5223	27A-108.62	Điện Biên	5923	28A-226.21	Hòa Bình	6623	26C-145.33	Sơn La
3824	28A-225.68	Hòa Bình	4524	28A-226.06	Hòa Bình	5224	27A-108.64	Điện Biên	5924	28A-226.31	Hòa Bình	6624	26C-145.37	Sơn La
3825	28A-225.77	Hòa Bình	4525	28A-226.17	Hòa Bình	5225	27A-108.70	Điện Biên	5925	28A-226.34	Hòa Bình	6625	26C-145.40	Sơn La
3826	28A-225.86	Hòa Bình	4526	28A-226.22	Hòa Bình	5226	27C-065.72	Điện Biên	5926	28A-226.37	Hòa Bình	6626	26C-145.43	Sơn La
3827	28A-225.94	Hòa Bình	4527	28A-226.49	Hòa Bình	5227	28A-225.56	Hòa Bình	5927	28A-226.38	Hòa Bình	6627	26C-146.27	Sơn La
3828	28A-225.99	Hòa Bình	4528	28A-226.72	Hòa Bình	5228	28A-225.69	Hòa Bình	5928	28A-226.58	Hòa Bình	6628	27A-108.46	Điện Biên
3829	28A-226.04	Hòa Bình	4529	28A-226.81	Hòa Bình	5229	28A-225.71	Hòa Bình	5929	28A-226.61	Hòa Bình	6629	27C-065.57	Điện Biên
3830	28A-226.08	Hòa Bình	4530	28A-226.91	Hòa Bình	5230	28A-225.75	Hòa Bình	5930	28A-226.75	Hòa Bình	6630	27C-065.61	Điện Biên
3831	28A-226.26	Hòa Bình	4531	28A-227.07	Hòa Bình	5231	28A-225.81	Hòa Bình	5931	28A-226.77	Hòa Bình	6631	27C-065.75	Điện Biên
3832	28A-226.52	Hòa Bình	4532	28A-227.08	Hòa Bình	5232	28A-226.14	Hòa Bình	5932	28A-226.82	Hòa Bình	6632	27C-065.76	Điện Biên
3833	28A-226.63	Hòa Bình	4533	28A-227.10	Hòa Bình	5233	28A-226.24	Hòa Bình	5933	28A-226.87	Hòa Bình	6633	28A-225.74	Hòa Bình
3834	28A-226.64	Hòa Bình	4534	28A-227.22	Hòa Bình	5234	28A-226.25	Hòa Bình	5934	28A-226.97	Hòa Bình	6634	28A-225.82	Hòa Bình
3835	28A-227.00	Hòa Bình	4535	28A-227.37	Hòa Bình	5235	28A-226.40	Hòa Bình	5935	28A-226.99	Hòa Bình	6635	28A-225.91	Hòa Bình
3836	28A-227.01	Hòa Bình	4536	28A-227.40	Hòa Bình	5236	28A-226.43	Hòa Bình	5936	28A-227.13	Hòa Bình	6636	28A-225.95	Hòa Bình
3837	28A-227.03	Hòa Bình	4537	28A-227.44	Hòa Bình	5237	28A-226.55	Hòa Bình	5937	28A-227.26	Hòa Bình	6637	28A-226.02	Hòa Bình
3838	28A-227.05	Hòa Bình	4538	28A-227.72	Hòa Bình	5238	28A-226.57	Hòa Bình	5938	28A-227.30	Hòa Bình	6638	28A-226.18	Hòa Bình
3839	28A-227.06	Hòa Bình	4539	28A-227.73	Hòa Bình	5239	28A-226.70	Hòa Bình	5939	28A-227.48	Hòa Bình	6639	28A-226.35	Hòa Bình
3840	28A-227.09	Hòa Bình	4540	28A-227.79	Hòa Bình	5240	28A-226.76	Hòa Bình	5940	28A-227.51	Hòa Bình	6640	28A-226.45	Hòa Bình
3841	28A-227.25	Hòa Bình	4541	28A-227.83	Hòa Bình	5241	28A-226.89	Hòa Bình	5941	28A-227.61	Hòa Bình	6641	28A-226.48	Hòa Bình

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3842	28A-227.31	Hòa Bình	4542	28A-227.91	Hòa Bình	5242	28A-227.02	Hòa Bình	5942	28A-227.68	Hòa Bình	6642	28A-226.53	Hòa Bình
3843	28A-227.33	Hòa Bình	4543	29K-140.53	Hà Nội	5243	28A-227.16	Hòa Bình	5943	28A-227.71	Hòa Bình	6643	28A-226.62	Hòa Bình
3844	28A-227.38	Hòa Bình	4544	29K-140.56	Hà Nội	5244	28A-227.24	Hòa Bình	5944	28A-227.87	Hòa Bình	6644	28A-226.69	Hòa Bình
3845	28A-227.42	Hòa Bình	4545	29K-140.95	Hà Nội	5245	28A-227.32	Hòa Bình	5945	28A-227.88	Hòa Bình	6645	28A-226.71	Hòa Bình
3846	28A-227.52	Hòa Bình	4546	29K-141.07	Hà Nội	5246	28A-227.41	Hòa Bình	5946	28A-227.97	Hòa Bình	6646	28A-226.73	Hòa Bình
3847	28A-227.63	Hòa Bình	4547	29K-141.11	Hà Nội	5247	28A-227.49	Hòa Bình	5947	28A-227.98	Hòa Bình	6647	28A-226.85	Hòa Bình
3848	28A-227.66	Hòa Bình	4548	29K-141.14	Hà Nội	5248	28A-227.75	Hòa Bình	5948	28A-228.00	Hòa Bình	6648	28A-227.14	Hòa Bình
3849	28A-227.74	Hòa Bình	4549	29K-141.21	Hà Nội	5249	28A-227.76	Hòa Bình	5949	28A-228.01	Hòa Bình	6649	28A-227.19	Hòa Bình
3850	28A-227.96	Hòa Bình	4550	29K-141.30	Hà Nội	5250	28A-227.93	Hòa Bình	5950	28A-228.02	Hòa Bình	6650	28A-227.27	Hòa Bình
3851	29K-140.59	Hà Nội	4551	29K-141.42	Hà Nội	5251	29K-140.51	Hà Nội	5951	29K-140.57	Hà Nội	6651	28A-227.29	Hòa Bình
3852	29K-140.81	Hà Nội	4552	29K-141.48	Hà Nội	5252	29K-140.54	Hà Nội	5952	29K-140.61	Hà Nội	6652	28A-227.43	Hòa Bình
3853	29K-140.83	Hà Nội	4553	29K-141.55	Hà Nội	5253	29K-140.55	Hà Nội	5953	29K-140.64	Hà Nội	6653	28A-227.53	Hòa Bình
3854	29K-140.89	Hà Nội	4554	29K-141.56	Hà Nội	5254	29K-140.62	Hà Nội	5954	29K-140.67	Hà Nội	6654	28A-227.58	Hòa Bình
3855	29K-140.92	Hà Nội	4555	29K-141.67	Hà Nội	5255	29K-140.65	Hà Nội	5955	29K-140.74	Hà Nội	6655	28A-227.62	Hòa Bình
3856	29K-141.25	Hà Nội	4556	29K-141.81	Hà Nội	5256	29K-140.72	Hà Nội	5956	29K-140.79	Hà Nội	6656	28A-227.84	Hòa Bình
3857	29K-141.28	Hà Nội	4557	29K-141.84	Hà Nội	5257	29K-140.73	Hà Nội	5957	29K-140.84	Hà Nội	6657	28A-227.90	Hòa Bình
3858	29K-141.45	Hà Nội	4558	29K-141.89	Hà Nội	5258	29K-140.82	Hà Nội	5958	29K-141.10	Hà Nội	6658	28A-227.92	Hòa Bình
3859	29K-141.62	Hà Nội	4559	29K-141.90	Hà Nội	5259	29K-140.85	Hà Nội	5959	29K-141.12	Hà Nội	6659	29K-140.58	Hà Nội
3860	29K-141.68	Hà Nội	4560	29K-142.29	Hà Nội	5260	29K-141.04	Hà Nội	5960	29K-141.41	Hà Nội	6660	29K-140.87	Hà Nội
3861	29K-142.03	Hà Nội	4561	29K-142.31	Hà Nội	5261	29K-141.17	Hà Nội	5961	29K-141.51	Hà Nội	6661	29K-140.93	Hà Nội
3862	29K-142.23	Hà Nội	4562	29K-142.36	Hà Nội	5262	29K-141.24	Hà Nội	5962	29K-141.57	Hà Nội	6662	29K-140.96	Hà Nội
3863	29K-142.34	Hà Nội	4563	29K-142.53	Hà Nội	5263	29K-141.32	Hà Nội	5963	29K-141.58	Hà Nội	6663	29K-140.97	Hà Nội
3864	29K-142.37	Hà Nội	4564	29K-142.63	Hà Nội	5264	29K-141.38	Hà Nội	5964	29K-141.73	Hà Nội	6664	29K-141.02	Hà Nội
3865	29K-142.40	Hà Nội	4565	29K-142.65	Hà Nội	5265	29K-141.39	Hà Nội	5965	29K-142.00	Hà Nội	6665	29K-141.09	Hà Nội
3866	29K-142.42	Hà Nội	4566	29K-142.80	Hà Nội	5266	29K-141.52	Hà Nội	5966	29K-142.15	Hà Nội	6666	29K-141.47	Hà Nội
3867	29K-142.48	Hà Nội	4567	29K-142.97	Hà Nội	5267	29K-141.74	Hà Nội	5967	29K-142.21	Hà Nội	6667	29K-141.49	Hà Nội
3868	29K-142.57	Hà Nội	4568	29K-143.32	Hà Nội	5268	29K-141.79	Hà Nội	5968	29K-142.41	Hà Nội	6668	29K-141.50	Hà Nội
3869	29K-142.87	Hà Nội	4569	29K-143.38	Hà Nội	5269	29K-141.88	Hà Nội	5969	29K-142.75	Hà Nội	6669	29K-141.64	Hà Nội
3870	29K-142.88	Hà Nội	4570	34A-756.16	Hải Dương	5270	29K-141.94	Hà Nội	5970	29K-142.89	Hà Nội	6670	29K-141.65	Hà Nội
3871	29K-142.93	Hà Nội	4571	34A-756.27	Hải Dương	5271	29K-141.99	Hà Nội	5971	29K-143.26	Hà Nội	6671	29K-141.66	Hà Nội
3872	29K-143.01	Hà Nội	4572	34A-756.37	Hải Dương	5272	29K-142.04	Hà Nội	5972	34A-756.18	Hải Dương	6672	29K-141.70	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3873	29K-143.09	Hà Nội	4573	34A-756.43	Hải Dương	5273	29K-142.13	Hà Nội	5973	34A-756.19	Hải Dương	6673	29K-141.83	Hà Nội
3874	29K-143.21	Hà Nội	4574	34A-756.57	Hải Dương	5274	29K-142.14	Hà Nội	5974	34A-756.39	Hải Dương	6674	29K-141.96	Hà Nội
3875	29K-143.33	Hà Nội	4575	34A-756.59	Hải Dương	5275	29K-142.28	Hà Nội	5975	34A-756.46	Hải Dương	6675	29K-141.98	Hà Nội
3876	29K-143.34	Hà Nội	4576	34A-756.61	Hải Dương	5276	29K-142.38	Hà Nội	5976	34A-756.48	Hải Dương	6676	29K-142.06	Hà Nội
3877	34A-756.31	Hải Dương	4577	34C-389.45	Hải Dương	5277	29K-142.50	Hà Nội	5977	34A-756.60	Hải Dương	6677	29K-142.12	Hà Nội
3878	34A-756.41	Hải Dương	4578	34C-389.48	Hải Dương	5278	29K-142.64	Hà Nội	5978	34C-389.44	Hải Dương	6678	29K-142.17	Hà Nội
3879	34A-756.44	Hải Dương	4579	34C-389.56	Hải Dương	5279	29K-142.68	Hà Nội	5979	34C-389.61	Hải Dương	6679	29K-142.19	Hà Nội
3880	34A-756.47	Hải Dương	4580	34C-389.66	Hải Dương	5280	29K-142.69	Hà Nội	5980	34C-389.70	Hải Dương	6680	29K-142.22	Hà Nội
3881	34A-756.51	Hải Dương	4581	36C-456.23	Thanh Hóa	5281	29K-142.79	Hà Nội	5981	34C-389.79	Hải Dương	6681	29K-142.25	Hà Nội
3882	34A-756.55	Hải Dương	4582	36C-456.30	Thanh Hóa	5282	29K-142.81	Hà Nội	5982	34C-389.80	Hải Dương	6682	29K-142.45	Hà Nội
3883	34C-389.42	Hải Dương	4583	36C-456.31	Thanh Hóa	5283	29K-142.92	Hà Nội	5983	36C-456.19	Thanh Hóa	6683	29K-142.62	Hà Nội
3884	34C-389.50	Hải Dương	4584	36C-456.41	Thanh Hóa	5284	29K-143.14	Hà Nội	5984	36C-456.22	Thanh Hóa	6684	29K-142.76	Hà Nội
3885	34C-389.58	Hải Dương	4585	36C-456.44	Thanh Hóa	5285	29K-143.17	Hà Nội	5985	36C-456.38	Thanh Hóa	6685	29K-142.84	Hà Nội
3886	34C-389.69	Hải Dương	4586	36C-456.51	Thanh Hóa	5286	29K-143.27	Hà Nội	5986	36C-456.45	Thanh Hóa	6686	29K-143.00	Hà Nội
3887	34C-389.73	Hải Dương	4587	36C-456.52	Thanh Hóa	5287	29K-143.30	Hà Nội	5987	36C-456.46	Thanh Hóa	6687	29K-143.07	Hà Nội
3888	34C-389.78	Hải Dương	4588	36C-456.56	Thanh Hóa	5288	34A-756.20	Hải Dương	5988	36K-029.62	Thanh Hóa	6688	29K-143.11	Hà Nội
3889	34C-389.88	Hải Dương	4589	36C-456.59	Thanh Hóa	5289	34A-756.35	Hải Dương	5989	36K-029.67	Thanh Hóa	6689	29K-143.18	Hà Nội
3890	36C-456.29	Thanh Hóa	4590	36C-456.68	Thanh Hóa	5290	34A-756.58	Hải Dương	5990	36K-029.72	Thanh Hóa	6690	29K-143.35	Hà Nội
3891	36C-456.37	Thanh Hóa	4591	36K-029.88	Thanh Hóa	5291	34C-389.52	Hải Dương	5991	36K-029.78	Thanh Hóa	6691	34A-756.26	Hải Dương
3892	36C-456.50	Thanh Hóa	4592	36K-029.95	Thanh Hóa	5292	34C-389.68	Hải Dương	5992	36K-029.80	Thanh Hóa	6692	34A-756.28	Hải Dương
3893	36C-456.66	Thanh Hóa	4593	36K-030.05	Thanh Hóa	5293	34C-389.71	Hải Dương	5993	36K-029.82	Thanh Hóa	6693	34A-756.52	Hải Dương
3894	36K-029.64	Thanh Hóa	4594	36K-030.06	Thanh Hóa	5294	34C-389.72	Hải Dương	5994	36K-029.92	Thanh Hóa	6694	34A-756.63	Hải Dương
3895	36K-029.87	Thanh Hóa	4595	36K-030.07	Thanh Hóa	5295	34C-389.81	Hải Dương	5995	36K-030.01	Thanh Hóa	6695	34C-389.49	Hải Dương
3896	36K-029.91	Thanh Hóa	4596	36K-030.12	Thanh Hóa	5296	34C-389.84	Hải Dương	5996	36K-030.02	Thanh Hóa	6696	34C-389.54	Hải Dương
3897	36K-029.97	Thanh Hóa	4597	36K-030.13	Thanh Hóa	5297	36C-456.25	Thanh Hóa	5997	36K-030.11	Thanh Hóa	6697	34C-389.60	Hải Dương
3898	36K-030.04	Thanh Hóa	4598	36K-030.24	Thanh Hóa	5298	36C-456.36	Thanh Hóa	5998	36K-030.15	Thanh Hóa	6698	34C-389.67	Hải Dương
3899	36K-030.31	Thanh Hóa	4599	36K-030.29	Thanh Hóa	5299	36C-456.48	Thanh Hóa	5999	36K-030.17	Thanh Hóa	6699	36C-456.33	Thanh Hóa
3900	36K-030.40	Thanh Hóa	4600	36K-030.45	Thanh Hóa	5300	36C-456.67	Thanh Hóa	6000	36K-030.21	Thanh Hóa	6700	36C-456.40	Thanh Hóa
3901	36K-030.46	Thanh Hóa	4601	36K-030.48	Thanh Hóa	5301	36K-029.69	Thanh Hóa	6001	36K-030.42	Thanh Hóa	6701	36C-456.43	Thanh Hóa
3902	36K-030.55	Thanh Hóa	4602	36K-030.50	Thanh Hóa	5302	36K-029.75	Thanh Hóa	6002	36K-030.49	Thanh Hóa	6702	36C-456.60	Thanh Hóa
3903	36K-030.72	Thanh Hóa	4603	36K-030.71	Thanh Hóa	5303	36K-029.79	Thanh Hóa	6003	36K-030.53	Thanh Hóa	6703	36K-029.63	Thanh Hóa

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3904	36K-030.75	Thanh Hóa	4604	36K-031.00	Thanh Hóa	5304	36K-030.09	Thanh Hóa	6004	36K-030.60	Thanh Hóa	6704	36K-029.77	Thanh Hóa
3905	36K-030.79	Thanh Hóa	4605	36K-031.06	Thanh Hóa	5305	36K-030.10	Thanh Hóa	6005	36K-030.63	Thanh Hóa	6705	36K-029.85	Thanh Hóa
3906	36K-030.98	Thanh Hóa	4606	36K-031.13	Thanh Hóa	5306	36K-030.37	Thanh Hóa	6006	36K-030.70	Thanh Hóa	6706	36K-029.94	Thanh Hóa
3907	36K-031.24	Thanh Hóa	4607	36K-031.17	Thanh Hóa	5307	36K-030.41	Thanh Hóa	6007	36K-030.73	Thanh Hóa	6707	36K-030.03	Thanh Hóa
3908	36K-031.40	Thanh Hóa	4608	36K-031.18	Thanh Hóa	5308	36K-030.59	Thanh Hóa	6008	36K-030.90	Thanh Hóa	6708	36K-030.18	Thanh Hóa
3909	37C-503.33	Nghệ An	4609	36K-031.22	Thanh Hóa	5309	36K-030.67	Thanh Hóa	6009	36K-031.19	Thanh Hóa	6709	36K-030.22	Thanh Hóa
3910	37C-503.41	Nghệ An	4610	36K-031.47	Thanh Hóa	5310	36K-030.89	Thanh Hóa	6010	36K-031.32	Thanh Hóa	6710	36K-030.23	Thanh Hóa
3911	37C-503.49	Nghệ An	4611	36K-031.60	Thanh Hóa	5311	36K-030.92	Thanh Hóa	6011	36K-031.45	Thanh Hóa	6711	36K-030.28	Thanh Hóa
3912	37C-503.57	Nghệ An	4612	37C-503.34	Nghệ An	5312	36K-031.12	Thanh Hóa	6012	36K-031.54	Thanh Hóa	6712	36K-031.02	Thanh Hóa
3913	37C-503.66	Nghệ An	4613	37C-503.35	Nghệ An	5313	36K-031.27	Thanh Hóa	6013	36K-031.55	Thanh Hóa	6713	36K-031.28	Thanh Hóa
3914	37K-274.25	Nghệ An	4614	37C-503.53	Nghệ An	5314	36K-031.33	Thanh Hóa	6014	37C-503.56	Nghệ An	6714	36K-031.31	Thanh Hóa
3915	37K-274.48	Nghệ An	4615	37C-503.60	Nghệ An	5315	36K-031.44	Thanh Hóa	6015	37K-274.17	Nghệ An	6715	36K-031.49	Thanh Hóa
3916	47A-660.68	Đắk Lắk	4616	37C-503.61	Nghệ An	5316	36K-031.48	Thanh Hóa	6016	37K-274.39	Nghệ An	6716	36K-031.53	Thanh Hóa
3917	47A-660.79	Đắk Lắk	4617	37C-503.67	Nghệ An	5317	37C-503.22	Nghệ An	6017	37K-274.53	Nghệ An	6717	36K-031.56	Thanh Hóa
3918	47A-661.07	Đắk Lắk	4618	37K-274.20	Nghệ An	5318	37C-503.24	Nghệ An	6018	47A-661.12	Đắk Lắk	6718	37C-503.30	Nghệ An
3919	47A-661.13	Đắk Lắk	4619	37K-274.30	Nghệ An	5319	37C-503.25	Nghệ An	6019	47A-661.20	Đắk Lắk	6719	37C-503.40	Nghệ An
3920	47A-661.30	Đắk Lắk	4620	37K-274.46	Nghệ An	5320	37C-503.28	Nghệ An	6020	47A-661.24	Đắk Lắk	6720	37C-503.44	Nghệ An
3921	47C-336.65	Đắk Lắk	4621	47A-661.27	Đắk Lắk	5321	37C-503.58	Nghệ An	6021	47A-661.25	Đắk Lắk	6721	37C-503.50	Nghệ An
3922	61B-040.62	Bình Dương	4622	47A-661.29	Đắk Lắk	5322	37C-503.59	Nghệ An	6022	47C-336.34	Đắk Lắk	6722	37C-503.63	Nghệ An
3923	61B-040.64	Bình Dương	4623	47A-661.33	Đắk Lắk	5323	37C-503.64	Nghệ An	6023	47C-336.35	Đắk Lắk	6723	37C-503.68	Nghệ An
3924	61B-040.74	Bình Dương	4624	47A-661.35	Đắk Lắk	5324	37C-503.65	Nghệ An	6024	47C-336.38	Đắk Lắk	6724	37K-274.24	Nghệ An
3925	61B-040.82	Bình Dương	4625	47C-336.36	Đắk Lắk	5325	37C-503.69	Nghệ An	6025	47C-336.54	Đắk Lắk	6725	37K-274.38	Nghệ An
3926	61B-040.84	Bình Dương	4626	47C-336.52	Đắk Lắk	5326	37K-274.31	Nghệ An	6026	47C-336.57	Đắk Lắk	6726	37K-274.50	Nghệ An
3927	61K-360.16	Bình Dương	4627	47C-336.69	Đắk Lắk	5327	37K-274.32	Nghệ An	6027	47C-336.67	Đắk Lắk	6727	37K-274.54	Nghệ An
3928	61K-360.22	Bình Dương	4628	47C-336.71	Đắk Lắk	5328	37K-274.34	Nghệ An	6028	47C-336.76	Đắk Lắk	6728	47A-660.69	Đắk Lắk
3929	61K-360.27	Bình Dương	4629	47C-336.81	Đắk Lắk	5329	37K-274.41	Nghệ An	6029	61B-040.65	Bình Dương	6729	47A-660.89	Đắk Lắk
3930	61K-360.43	Bình Dương	4630	47C-336.82	Đắk Lắk	5330	37K-274.52	Nghệ An	6030	61B-040.70	Bình Dương	6730	47A-660.99	Đắk Lắk
3931	61K-360.58	Bình Dương	4631	61B-040.86	Bình Dương	5331	47A-660.66	Đắk Lắk	6031	61K-360.04	Bình Dương	6731	47A-661.02	Đắk Lắk
3932	61K-360.64	Bình Dương	4632	61K-360.14	Bình Dương	5332	47A-660.86	Đắk Lắk	6032	61K-360.29	Bình Dương	6732	47A-661.16	Đắk Lắk
3933	61K-360.68	Bình Dương	4633	61K-360.26	Bình Dương	5333	47A-661.01	Đắk Lắk	6033	61K-360.37	Bình Dương	6733	47A-661.21	Đắk Lắk
3934	61K-360.83	Bình Dương	4634	61K-360.42	Bình Dương	5334	47A-661.08	Đắk Lắk	6034	61K-360.45	Bình Dương	6734	47A-661.28	Đắk Lắk

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3935	61K-360.94	Bình Dương	4635	61K-360.44	Bình Dương	5335	47A-661.32	Đắk Lắk	6035	61K-360.56	Bình Dương	6735	47A-661.38	Đắk Lắk
3936	61K-361.03	Bình Dương	4636	61K-360.51	Bình Dương	5336	47C-336.40	Đắk Lắk	6036	61K-360.57	Bình Dương	6736	47A-661.40	Đắk Lắk
3937	61K-361.13	Bình Dương	4637	61K-360.59	Bình Dương	5337	47C-336.41	Đắk Lắk	6037	61K-360.96	Bình Dương	6737	47C-336.45	Đắk Lắk
3938	61K-361.25	Bình Dương	4638	61K-360.61	Bình Dương	5338	47C-336.59	Đắk Lắk	6038	61K-361.08	Bình Dương	6738	47C-336.56	Đắk Lắk
3939	61K-361.32	Bình Dương	4639	61K-360.70	Bình Dương	5339	47C-336.68	Đắk Lắk	6039	61K-361.09	Bình Dương	6739	47C-336.61	Đắk Lắk
3940	61K-361.35	Bình Dương	4640	61K-360.80	Bình Dương	5340	47C-336.79	Đắk Lắk	6040	61K-361.15	Bình Dương	6740	47C-336.64	Đắk Lắk
3941	61K-361.38	Bình Dương	4641	61K-360.82	Bình Dương	5341	61B-040.75	Bình Dương	6041	61K-361.22	Bình Dương	6741	61B-040.67	Bình Dương
3942	61K-361.85	Bình Dương	4642	61K-360.84	Bình Dương	5342	61B-040.85	Bình Dương	6042	61K-361.27	Bình Dương	6742	61B-040.68	Bình Dương
3943	61K-361.87	Bình Dương	4643	61K-360.87	Bình Dương	5343	61K-360.05	Bình Dương	6043	61K-361.28	Bình Dương	6743	61B-040.69	Bình Dương
3944	61K-362.15	Bình Dương	4644	61K-361.04	Bình Dương	5344	61K-360.09	Bình Dương	6044	61K-361.56	Bình Dương	6744	61B-040.88	Bình Dương
3945	61K-362.52	Bình Dương	4645	61K-361.06	Bình Dương	5345	61K-360.24	Bình Dương	6045	61K-361.64	Bình Dương	6745	61K-360.11	Bình Dương
3946	62A-391.88	Long An	4646	61K-361.26	Bình Dương	5346	61K-360.46	Bình Dương	6046	61K-361.67	Bình Dương	6746	61K-360.19	Bình Dương
3947	62A-393.69	Long An	4647	61K-361.61	Bình Dương	5347	61K-360.54	Bình Dương	6047	61K-361.68	Bình Dương	6747	61K-360.36	Bình Dương
3948	62A-394.99	Long An	4648	61K-361.81	Bình Dương	5348	61K-360.63	Bình Dương	6048	61K-361.70	Bình Dương	6748	61K-360.47	Bình Dương
3949	62C-189.35	Long An	4649	61K-361.93	Bình Dương	5349	61K-360.71	Bình Dương	6049	61K-361.77	Bình Dương	6749	61K-360.76	Bình Dương
3950	62C-189.43	Long An	4650	61K-362.13	Bình Dương	5350	61K-360.74	Bình Dương	6050	61K-361.97	Bình Dương	6750	61K-360.88	Bình Dương
3951	62C-189.46	Long An	4651	61K-362.14	Bình Dương	5351	61K-360.90	Bình Dương	6051	61K-362.00	Bình Dương	6751	61K-360.91	Bình Dương
3952	62C-189.55	Long An	4652	61K-362.16	Bình Dương	5352	61K-360.93	Bình Dương	6052	61K-362.25	Bình Dương	6752	61K-360.99	Bình Dương
3953	62C-189.58	Long An	4653	61K-362.17	Bình Dương	5353	61K-360.97	Bình Dương	6053	61K-362.29	Bình Dương	6753	61K-361.10	Bình Dương
3954	62C-189.65	Long An	4654	61K-362.39	Bình Dương	5354	61K-361.01	Bình Dương	6054	61K-362.31	Bình Dương	6754	61K-361.12	Bình Dương
3955	62C-189.79	Long An	4655	61K-362.41	Bình Dương	5355	61K-361.16	Bình Dương	6055	61K-362.33	Bình Dương	6755	61K-361.17	Bình Dương
3956	68A-319.94	Kiên Giang	4656	61K-362.43	Bình Dương	5356	61K-361.20	Bình Dương	6056	61K-362.37	Bình Dương	6756	61K-361.23	Bình Dương
3957	68A-320.14	Kiên Giang	4657	61K-362.50	Bình Dương	5357	61K-361.39	Bình Dương	6057	61K-362.46	Bình Dương	6757	61K-361.24	Bình Dương
3958	68A-320.19	Kiên Giang	4658	62A-392.68	Long An	5358	61K-361.46	Bình Dương	6058	62A-391.86	Long An	6758	61K-361.37	Bình Dương
3959	68A-320.31	Kiên Giang	4659	62A-392.86	Long An	5359	61K-361.58	Bình Dương	6059	62A-392.66	Long An	6759	61K-361.45	Bình Dương
3960	68A-320.46	Kiên Giang	4660	62A-393.88	Long An	5360	61K-361.63	Bình Dương	6060	62A-395.66	Long An	6760	61K-361.55	Bình Dương
3961	68A-320.51	Kiên Giang	4661	62A-393.89	Long An	5361	61K-361.65	Bình Dương	6061	62A-395.86	Long An	6761	61K-361.78	Bình Dương
3962	68A-320.59	Kiên Giang	4662	62A-395.68	Long An	5362	61K-361.76	Bình Dương	6062	62C-189.33	Long An	6762	61K-361.83	Bình Dương
3963	68A-320.67	Kiên Giang	4663	62C-189.37	Long An	5363	61K-362.23	Bình Dương	6063	62C-189.42	Long An	6763	61K-361.88	Bình Dương
3964	68A-320.78	Kiên Giang	4664	62C-189.63	Long An	5364	61K-362.24	Bình Dương	6064	62C-189.52	Long An	6764	61K-361.89	Bình Dương
3965	68A-320.80	Kiên Giang	4665	62C-189.80	Long An	5365	61K-362.35	Bình Dương	6065	68A-320.05	Kiên Giang	6765	61K-362.03	Bình Dương

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3966	68A-320.84	Kiên Giang	4666	68A-320.04	Kiên Giang	5366	61K-362.36	Bình Dương	6066	68A-320.08	Kiên Giang	6766	61K-362.10	Bình Dương
3967	68A-320.90	Kiên Giang	4667	68A-320.10	Kiên Giang	5367	61K-362.53	Bình Dương	6067	68A-320.13	Kiên Giang	6767	61K-362.12	Bình Dương
3968	68A-320.92	Kiên Giang	4668	68A-320.36	Kiên Giang	5368	62A-395.69	Long An	6068	68A-320.23	Kiên Giang	6768	61K-362.18	Bình Dương
3969	68A-320.98	Kiên Giang	4669	68A-320.41	Kiên Giang	5369	62C-189.39	Long An	6069	68A-320.28	Kiên Giang	6769	61K-362.26	Bình Dương
3970	68A-321.01	Kiên Giang	4670	68A-320.64	Kiên Giang	5370	62C-189.41	Long An	6070	68A-320.37	Kiên Giang	6770	61K-362.28	Bình Dương
3971	68A-321.07	Kiên Giang	4671	68A-320.65	Kiên Giang	5371	62C-189.47	Long An	6071	68A-320.40	Kiên Giang	6771	61K-362.38	Bình Dương
3972	68A-321.18	Kiên Giang	4672	68A-320.73	Kiên Giang	5372	62C-189.56	Long An	6072	68A-320.45	Kiên Giang	6772	61K-362.40	Bình Dương
3973	68A-321.28	Kiên Giang	4673	68A-320.81	Kiên Giang	5373	62C-189.64	Long An	6073	68A-320.55	Kiên Giang	6773	61K-362.47	Bình Dương
3974	68A-321.29	Kiên Giang	4674	68A-320.87	Kiên Giang	5374	62C-189.69	Long An	6074	68A-320.56	Kiên Giang	6774	62A-390.89	Long An
3975	68A-321.31	Kiên Giang	4675	68A-320.95	Kiên Giang	5375	62C-189.70	Long An	6075	68A-320.75	Kiên Giang	6775	62A-390.99	Long An
3976	68A-321.48	Kiên Giang	4676	68A-321.00	Kiên Giang	5376	62C-189.74	Long An	6076	68A-320.85	Kiên Giang	6776	62A-391.69	Long An
3977	68A-321.61	Kiên Giang	4677	68A-321.12	Kiên Giang	5377	68A-319.89	Kiên Giang	6077	68A-321.20	Kiên Giang	6777	62A-392.89	Long An
3978	68A-321.64	Kiên Giang	4678	68A-321.14	Kiên Giang	5378	68A-320.06	Kiên Giang	6078	68A-321.30	Kiên Giang	6778	62A-393.66	Long An
3979	68A-321.77	Kiên Giang	4679	68A-321.19	Kiên Giang	5379	68A-320.09	Kiên Giang	6079	68A-321.65	Kiên Giang	6779	62A-394.86	Long An
3980	68A-321.78	Kiên Giang	4680	68A-321.21	Kiên Giang	5380	68A-320.42	Kiên Giang	6080	68A-321.67	Kiên Giang	6780	62C-189.34	Long An
3981	68A-321.79	Kiên Giang	4681	68A-321.36	Kiên Giang	5381	68A-320.88	Kiên Giang	6081	68A-321.68	Kiên Giang	6781	62C-189.38	Long An
3982	68A-321.83	Kiên Giang	4682	68A-321.38	Kiên Giang	5382	68A-321.08	Kiên Giang	6082	68A-321.72	Kiên Giang	6782	62C-189.44	Long An
3983	68A-321.85	Kiên Giang	4683	68A-321.50	Kiên Giang	5383	68A-321.13	Kiên Giang	6083	68A-321.74	Kiên Giang	6783	62C-189.54	Long An
3984	68A-321.97	Kiên Giang	4684	68A-321.54	Kiên Giang	5384	68A-321.22	Kiên Giang	6084	68A-321.76	Kiên Giang	6784	62C-189.62	Long An
3985	68A-322.00	Kiên Giang	4685	68A-321.63	Kiên Giang	5385	68A-321.23	Kiên Giang	6085	68A-321.84	Kiên Giang	6785	62C-189.71	Long An
3986	68A-322.35	Kiên Giang	4686	68A-321.88	Kiên Giang	5386	68A-321.25	Kiên Giang	6086	68A-321.86	Kiên Giang	6786	68A-319.90	Kiên Giang
3987	70A-515.81	Tây Ninh	4687	68A-321.96	Kiên Giang	5387	68A-321.32	Kiên Giang	6087	68A-321.93	Kiên Giang	6787	68A-320.07	Kiên Giang
3988	70A-515.83	Tây Ninh	4688	68A-322.05	Kiên Giang	5388	68A-321.49	Kiên Giang	6088	68A-321.98	Kiên Giang	6788	68A-320.12	Kiên Giang
3989	70A-515.93	Tây Ninh	4689	68A-322.06	Kiên Giang	5389	68A-321.51	Kiên Giang	6089	68A-322.12	Kiên Giang	6789	68A-320.34	Kiên Giang
3990	70A-516.00	Tây Ninh	4690	68A-322.10	Kiên Giang	5390	68A-321.73	Kiên Giang	6090	68A-322.23	Kiên Giang	6790	68A-320.38	Kiên Giang
3991	70A-516.03	Tây Ninh	4691	68A-322.11	Kiên Giang	5391	68A-321.82	Kiên Giang	6091	68A-322.31	Kiên Giang	6791	68A-320.43	Kiên Giang
3992	70A-516.04	Tây Ninh	4692	68A-322.13	Kiên Giang	5392	68A-321.92	Kiên Giang	6092	68A-322.38	Kiên Giang	6792	68A-320.69	Kiên Giang
3993	70A-516.13	Tây Ninh	4693	68A-322.17	Kiên Giang	5393	68A-321.99	Kiên Giang	6093	70A-515.82	Tây Ninh	6793	68A-320.77	Kiên Giang
3994	70A-516.26	Tây Ninh	4694	68A-322.27	Kiên Giang	5394	68A-322.02	Kiên Giang	6094	70A-515.95	Tây Ninh	6794	68A-320.93	Kiên Giang
3995	70A-516.58	Tây Ninh	4695	68A-322.37	Kiên Giang	5395	68A-322.04	Kiên Giang	6095	70A-515.96	Tây Ninh	6795	68A-321.26	Kiên Giang
3996	70A-516.59	Tây Ninh	4696	70A-515.78	Tây Ninh	5396	68A-322.15	Kiên Giang	6096	70A-516.09	Tây Ninh	6796	68A-321.27	Kiên Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3997	70A-516.69	Tây Ninh	4697	70A-515.84	Tây Ninh	5397	68A-322.16	Kiên Giang	6097	70A-516.16	Tây Ninh	6797	68A-321.39	Kiên Giang
3998	70A-516.74	Tây Ninh	4698	70A-515.86	Tây Ninh	5398	68A-322.34	Kiên Giang	6098	70A-516.21	Tây Ninh	6798	68A-321.44	Kiên Giang
3999	70A-516.75	Tây Ninh	4699	70A-515.87	Tây Ninh	5399	68A-322.36	Kiên Giang	6099	70A-516.38	Tây Ninh	6799	68A-321.56	Kiên Giang
4000	70A-516.76	Tây Ninh	4700	70A-515.90	Tây Ninh	5400	70A-515.75	Tây Ninh	6100	70A-516.60	Tây Ninh	6800	68A-321.57	Kiên Giang
4001	70A-516.80	Tây Ninh	4701	70A-515.91	Tây Ninh	5401	70A-515.80	Tây Ninh	6101	70A-516.72	Tây Ninh	6801	68A-321.70	Kiên Giang
4002	70A-516.81	Tây Ninh	4702	70A-515.98	Tây Ninh	5402	70A-515.89	Tây Ninh	6102	70A-516.73	Tây Ninh	6802	68A-322.29	Kiên Giang
4003	70A-516.83	Tây Ninh	4703	70A-516.06	Tây Ninh	5403	70A-515.92	Tây Ninh	6103	70A-516.92	Tây Ninh	6803	68A-322.32	Kiên Giang
4004	70A-516.88	Tây Ninh	4704	70A-516.11	Tây Ninh	5404	70A-516.07	Tây Ninh	6104	70A-516.93	Tây Ninh	6804	70A-515.76	Tây Ninh
4005	70A-516.94	Tây Ninh	4705	70A-516.27	Tây Ninh	5405	70A-516.14	Tây Ninh	6105	70A-516.98	Tây Ninh	6805	70A-515.88	Tây Ninh
4006	70A-516.97	Tây Ninh	4706	70A-516.36	Tây Ninh	5406	70A-516.17	Tây Ninh	6106	70A-517.26	Tây Ninh	6806	70A-515.99	Tây Ninh
4007	70A-517.01	Tây Ninh	4707	70A-516.55	Tây Ninh	5407	70A-516.28	Tây Ninh	6107	70A-517.36	Tây Ninh	6807	70A-516.08	Tây Ninh
4008	70A-517.02	Tây Ninh	4708	70A-516.67	Tây Ninh	5408	70A-516.29	Tây Ninh	6108	70A-517.39	Tây Ninh	6808	70A-516.18	Tây Ninh
4009	70A-517.06	Tây Ninh	4709	70A-516.70	Tây Ninh	5409	70A-516.35	Tây Ninh	6109	70A-517.53	Tây Ninh	6809	70A-516.42	Tây Ninh
4010	70A-517.13	Tây Ninh	4710	70A-516.82	Tây Ninh	5410	70A-516.53	Tây Ninh	6110	70A-517.58	Tây Ninh	6810	70A-516.48	Tây Ninh
4011	70A-517.15	Tây Ninh	4711	70A-516.85	Tây Ninh	5411	70A-516.91	Tây Ninh	6111	70A-517.63	Tây Ninh	6811	70A-516.56	Tây Ninh
4012	70A-517.18	Tây Ninh	4712	70A-516.99	Tây Ninh	5412	70A-517.08	Tây Ninh	6112	70A-517.70	Tây Ninh	6812	70A-516.64	Tây Ninh
4013	70A-517.19	Tây Ninh	4713	70A-517.09	Tây Ninh	5413	70A-517.17	Tây Ninh	6113	70A-517.72	Tây Ninh	6813	70A-516.84	Tây Ninh
4014	70A-517.28	Tây Ninh	4714	70A-517.11	Tây Ninh	5414	70A-517.21	Tây Ninh	6114	70A-517.74	Tây Ninh	6814	70A-517.37	Tây Ninh
4015	70A-517.43	Tây Ninh	4715	70A-517.27	Tây Ninh	5415	70A-517.25	Tây Ninh	6115	70A-517.80	Tây Ninh	6815	70A-517.42	Tây Ninh
4016	70A-517.49	Tây Ninh	4716	70A-517.32	Tây Ninh	5416	70A-517.34	Tây Ninh	6116	70A-517.86	Tây Ninh	6816	70A-517.50	Tây Ninh
4017	70A-517.64	Tây Ninh	4717	70A-517.62	Tây Ninh	5417	70A-517.35	Tây Ninh	6117	70A-517.97	Tây Ninh	6817	70A-517.59	Tây Ninh
4018	70A-517.82	Tây Ninh	4718	70A-517.71	Tây Ninh	5418	70A-517.54	Tây Ninh	6118	70A-518.50	Tây Ninh	6818	70A-517.66	Tây Ninh
4019	70A-517.83	Tây Ninh	4719	70A-517.75	Tây Ninh	5419	70A-517.55	Tây Ninh	6119	70A-518.64	Tây Ninh	6819	70A-517.67	Tây Ninh
4020	70A-517.95	Tây Ninh	4720	70A-517.99	Tây Ninh	5420	70A-517.60	Tây Ninh	6120	70A-518.71	Tây Ninh	6820	70A-517.87	Tây Ninh
4021	70A-518.06	Tây Ninh	4721	70A-518.09	Tây Ninh	5421	70A-517.61	Tây Ninh	6121	70A-518.74	Tây Ninh	6821	70A-517.92	Tây Ninh
4022	70A-518.26	Tây Ninh	4722	70A-518.20	Tây Ninh	5422	70A-517.65	Tây Ninh	6122	70A-518.84	Tây Ninh	6822	70A-518.02	Tây Ninh
4023	70A-518.30	Tây Ninh	4723	70A-518.32	Tây Ninh	5423	70A-517.77	Tây Ninh	6123	70A-518.94	Tây Ninh	6823	70A-518.12	Tây Ninh
4024	70A-518.35	Tây Ninh	4724	70A-518.36	Tây Ninh	5424	70A-518.04	Tây Ninh	6124	70A-519.03	Tây Ninh	6824	70A-518.21	Tây Ninh
4025	70A-518.37	Tây Ninh	4725	70A-518.39	Tây Ninh	5425	70A-518.08	Tây Ninh	6125	70A-519.17	Tây Ninh	6825	70A-518.29	Tây Ninh
4026	70A-518.43	Tây Ninh	4726	70A-518.48	Tây Ninh	5426	70A-518.28	Tây Ninh	6126	70A-519.24	Tây Ninh	6826	70A-518.33	Tây Ninh
4027	70A-518.49	Tây Ninh	4727	70A-518.70	Tây Ninh	5427	70A-518.31	Tây Ninh	6127	70A-519.28	Tây Ninh	6827	70A-518.40	Tây Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4028	70A-518.65	Tây Ninh	4728	70A-518.81	Tây Ninh	5428	70A-518.58	Tây Ninh	6128	70A-519.30	Tây Ninh	6828	70A-518.63	Tây Ninh
4029	70A-519.12	Tây Ninh	4729	70A-518.93	Tây Ninh	5429	70A-518.62	Tây Ninh	6129	70A-519.57	Tây Ninh	6829	70A-518.75	Tây Ninh
4030	70A-519.21	Tây Ninh	4730	70A-518.97	Tây Ninh	5430	70A-518.85	Tây Ninh	6130	70A-519.58	Tây Ninh	6830	70A-518.77	Tây Ninh
4031	70A-519.42	Tây Ninh	4731	70A-519.00	Tây Ninh	5431	70A-519.08	Tây Ninh	6131	70A-519.64	Tây Ninh	6831	70A-518.83	Tây Ninh
4032	70A-519.46	Tây Ninh	4732	70A-519.02	Tây Ninh	5432	70A-519.09	Tây Ninh	6132	70A-519.68	Tây Ninh	6832	70A-519.05	Tây Ninh
4033	70A-519.49	Tây Ninh	4733	70A-519.43	Tây Ninh	5433	70A-519.27	Tây Ninh	6133	70A-519.86	Tây Ninh	6833	70A-519.07	Tây Ninh
4034	70A-519.50	Tây Ninh	4734	70A-519.47	Tây Ninh	5434	70A-519.36	Tây Ninh	6134	70A-520.01	Tây Ninh	6834	70A-519.16	Tây Ninh
4035	70A-519.54	Tây Ninh	4735	70A-519.53	Tây Ninh	5435	70A-519.37	Tây Ninh	6135	70A-520.07	Tây Ninh	6835	70A-519.51	Tây Ninh
4036	70A-519.67	Tây Ninh	4736	70A-519.69	Tây Ninh	5436	70A-519.39	Tây Ninh	6136	70A-520.27	Tây Ninh	6836	70A-519.55	Tây Ninh
4037	70A-519.91	Tây Ninh	4737	70A-519.73	Tây Ninh	5437	70A-519.60	Tây Ninh	6137	70A-520.31	Tây Ninh	6837	70A-519.62	Tây Ninh
4038	70A-519.94	Tây Ninh	4738	70A-519.81	Tây Ninh	5438	70A-519.75	Tây Ninh	6138	70A-520.33	Tây Ninh	6838	70A-519.66	Tây Ninh
4039	70A-520.08	Tây Ninh	4739	70A-519.84	Tây Ninh	5439	70A-519.77	Tây Ninh	6139	70A-520.34	Tây Ninh	6839	70A-519.74	Tây Ninh
4040	70A-520.28	Tây Ninh	4740	70A-519.88	Tây Ninh	5440	70A-519.97	Tây Ninh	6140	70A-520.39	Tây Ninh	6840	70A-520.05	Tây Ninh
4041	70A-520.36	Tây Ninh	4741	70A-520.15	Tây Ninh	5441	70A-520.04	Tây Ninh	6141	70A-520.40	Tây Ninh	6841	70A-520.06	Tây Ninh
4042	70A-520.47	Tây Ninh	4742	70A-520.25	Tây Ninh	5442	70A-520.11	Tây Ninh	6142	70A-520.72	Tây Ninh	6842	70A-520.09	Tây Ninh
4043	70A-520.56	Tây Ninh	4743	70A-520.29	Tây Ninh	5443	70A-520.42	Tây Ninh	6143	72A-748.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	6843	70A-520.14	Tây Ninh
4044	70A-520.58	Tây Ninh	4744	70A-520.32	Tây Ninh	5444	70A-520.66	Tây Ninh	6144	72A-748.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	6844	70A-520.23	Tây Ninh
4045	70A-520.59	Tây Ninh	4745	70A-520.51	Tây Ninh	5445	72A-748.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	6145	72A-748.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6845	70A-520.63	Tây Ninh
4046	70A-520.60	Tây Ninh	4746	70A-520.54	Tây Ninh	5446	72A-748.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	6146	72A-748.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	6846	70A-520.69	Tây Ninh
4047	72A-748.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	4747	70A-520.61	Tây Ninh	5447	72A-748.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	6147	72A-748.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	6847	72A-748.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
4048	72A-748.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4748	70A-520.71	Tây Ninh	5448	72A-748.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	6148	72A-748.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	6848	72A-748.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
4049	72A-748.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4749	72A-748.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	5449	72A-748.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	6149	72A-748.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	6849	72A-748.46	Bà Rịa - Vũng Tàu
4050	72A-748.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	4750	72A-748.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	5450	72A-748.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	6150	72A-748.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	6850	72A-748.49	Bà Rịa - Vũng Tàu
4051	72A-748.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4751	72A-748.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	5451	72A-748.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	6151	72A-749.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	6851	72A-748.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
4052	72A-748.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	4752	72A-748.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5452	72A-748.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	6152	72A-749.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	6852	72A-748.62	Bà Rịa - Vũng Tàu
4053	72A-748.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	4753	72A-748.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	5453	72A-748.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	6153	72A-749.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	6853	72A-749.05	Bà Rịa - Vũng Tàu
4054	72A-748.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	4754	72A-748.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	5454	72A-748.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	6154	72A-749.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	6854	72A-749.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
4055	72A-748.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	4755	72A-748.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5455	72A-749.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	6155	72A-749.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	6855	72A-749.31	Bà Rịa - Vũng Tàu
4056	72A-748.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4756	72A-748.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	5456	72A-749.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	6156	72A-749.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	6856	72A-749.32	Bà Rịa - Vũng Tàu
4057	72A-748.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	4757	72A-748.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5457	72A-749.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	6157	72A-749.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	6857	72A-749.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
4058	72A-749.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	4758	72A-748.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5458	72A-749.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6158	72B-041.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	6858	72A-749.45	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4059	72A-749.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	4759	72A-749.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5459	72A-749.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6159	72C-221.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	6859	72A-749.46	Bà Rịa - Vũng Tàu
4060	72A-749.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4760	72A-749.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	5460	72B-041.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	6160	72C-221.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	6860	72A-749.51	Bà Rịa - Vũng Tàu
4061	72A-749.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4761	72A-749.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	5461	72B-041.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	6161	72C-221.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	6861	72A-749.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
4062	72A-749.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	4762	72A-749.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	5462	72B-041.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6162	72C-221.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6862	72A-749.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
4063	72A-749.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4763	72A-749.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	5463	72B-041.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	6163	72C-221.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	6863	72A-749.64	Bà Rịa - Vũng Tàu
4064	72A-749.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	4764	72A-749.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	5464	72C-221.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	6164	72C-221.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	6864	72A-749.72	Bà Rịa - Vũng Tàu
4065	72A-749.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	4765	72A-749.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	5465	72C-221.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	6165	72C-221.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	6865	72A-749.80	Bà Rịa - Vũng Tàu
4066	72A-749.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	4766	72A-749.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	5466	72C-221.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	6166	72C-221.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	6866	72A-749.81	Bà Rịa - Vũng Tàu
4067	72A-749.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	4767	72A-749.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5467	72C-221.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	6167	72C-221.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	6867	72A-749.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
4068	72B-041.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	4768	72A-749.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5468	72C-221.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6168	72C-221.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6868	72A-749.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
4069	72B-041.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4769	72A-749.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	5469	72C-221.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	6169	72C-221.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	6869	72A-749.91	Bà Rịa - Vũng Tàu
4070	72B-041.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	4770	72B-041.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	5470	72C-221.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6170	72C-221.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	6870	72A-749.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
4071	72C-221.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4771	72B-041.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	5471	72C-221.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	6171	72D-006.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6871	72C-221.01	Bà Rịa - Vũng Tàu
4072	72C-221.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4772	72B-041.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	5472	72C-221.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	6172	72D-006.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	6872	72C-221.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
4073	72C-221.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4773	72C-221.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	5473	72C-221.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	6173	72D-006.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	6873	72C-221.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
4074	72C-221.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	4774	72C-221.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	5474	72C-221.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	6174	72D-006.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	6874	72C-221.24	Bà Rịa - Vũng Tàu
4075	72C-221.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	4775	72C-221.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	5475	72C-221.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	6175	72D-006.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6875	72C-221.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
4076	72C-221.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	4776	72C-221.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	5476	72C-221.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	6176	73A-325.89	Quảng Bình	6876	72C-221.51	Bà Rịa - Vũng Tàu
4077	72C-221.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	4777	72C-221.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	5477	72D-006.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	6177	73A-325.93	Quảng Bình	6877	72C-221.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
4078	72C-221.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	4778	72C-221.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	5478	73A-325.67	Quảng Bình	6178	73A-326.09	Quảng Bình	6878	72D-006.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
4079	72C-221.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	4779	72C-221.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	5479	73A-325.76	Quảng Bình	6179	73C-172.44	Quảng Bình	6879	72D-006.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
4080	72C-221.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	4780	72C-221.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	5480	73A-325.90	Quảng Bình	6180	73C-172.56	Quảng Bình	6880	72D-006.92	Bà Rịa - Vũng Tàu
4081	72C-221.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	4781	72C-221.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5481	73A-325.96	Quảng Bình	6181	73C-172.62	Quảng Bình	6881	72D-006.97	Bà Rịa - Vũng Tàu
4082	72D-006.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4782	72C-221.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	5482	73A-326.00	Quảng Bình	6182	75A-349.79	Thừa Thiên Huế	6882	73A-325.66	Quảng Bình
4083	72D-006.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	4783	72D-006.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	5483	73A-326.04	Quảng Bình	6183	75A-349.86	Thừa Thiên Huế	6883	73A-326.01	Quảng Bình
4084	72D-006.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4784	73A-325.71	Quảng Bình	5484	73C-172.31	Quảng Bình	6184	75A-349.91	Thừa Thiên Huế	6884	73C-172.36	Quảng Bình
4085	72D-007.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4785	73A-325.73	Quảng Bình	5485	73C-172.43	Quảng Bình	6185	75A-350.07	Thừa Thiên Huế	6885	73C-172.42	Quảng Bình
4086	73A-325.69	Quảng Bình	4786	73A-325.99	Quảng Bình	5486	73C-172.66	Quảng Bình	6186	75C-148.96	Thừa Thiên Huế	6886	73C-172.58	Quảng Bình
4087	73A-325.70	Quảng Bình	4787	73C-172.34	Quảng Bình	5487	75A-349.93	Thừa Thiên Huế	6187	75C-149.10	Thừa Thiên Huế	6887	73C-172.60	Quảng Bình
4088	73A-325.82	Quảng Bình	4788	73C-172.38	Quảng Bình	5488	75A-350.03	Thừa Thiên Huế	6188	75C-149.11	Thừa Thiên Huế	6888	73C-172.69	Quảng Bình
4089	73A-326.08	Quảng Bình	4789	73C-172.39	Quảng Bình	5489	75A-350.05	Thừa Thiên Huế	6189	75C-149.18	Thừa Thiên Huế	6889	73C-172.78	Quảng Bình

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4090	73A-326.10	Quảng Bình	4790	73C-172.53	Quảng Bình	5490	75A-350.06	Thừa Thiên Huế	6190	75C-149.23	Thừa Thiên Huế	6890	75A-349.83	Thừa Thiên Huế
4091	73C-172.41	Quảng Bình	4791	73C-172.64	Quảng Bình	5491	75A-350.23	Thừa Thiên Huế	6191	75C-149.25	Thừa Thiên Huế	6891	75A-349.89	Thừa Thiên Huế
4092	73C-172.45	Quảng Bình	4792	73C-172.65	Quảng Bình	5492	75C-148.94	Thừa Thiên Huế	6192	75C-149.26	Thừa Thiên Huế	6892	75A-349.96	Thừa Thiên Huế
4093	73C-172.50	Quảng Bình	4793	73C-172.68	Quảng Bình	5493	75C-149.13	Thừa Thiên Huế	6193	79A-503.11	Khánh Hòa	6893	75A-350.19	Thừa Thiên Huế
4094	73C-172.72	Quảng Bình	4794	75A-349.80	Thừa Thiên Huế	5494	75C-149.21	Thừa Thiên Huế	6194	79A-503.12	Khánh Hòa	6894	75C-148.89	Thừa Thiên Huế
4095	75A-349.76	Thừa Thiên Huế	4795	75A-350.20	Thừa Thiên Huế	5495	75C-149.24	Thừa Thiên Huế	6195	79C-210.62	Khánh Hòa	6895	75C-148.92	Thừa Thiên Huế
4096	75A-349.90	Thừa Thiên Huế	4796	75A-350.24	Thừa Thiên Huế	5496	79A-502.75	Khánh Hòa	6196	79C-210.66	Khánh Hòa	6896	75C-149.08	Thừa Thiên Huế
4097	75A-350.11	Thừa Thiên Huế	4797	75C-148.91	Thừa Thiên Huế	5497	79A-502.86	Khánh Hòa	6197	79C-210.76	Khánh Hòa	6897	75C-149.27	Thừa Thiên Huế
4098	75A-350.14	Thừa Thiên Huế	4798	75C-148.97	Thừa Thiên Huế	5498	79A-502.98	Khánh Hòa	6198	79C-210.80	Khánh Hòa	6898	79C-210.71	Khánh Hòa
4099	75A-350.16	Thừa Thiên Huế	4799	75C-148.98	Thừa Thiên Huế	5499	79A-503.02	Khánh Hòa	6199	79C-210.84	Khánh Hòa	6899	79C-210.72	Khánh Hòa
4100	75A-350.21	Thừa Thiên Huế	4800	75C-149.15	Thừa Thiên Huế	5500	79A-503.07	Khánh Hòa	6200	79C-210.86	Khánh Hòa	6900	79C-210.90	Khánh Hòa
4101	75C-148.93	Thừa Thiên Huế	4801	79A-502.72	Khánh Hòa	5501	79A-503.10	Khánh Hòa	6201	79C-210.92	Khánh Hòa	6901	79C-211.05	Khánh Hòa
4102	75C-148.99	Thừa Thiên Huế	4802	79A-502.84	Khánh Hòa	5502	79A-503.14	Khánh Hòa	6202	79C-210.93	Khánh Hòa	6902	79C-211.07	Khánh Hòa
4103	75C-149.05	Thừa Thiên Huế	4803	79A-502.92	Khánh Hòa	5503	79C-210.75	Khánh Hòa	6203	79C-210.95	Khánh Hòa	6903	81A-388.25	Gia Lai
4104	75C-149.09	Thừa Thiên Huế	4804	79A-503.04	Khánh Hòa	5504	79C-210.94	Khánh Hòa	6204	79C-211.02	Khánh Hòa	6904	81A-388.28	Gia Lai
4105	79A-502.73	Khánh Hòa	4805	79C-210.67	Khánh Hòa	5505	79C-210.98	Khánh Hòa	6205	81A-388.23	Gia Lai	6905	81A-388.47	Gia Lai
4106	79A-502.74	Khánh Hòa	4806	79C-210.81	Khánh Hòa	5506	81A-388.13	Gia Lai	6206	81A-388.42	Gia Lai	6906	81A-388.50	Gia Lai
4107	79A-502.91	Khánh Hòa	4807	79C-210.87	Khánh Hòa	5507	81A-388.24	Gia Lai	6207	81A-388.64	Gia Lai	6907	81A-388.63	Gia Lai
4108	79A-503.03	Khánh Hòa	4808	79C-210.91	Khánh Hòa	5508	81A-388.27	Gia Lai	6208	81A-388.70	Gia Lai	6908	81A-388.75	Gia Lai
4109	79A-503.06	Khánh Hòa	4809	79C-210.96	Khánh Hòa	5509	81A-388.34	Gia Lai	6209	81A-388.87	Gia Lai	6909	81A-389.09	Gia Lai
4110	79A-503.19	Khánh Hòa	4810	79C-211.08	Khánh Hòa	5510	81A-388.37	Gia Lai	6210	81A-389.02	Gia Lai	6910	81A-389.14	Gia Lai
4111	79A-503.21	Khánh Hòa	4811	81A-388.22	Gia Lai	5511	81A-388.81	Gia Lai	6211	81A-389.08	Gia Lai	6911	81A-389.18	Gia Lai
4112	79C-210.69	Khánh Hòa	4812	81A-388.30	Gia Lai	5512	81A-388.85	Gia Lai	6212	81A-389.15	Gia Lai	6912	81A-389.36	Gia Lai
4113	79C-210.74	Khánh Hòa	4813	81A-388.56	Gia Lai	5513	81A-388.97	Gia Lai	6213	81A-389.17	Gia Lai	6913	81A-389.53	Gia Lai
4114	79C-210.77	Khánh Hòa	4814	81A-388.61	Gia Lai	5514	81A-389.03	Gia Lai	6214	81A-389.31	Gia Lai	6914	81C-256.19	Gia Lai
4115	79C-211.04	Khánh Hòa	4815	81A-388.67	Gia Lai	5515	81A-389.22	Gia Lai	6215	81A-389.37	Gia Lai	6915	81C-256.29	Gia Lai
4116	79C-211.09	Khánh Hòa	4816	81A-388.72	Gia Lai	5516	81A-389.24	Gia Lai	6216	81A-389.47	Gia Lai	6916	81C-256.39	Gia Lai
4117	79C-211.10	Khánh Hòa	4817	81A-388.93	Gia Lai	5517	81A-389.48	Gia Lai	6217	81A-389.50	Gia Lai	6917	81C-256.44	Gia Lai
4118	81A-388.15	Gia Lai	4818	81A-388.95	Gia Lai	5518	81C-256.11	Gia Lai	6218	81A-389.60	Gia Lai	6918	81C-256.62	Gia Lai
4119	81A-388.32	Gia Lai	4819	81A-389.00	Gia Lai	5519	81C-256.25	Gia Lai	6219	81C-256.13	Gia Lai	6919	81C-256.77	Gia Lai
4120	81A-388.39	Gia Lai	4820	81A-389.07	Gia Lai	5520	81C-256.30	Gia Lai	6220	81C-256.27	Gia Lai	6920	81C-256.80	Gia Lai

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4121	81A-388.40	Gia Lai	4821	81A-389.33	Gia Lai	5521	81C-256.40	Gia Lai	6221	81C-256.31	Gia Lai	6921	81C-256.83	Gia Lai
4122	81A-388.51	Gia Lai	4822	81A-389.43	Gia Lai	5522	81C-256.52	Gia Lai	6222	81C-256.32	Gia Lai	6922	81C-256.84	Gia Lai
4123	81A-388.52	Gia Lai	4823	81A-389.56	Gia Lai	5523	81C-256.53	Gia Lai	6223	81C-256.41	Gia Lai	6923	81C-256.95	Gia Lai
4124	81A-388.53	Gia Lai	4824	81A-389.61	Gia Lai	5524	81C-256.60	Gia Lai	6224	81C-256.58	Gia Lai	6924	81C-256.97	Gia Lai
4125	81A-388.71	Gia Lai	4825	81C-256.12	Gia Lai	5525	81C-256.63	Gia Lai	6225	81C-256.75	Gia Lai	6925	81C-257.07	Gia Lai
4126	81A-388.74	Gia Lai	4826	81C-256.22	Gia Lai	5526	81C-256.99	Gia Lai	6226	81C-256.79	Gia Lai	6926	81C-257.08	Gia Lai
4127	81A-388.78	Gia Lai	4827	81C-256.23	Gia Lai	5527	81C-257.00	Gia Lai	6227	81C-256.85	Gia Lai	6927	88A-664.74	Vĩnh Phúc
4128	81A-388.92	Gia Lai	4828	81C-256.50	Gia Lai	5528	81C-257.01	Gia Lai	6228	81C-256.86	Gia Lai	6928	88A-664.89	Vĩnh Phúc
4129	81A-388.94	Gia Lai	4829	81C-256.59	Gia Lai	5529	88A-664.72	Vĩnh Phúc	6229	81C-256.94	Gia Lai	6929	88A-664.93	Vĩnh Phúc
4130	81A-389.34	Gia Lai	4830	81C-256.65	Gia Lai	5530	88A-664.98	Vĩnh Phúc	6230	88A-664.68	Vĩnh Phúc	6930	88A-664.97	Vĩnh Phúc
4131	81A-389.46	Gia Lai	4831	81C-256.71	Gia Lai	5531	88A-665.09	Vĩnh Phúc	6231	88A-664.90	Vĩnh Phúc	6931	88A-665.04	Vĩnh Phúc
4132	81A-389.49	Gia Lai	4832	81C-256.78	Gia Lai	5532	88A-665.12	Vĩnh Phúc	6232	88C-274.21	Vĩnh Phúc	6932	88A-665.16	Vĩnh Phúc
4133	81A-389.52	Gia Lai	4833	81C-256.91	Gia Lai	5533	88C-274.32	Vĩnh Phúc	6233	88C-274.31	Vĩnh Phúc	6933	88C-274.45	Vĩnh Phúc
4134	81A-389.55	Gia Lai	4834	88A-664.67	Vĩnh Phúc	5534	88C-274.39	Vĩnh Phúc	6234	88C-274.33	Vĩnh Phúc	6934	88C-274.58	Vĩnh Phúc
4135	81C-256.14	Gia Lai	4835	88A-664.70	Vĩnh Phúc	5535	88C-274.63	Vĩnh Phúc	6235	88C-274.35	Vĩnh Phúc	6935	89A-446.42	Hưng Yên
4136	81C-256.54	Gia Lai	4836	88A-664.77	Vĩnh Phúc	5536	89A-445.98	Hưng Yên	6236	88C-274.67	Vĩnh Phúc	6936	89A-446.43	Hưng Yên
4137	81C-256.92	Gia Lai	4837	88A-664.82	Vĩnh Phúc	5537	89A-446.05	Hưng Yên	6237	88C-274.68	Vĩnh Phúc	6937	89A-446.61	Hưng Yên
4138	88A-664.79	Vĩnh Phúc	4838	88A-664.86	Vĩnh Phúc	5538	89A-446.12	Hưng Yên	6238	89A-446.16	Hưng Yên	6938	89A-446.80	Hưng Yên
4139	88A-665.00	Vĩnh Phúc	4839	88C-274.30	Vĩnh Phúc	5539	89A-446.19	Hưng Yên	6239	89A-446.26	Hưng Yên	6939	89A-446.81	Hưng Yên
4140	88A-665.03	Vĩnh Phúc	4840	88C-274.34	Vĩnh Phúc	5540	89A-446.31	Hưng Yên	6240	89A-446.30	Hưng Yên	6940	89A-446.82	Hưng Yên
4141	88A-665.05	Vĩnh Phúc	4841	88C-274.50	Vĩnh Phúc	5541	89A-446.53	Hưng Yên	6241	89A-446.34	Hưng Yên	6941	89A-446.85	Hưng Yên
4142	88A-665.15	Vĩnh Phúc	4842	88C-274.51	Vĩnh Phúc	5542	89A-446.56	Hưng Yên	6242	89A-446.37	Hưng Yên	6942	89A-446.88	Hưng Yên
4143	88C-274.24	Vĩnh Phúc	4843	88C-274.53	Vĩnh Phúc	5543	89A-446.67	Hưng Yên	6243	89A-446.63	Hưng Yên	6943	89A-446.90	Hưng Yên
4144	88C-274.38	Vĩnh Phúc	4844	88C-274.69	Vĩnh Phúc	5544	89A-446.75	Hưng Yên	6244	89A-446.64	Hưng Yên	6944	89A-446.91	Hưng Yên
4145	88C-274.52	Vĩnh Phúc	4845	88C-274.70	Vĩnh Phúc	5545	89A-446.92	Hưng Yên	6245	89A-446.77	Hưng Yên	6945	89A-447.00	Hưng Yên
4146	89A-445.97	Hưng Yên	4846	89A-446.01	Hưng Yên	5546	89A-447.07	Hưng Yên	6246	89A-446.89	Hưng Yên	6946	89A-447.04	Hưng Yên
4147	89A-446.03	Hưng Yên	4847	89A-446.08	Hưng Yên	5547	89A-447.08	Hưng Yên	6247	89A-446.93	Hưng Yên	6947	89A-447.34	Hưng Yên
4148	89A-446.07	Hưng Yên	4848	89A-446.36	Hưng Yên	5548	89A-447.11	Hưng Yên	6248	89A-446.96	Hưng Yên	6948	89A-447.35	Hưng Yên
4149	89A-446.21	Hưng Yên	4849	89A-446.45	Hưng Yên	5549	89A-447.12	Hưng Yên	6249	89A-447.14	Hưng Yên	6949	89A-447.37	Hưng Yên
4150	89A-446.24	Hưng Yên	4850	89A-446.54	Hưng Yên	5550	89A-447.15	Hưng Yên	6250	89A-447.29	Hưng Yên	6950	89C-320.01	Hưng Yên
4151	89A-446.32	Hưng Yên	4851	89A-446.60	Hưng Yên	5551	89A-447.23	Hưng Yên	6251	89A-447.36	Hưng Yên	6951	89C-320.42	Hưng Yên

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4152	89A-446.39	Hưng Yên	4852	89A-446.79	Hưng Yên	5552	89A-447.25	Hưng Yên	6252	89C-320.20	Hưng Yên	6952	89C-320.43	Hưng Yên
4153	89A-446.49	Hưng Yên	4853	89A-447.01	Hưng Yên	5553	89A-447.26	Hưng Yên	6253	89C-320.27	Hưng Yên	6953	89C-320.46	Hưng Yên
4154	89A-446.84	Hưng Yên	4854	89A-447.09	Hưng Yên	5554	89A-447.32	Hưng Yên	6254	89C-320.49	Hưng Yên	6954	89C-320.56	Hưng Yên
4155	89A-446.94	Hưng Yên	4855	89A-447.24	Hưng Yên	5555	89C-320.03	Hưng Yên	6255	89C-320.63	Hưng Yên	6955	89C-320.59	Hưng Yên
4156	89A-446.98	Hưng Yên	4856	89A-447.27	Hưng Yên	5556	89C-320.08	Hưng Yên	6256	89C-320.75	Hưng Yên	6956	89C-320.71	Hưng Yên
4157	89A-447.02	Hưng Yên	4857	89A-447.38	Hưng Yên	5557	89C-320.18	Hưng Yên	6257	89C-320.86	Hưng Yên	6957	89C-320.72	Hưng Yên
4158	89A-447.06	Hưng Yên	4858	89C-320.09	Hưng Yên	5558	89C-320.23	Hưng Yên	6258	89C-320.90	Hưng Yên	6958	90A-251.09	Hà Nam
4159	89A-447.10	Hưng Yên	4859	89C-320.19	Hưng Yên	5559	89C-320.37	Hưng Yên	6259	90A-251.07	Hà Nam	6959	90A-251.22	Hà Nam
4160	89A-447.28	Hưng Yên	4860	89C-320.21	Hưng Yên	5560	89C-320.40	Hưng Yên	6260	90A-251.16	Hà Nam	6960	90A-251.24	Hà Nam
4161	89A-447.40	Hưng Yên	4861	89C-320.29	Hưng Yên	5561	89C-320.44	Hưng Yên	6261	90A-251.43	Hà Nam	6961	90A-251.32	Hà Nam
4162	89A-447.41	Hưng Yên	4862	89C-320.30	Hưng Yên	5562	89C-320.68	Hưng Yên	6262	90A-251.50	Hà Nam	6962	90A-251.45	Hà Nam
4163	89C-320.04	Hưng Yên	4863	89C-320.39	Hưng Yên	5563	89C-320.76	Hưng Yên	6263	90A-251.71	Hà Nam	6963	90A-251.47	Hà Nam
4164	89C-320.11	Hưng Yên	4864	89C-320.47	Hưng Yên	5564	89C-320.85	Hưng Yên	6264	90A-251.80	Hà Nam	6964	90A-251.49	Hà Nam
4165	89C-320.12	Hưng Yên	4865	89C-320.87	Hưng Yên	5565	89C-320.98	Hưng Yên	6265	90A-251.83	Hà Nam	6965	90A-251.53	Hà Nam
4166	89C-320.26	Hưng Yên	4866	90A-251.13	Hà Nam	5566	90A-251.27	Hà Nam	6266	90A-251.98	Hà Nam	6966	90A-251.65	Hà Nam
4167	89C-320.34	Hưng Yên	4867	90A-251.17	Hà Nam	5567	90A-251.35	Hà Nam	6267	90A-252.02	Hà Nam	6967	90A-251.67	Hà Nam
4168	89C-320.38	Hưng Yên	4868	90A-251.33	Hà Nam	5568	90A-251.36	Hà Nam	6268	90A-252.14	Hà Nam	6968	90A-251.68	Hà Nam
4169	89C-320.51	Hưng Yên	4869	90A-251.38	Hà Nam	5569	90A-251.41	Hà Nam	6269	90A-252.20	Hà Nam	6969	90A-251.73	Hà Nam
4170	89C-320.53	Hưng Yên	4870	90A-251.44	Hà Nam	5570	90A-251.51	Hà Nam	6270	90A-252.25	Hà Nam	6970	90A-251.78	Hà Nam
4171	89C-320.66	Hưng Yên	4871	90A-251.74	Hà Nam	5571	90A-251.54	Hà Nam	6271	90A-252.34	Hà Nam	6971	90A-251.81	Hà Nam
4172	89C-320.84	Hưng Yên	4872	90A-251.89	Hà Nam	5572	90A-251.75	Hà Nam	6272	90A-252.39	Hà Nam	6972	90A-251.94	Hà Nam
4173	90A-251.19	Hà Nam	4873	90A-251.91	Hà Nam	5573	90A-252.06	Hà Nam	6273	90A-252.63	Hà Nam	6973	90A-252.17	Hà Nam
4174	90A-251.20	Hà Nam	4874	90A-252.03	Hà Nam	5574	90A-252.08	Hà Nam	6274	90A-252.67	Hà Nam	6974	90A-252.32	Hà Nam
4175	90A-251.29	Hà Nam	4875	90A-252.05	Hà Nam	5575	90A-252.23	Hà Nam	6275	90A-252.71	Hà Nam	6975	90A-252.42	Hà Nam
4176	90A-251.31	Hà Nam	4876	90A-252.11	Hà Nam	5576	90A-252.33	Hà Nam	6276	90A-252.97	Hà Nam	6976	90A-252.47	Hà Nam
4177	90A-251.34	Hà Nam	4877	90A-252.13	Hà Nam	5577	90A-252.35	Hà Nam	6277	90A-252.98	Hà Nam	6977	90A-252.58	Hà Nam
4178	90A-251.37	Hà Nam	4878	90A-252.15	Hà Nam	5578	90A-252.44	Hà Nam	6278	90A-253.13	Hà Nam	6978	90A-252.61	Hà Nam
4179	90A-251.39	Hà Nam	4879	90A-252.36	Hà Nam	5579	90A-252.46	Hà Nam	6279	90A-253.23	Hà Nam	6979	90A-252.76	Hà Nam
4180	90A-251.40	Hà Nam	4880	90A-252.54	Hà Nam	5580	90A-252.48	Hà Nam	6280	90A-253.32	Hà Nam	6980	90A-252.86	Hà Nam
4181	90A-251.42	Hà Nam	4881	90A-252.99	Hà Nam	5581	90A-252.59	Hà Nam	6281	90A-253.40	Hà Nam	6981	90A-252.92	Hà Nam
4182	90A-251.56	Hà Nam	4882	90A-253.12	Hà Nam	5582	90A-252.70	Hà Nam	6282	90A-253.45	Hà Nam	6982	90A-252.96	Hà Nam

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
4183	90A-251.57	Hà Nam	4883	90A-253.15	Hà Nam	5583	90A-252.73	Hà Nam	6283	90A-253.49	Hà Nam	6983	90A-253.01	Hà Nam
4184	90A-251.61	Hà Nam	4884	90A-253.21	Hà Nam	5584	90A-252.74	Hà Nam	6284	90A-253.51	Hà Nam	6984	90A-253.06	Hà Nam
4185	90A-251.64	Hà Nam	4885	90A-253.29	Hà Nam	5585	90A-252.87	Hà Nam	6285	90A-253.53	Hà Nam	6985	90A-253.11	Hà Nam
4186	90A-252.37	Hà Nam	4886	90A-253.35	Hà Nam	5586	90A-252.89	Hà Nam	6286	97A-080.56	Bắc Kạn	6986	90A-253.18	Hà Nam
4187	90A-252.52	Hà Nam	4887	90A-253.41	Hà Nam	5587	90A-252.94	Hà Nam	6287	97A-080.58	Bắc Kạn	6987	90A-253.22	Hà Nam
4188	90A-252.56	Hà Nam	4888	90A-253.47	Hà Nam	5588	90A-253.04	Hà Nam	6288	97A-080.63	Bắc Kạn	6988	90A-253.28	Hà Nam
4189	90A-252.78	Hà Nam	4889	97A-080.57	Bắc Kạn	5589	90A-253.07	Hà Nam	6289	97A-080.66	Bắc Kạn	6989	90A-253.33	Hà Nam
4190	90A-253.05	Hà Nam	4890	97A-080.72	Bắc Kạn	5590	90A-253.09	Hà Nam	6290	97A-080.71	Bắc Kạn	6990	90A-253.36	Hà Nam
4191	90A-253.39	Hà Nam	4891	97A-080.80	Bắc Kạn	5591	90A-253.17	Hà Nam	6291	97A-080.73	Bắc Kạn	6991	97A-080.51	Bắc Kạn
4192	90A-253.44	Hà Nam	4892	97A-080.81	Bắc Kạn	5592	90A-253.48	Hà Nam	6292	97A-080.78	Bắc Kạn	6992	97A-080.70	Bắc Kạn
4193	97A-080.69	Bắc Kạn	4893	97A-080.93	Bắc Kạn	5593	90A-253.50	Hà Nam	6293	97A-080.90	Bắc Kạn	6993	97A-080.91	Bắc Kạn
4194	97A-080.82	Bắc Kạn	4894	97A-080.94	Bắc Kạn	5594	97A-080.52	Bắc Kạn	6294	97A-081.00	Bắc Kạn	6994	97A-080.92	Bắc Kạn
4195	97A-080.84	Bắc Kạn	4895	97A-080.99	Bắc Kạn	5595	97A-080.54	Bắc Kạn	6295	97A-081.02	Bắc Kạn	6995	97A-080.98	Bắc Kạn
4196	97A-080.86	Bắc Kạn	4896	97A-081.03	Bắc Kạn	5596	97A-080.64	Bắc Kạn	6296	97A-081.10	Bắc Kạn	6996	97A-081.04	Bắc Kạn
4197	97A-080.89	Bắc Kạn	4897	97A-081.18	Bắc Kạn	5597	97A-080.67	Bắc Kạn	6297	99C-302.27	Bắc Ninh	6997	97A-081.12	Bắc Kạn
4198	97A-081.07	Bắc Kạn	4898	97A-081.22	Bắc Kạn	5598	97A-080.68	Bắc Kạn	6298	99C-302.29	Bắc Ninh	6998	97A-081.17	Bắc Kạn
4199	97A-081.13	Bắc Kạn	4899	99C-302.30	Bắc Ninh	5599	97A-080.95	Bắc Kạn	6299	99C-302.38	Bắc Ninh	6999	99C-302.26	Bắc Ninh
4200	99C-302.31	Bắc Ninh	4900	99C-302.32	Bắc Ninh	5600	97A-081.06	Bắc Kạn	6300	99C-302.39	Bắc Ninh	7000	99C-302.28	Bắc Ninh